

BẠN ĐỌC VIẾT

★ TỰ-ĐIỂN I TỰ-ĐIỂN I

(của cô Hà-Hồng-Hoa, Giáo-sư Trung-học Sài-gòn)

... Tôi mua quyển *Tự-điển Việt-Pháp* ấy ở Cần-thơ hồi năm 1957, ở tỉnh họ bán đến 200 \$. Tôi phải mua, vì nghề-nghiệp bắt-buộc, vì danh-từ mới nhiều quá mà khó hiểu. Không những tôi, mà cho đến các bạn đồng nghiệp cũng không giảng nghĩa xác-đáng nhiều danh-từ mới. Quyển *Tự-điển Việt-Pháp* của tôi mua, xuất-bản năm 1956, thì chúng tôi tưởng có đủ các danh-từ mới giảng rành-rẽ để chúng tôi tra-cứu. Nhưng thưa ông, đây: tôi xin kể một vài chữ mà chúng tôi bị học trò hỏi và bị «*Tự-điển*» cho nghĩa sai lầm:

1.— KIỂM THẢO, trong một quyển «*Việt-Pháp Tự-điển*» dịch như vậy: *faire un compte-rendu, censurer*. Tất cả các bạn đồng-nghiệp của tôi đều phê-bình là «*tự-điển*», nói sai. *Faire un compte-rendu* là tường-trình hoặc phúc trình chỗ đâu phải KIỂM-THẢO? Và *faire un compte rendu un censeur* sao lại là *censurer*? Chúng tôi tưởng *censurer* là KIỂM DUYỆT.

2.— TÁC PHONG, trong *Tự-điển* đó, dịch là *manière d'agir, maintien*. Xin thưa là chúng tôi không hiểu gì hết.

3.— Trong *Chinh-phụ-ngâm*, có chữ CỪ-MỘC. Chúng tôi tra *Tự-điển Việt-Pháp* xem là cây gì, thì quyển *Tự-điển* kia ghi là «*saule*». Chúng tôi ngạc-nhiên tra *Tự-điển Pháp-Việt* thì lại thấy *Saule* = CÂY LIÊU, *Tự-điển Hán-Việt* của ông Đào-duy-Anh lại nói: «*Cừ mộc* = một cây to cành, lá cong xuống để cho dây bìm dây sắn leo lên». Như vậy thì cây liêu đâu phải là «*cây to*» và CỪ MỘC đâu phải là «*CÂY LIÊU*»?

4.— DŨ-KIỆN. Trong một bài luận-thuyết của báo *Phổ-Thông* (tôi quên số), có một danh-từ mới lạ: «*DŨ-KIỆN* của vấn-đề». Chúng tôi không hiểu, tra «*Tự-điển Việt-Pháp*», không có chữ ấy. Sau tôi viết thư hỏi ông chủ-bút, ông trả lời: «*Dũ-kiện* của vấn-đề là những yếu-tố chính làm nòng-cốt của vấn-đề. *Les données du problème*».

me». Như thế thưa ông, tại sao trong «Tự-điển Việt-Pháp», không có chữ ấy? Đọc Phổ-Thông số 30, chúng tôi thấy ông N.V. nói đến chữ «Đào-Hoa» mà trong quyển Tự-điển kia dịch là «*Séducteur de femmes, Don Juan*» Ông N.V. cho là dịch ầu, nhưng ông không giảng rõ ầu như thế nào. Tôi hỏi ông hiệu-trưởng trưởng chúng tôi (Cử-nhân Văn-chương), ông bảo: Tiếng Pháp nói: *Séducteur*, là kẻ quyến-rũ đàn bà con gái, chớ không nói «*Séducteur de femmes*» và chính ông cũng cho rằng Tự-điển kia nói *Séducteur de femmes* là «*incorrect*» — không đúng Pháp văn. Vả chẳng người quyến - rũ đàn - bà sao gọi là người «ĐÀO - HOA»? Hay là tác - giả quyển Tự-điển kia muốn nói NGƯỜI CÓ SỐ ĐÀO HOA? Nhưng thưa ông, nếu tự điển nói như vậy cũng là sai vì «người có số đào-hoa» đâu phải là «*Séducteur*» là người quyến rũ đàn bà? Còn nói: «Đào hoa = *Séducteur de femmes*», thì thật là sai cả nghĩa tiếng Việt, sai cả văn Pháp nữa, như trong *Phổ-Thông* đã chỉ chỗ sai lầm đó cho tác giả quyển Tự-điển Việt-Pháp» kia.

Còn bao nhiêu chữ sai lầm và thiếu sót khác nữa mà những khi tra Tự-điển chúng tôi vẫn thường gặp luôn...

* ĐỨC NAGASENA KHÔNG NGUY-BIỆN.

(của Sư-ông Thích-Thiện-Châu)

Xem xong bài «*An-Tử và Nagasena nguy biện*» của Ô. Thâm-thệ-Hà, trong *Phổ-Thông* số 26, chúng tôi đồng ý ở điểm tác giả cho rằng phép tỷ-luận đồng phương là một lối lý luận gây được nhiều hứng thú cho người nghe và người đọc. Nhưng chúng tôi không đồng ý ở điểm ông kết án Đức Nagasena là nguy biện, bởi lẽ Đức Nagasena đã «*đặt vấn đề không đúng và kết luận sai*» trong khi biện minh đạo lý vô ngã với Vua Milinda.

Ông Thâm-thệ-Hà căn cứ trên chữ của trong đoạn văn sau đây, do ông dẫn chứng:

«... Nếu không có người Nagasena thì tác gia có phải CỬA Nagasena không?

«— Không.

(xem tiếp trang 125)

PHỔ-THÔNG

TẠP-CHÍ

GÓP PHẦN XÂY DỰNG VĂN-HÓA VIỆT NAM
PHỔ BIẾN VĂN-HÓA ĐÔNG-TÂY KIM CÔ

Giám-Đốc, Chủ-Bút: NGUYỄN-VỸ

Quản-lý: TRẦN-VĂN-LANG

Tòa-soạn: 283 Đường Gia-Long — Saigon — Đ. T. Saigon 307



BỘ MỜI SỐ 31 * 1-4-1960

1.— Dạ Hội Văn Nghệ ở Paris.	Phan-chí-Linh	7 — 9
2.— Doctor Elmer Verner McCollum . Thelma S. Nason		10 — 16
3.— Trường Tàu và Trạng Ta	Lê-văn-Trương	17 — 19
4.— Đơn côi (thơ)	Lữ Quỳnh	20
5.— Con gái cưng của mẹ (truyện ngắn) . .	Phương Anh	21 — 27
6.— Hai bài thơ «Sống» và «Chết». .	Lương Trọn Minh	28 — 30
7.— Nàng chinh-phụ trong chinh-phụ ngăm Vũ đức Trinh		31 — 36
8.— Giấc Chày Vôi của Đoàn Trưng. .	Nguyễn Quang	37 — 43
9.— Mối tình cao thượng của Công Chúa Trần Huỳnh Hoà		44 — 48
10.— Những áng thơ hay	Thâm Thệ Hà	49 — 55
11.— Chí-sĩ Nguyễn-trường-Tộ cảm-đề .	Nguyễn Bá Thế	56 — 57
12.— Từ thần (thơ)	T. K. Hoàng quang Bằng	58
13.— Thế mới là tình yêu (truyện quốc tế) . .	Văn-Son	59 — 62

W179.073
101 - X

14.— Người thơ xuất hiện Mặc - Thu 63 — 65
 15.— Một hạm đội Nga trốn tại Vịnh Cam Ranh Tân Phong 66 — 72
 16.— Những cuộc tình duyên của G. Flaubert . Trúc Việt 73 — 79
 17.— Minh ơi ! Diêu Huyền 80 — 88
 18.— Đặng thúc Liêng Đặng công Thắng 89 — 93
 19.— Thơ cụ Phan Khôi làm trong chiến kiu . Mỹ Khanh 94 — 95
 20.— Văn-sĩ thi-sĩ tiền chiến Nguyễn Vỹ 96 — 102
 21.— Cô gái diên Vi Huyền Đắc 103 — 107
 22.— Thơ lên ruột Diêu Huyền 108 — 109
 23.— Tôi làm phim Thái thúc Diễm 110 — 113
 24.— Cà - Kê Trọng Tấu và Ba Tèo 114 — 117
 25.— Sách báo mới P. T. 118 — 120
 26.— Kiên Trinh Cô Vân Nga 121 — 124
 27.— Đáp bạn bốn phương . . . Bạch Yến và Diêu Huyền 125 — 130

Sắp xếp bài, trình-bày bìa và nội dung, cho màu . . . Cô Diêu-Huyền
 * Bìa kẽm Nguyễn-Văn-Dầu
 * Bìa Offset Vạn-Quốc

• Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiền trích
 đăng những bài trong tạp-chí PHỒ - THÔNG, nhưng
 yêu-cầu đề rõ xuất-xứ : « Trích Tạp-chí PHỒ - THÔNG »
 và đừng viết tắt.

• Cấm trích, dịch, phỏng, đăng vào sách báo Ngoại-
 quốc mà không xin phép.
 • Tous droits de traduction, d'adaptation, et de
 reproduction même partielle, réservés pour tous
 pays.
 Copyright by PHO-THONG, printed in Việt-Nam



Dạ-hội văn-nghệ
 ở PARIS

Kỷ-niệm Thi-sĩ TẢN-ĐÀ

NGUYỄN - KHẮC - HIẾU

★ PHAN-CHÍ-LINH
 (Đại-học-xá, Paris)

Hôm 26 Février vừa rồi, Hội Pháp Việt Thân-Hữu ở Paris, dưới quyền chủ-tọa của Giáo-Sur Gustave Meillon, có tổ-chức tại khu Đại-học-xá một buổi dạ-hội văn-nghệ tưng-bừng hào-hứng, kỷ-niệm Thi-sĩ Tản-Đà Nguyễn - khắc - Hiếu. Trong gian phòng rộng-rãi trang hoàng rất mỹ-thuật, và trước một số thính-giả đông nghệt, chật ních cả phòng, gồm toàn là Sinh-viên Đại-học, Nam, Nữ

Việt, Pháp, Giáo-sur Custave Meillon trình bày mục-đích và chương-trình buổi dạ-hội đêm nay. Ông được thính-giả nhiệt liệt hoan-nghehnh vì dạ-hội văn-nghệ ở Kinh-đô Pháp để kỷ-niệm nhà Thi-hào của núi Tản sông Đà đã thực-hiện được là do sáng - kiến rất tốt đẹp của Giáo - sur Meillon và chi - hội Pháp-Việt Thân-Hữu ở Paris.

Tiếp theo ông, Giáo - sur Nguyễn-văn-Cổn và nhà văn

Nguyễn-tiến-Lãng lần-lượt lên diễn-đàn thuyết-trình về thân-thể và sự-nghiệp của Tân-Đà Nguyễn-khắc-Hiếu, mỗi tình mẫu-tử thâm-dậm của Thi-sĩ đối với Mẹ là Nữ ca-sĩ Nghiêm, và lòng yêu nước thiết-tha của ông. Nhiều bài thơ của Thi-sĩ được ngâm lên, gây cho thính-giả một hoài-niệm cảm-động êm đềm hướng về Đất Nước Việt-Nam yêu dấu.

Nhiều bài thơ nhất là bài «Nước tôi» được dịch ra Pháp-văn, do Nữ ký-giả và nghệ-sĩ Pháp S. Ribeyre ngâm với một giọng ngân-ngã tuyệt-diệu. Cô Thu-Hương, Sinh-viên Đại-học, và ông Michel Mỹ, ông Đặng-trần-Vân hòa đờn thập-lục ru dương theo nhịp Thơ.

Thính-giả vỗ tay hoan-nghênh không ngớt. Kế đó, giáo-sư G. Meillon chiếu một cuốn phim màu về tình-hình hiện tại ở Việt-Nam, mà ông đã thực hiện trong cuộc viếng thăm của ông tại Việt-Nam hồi mùa hè năm ngoái, từ các thắng cảnh ở Huế, ở Tây-Ninh, Hà-Tiên, đến các công trình kiến-thiết mới ở Saigon, Cần-Thơ, các cảnh đồng quê ở Biên-Hòa,

Thủ-dầu-Một, Châu-Đốc, cho đến các cuộc khai-khẩn ở Cao-Nguyên, ở Cái-Sắn, các cảnh chài lưới ở Long-Hải, Phan-Thiết, v.v...

Khán-giả rất tán thưởng công việc của giáo-sư và hy-vọng ông sẽ trở qua Việt-Nam một lần nữa và làm một cuốn phim thật dài hơn nữa.

Vô-tuyến truyền-hình Paris có tham-gia đại-hội hào-hứng này và các bài thuyết trình về Thi-sĩ Tân-Đà, cuộc hòa nhạc và chớp bóng đều được thu thanh và hình để truyền đi các nơi.

Đại-hội văn-nghệ kỷ-niệm Thi-sĩ Tân-Đà ở Đại-Học-Xá Paris đã gây cho Kiều-bào ta và các giới văn-hóa ở Thủ-đô Pháp một không-khí hào-hứng vô-cùng, một hoài-niệm và một cảm-tưởng rất êm đẹp, và rất nhiều triển-vọng về cuộc tuyên truyền văn-chương và tư-tưởng Việt-Nam ở Pháp và Thế-Giới.

PHAN CHÍ LINH

* Trong số tôi chúng tôi sẽ đăng hai bài thuyết trình của giáo-sư Nguyễn-văn-Côn và nhà văn Nguyễn-Tiến-Lãng.

Trung-tâm văn-hóa Pháp Việt ở Paris

(Centre culturel Franco-Vietnamien)

Nhân dịp này, chúng tôi có nhận được một bức thư của ông bạn rất đáng kính mến, Giáo-sư G. Meillon, cho biết ý-định của ông muốn thực-hiện tại Paris một Trung-tâm Văn-Hóa Pháp Việt (Centre Culturel Franco-Vietnamien). Hình như Bộ Ngoại-giao Pháp đã tán-thành và ủng-hộ. Nếu được thì tháng Bẩy năm nay, ông G. Meillon sẽ trở qua Việt-Nam để trình-bày đại-cương của tổ-chức văn-hóa ấy với Chính-Phủ Việt-Nam Cộng-Hòa, mục-đích của Trung-Tâm Văn-Hóa Pháp Việt là phát-triển sự trao đổi Văn-Hóa Việt Pháp, và giúp đỡ Sinh-Viên Việt-Nam ở Pháp về các phương diện tinh thần và vật chất. Cơ-quan ấy sẽ hướng dẫn các Sinh-Viên mới qua trong việc học hỏi để khỏi bơ-vơ lạc lõng giữa rừng học-vấn của Kinh-Đô Paris và để đến khi trở về Nước nhà, được đem khả-năng trí-thức của mình mà

áp-dụng được ngay trong các ngành hoạt động. Hiện nay, theo lời Giáo-Sư G. Meillon, rất đông Sinh-Viên Việt-Nam ở Pháp đang nóng lòng chờ đợi công việc vận động tổ-chức Trung tâm Văn-Hóa được thành công.

Tạp-Chí *Phổ-Thông* rất hoan nghênh sáng-kiến của Giáo-Sư G. Meillon, và hy-vọng việc làm của ông sẽ có kết-quả viên-mãn. Chúng tôi nhiệt-liệt ủng-hộ ông bạn trong công-trình lớn lao phổ-biến Văn-Hóa Việt-Nam tại Pháp và giúp đỡ Sinh-Viên Việt-Nam đang cố gắng rèn đúc tài năng và trí-thức tại các trường Đại-Học Pháp nhất là ở Paris. Chúng tôi tin chắc rằng Tổng-Thống Ngô-Đình-Diệm sẽ sẵn-sàng khuyến-khích và tác thành công cuộc văn-hóa rất tốt đẹp ấy.

N. V.

doctor

ELMER
VERNER
Mc
COLLUM

DANH NHÂN QUỐC-TẾ : « BÁC-SĨ SINH-TỐ »



BÁC-sĩ Elmer Verner McCollum, đã được người ta gán cho cái biệt hiệu là «Bác sĩ Sinh tố», cha đẻ của sự dinh dưỡng và cũng là người đã thay đổi tập quán ăn uống theo khoa học. Chính bác sĩ Edwards A. Park, là người bạn cộng sự của ông cũng phải công nhận ông là một «Abraham Lincoln của Khoa học».

Công cuộc khảo cứu của bác-sĩ McCollum tại Đại-học-đường Wisconsin (Mỹ) từ năm 1907 đến 1917 và tại Trường Vệ-sinh và Y - tế thuộc Đại-học-đường Johns Hopkins từ năm 1917 đến 1944, thường là đề tài của nhiều tờ báo và nhiều nhà bình luận.

Tường thuật lại một buổi thảo luận về vấn-đề sinh-tố tổ chức tại Đại-học-đường Johns Hopkins, tờ *Time* năm 1951 đã viết như sau về bác-sĩ McCollum : «Hơn ai hết, bác-sĩ đã đem lại chất sinh tố vào bánh mì và sữa của chúng ta, đã đem đến trái cây tươi cho các bữa ăn sáng và rau tươi trong bữa ăn hàng ngày của chúng ta».

Tại Wisconsin, giáo sư E.B. Hart thực hiện một loạt những cuộc thí nghiệm về dinh dưỡng cho loại bò. Ông chia số bò cái

★ **THELMA S. NASON**
(*The Johns Hopkins*)

ra làm ba đàn khác nhau và cho mỗi đàn ăn một loại ngũ-cốc khác nhau : lúa mì, ngô hoặc kiều mạch, để xem loại ngũ cốc nào bổ dưỡng nhất. Sau khi thí nghiệm người ta nhận thấy một sự khác biệt rõ rệt giữa ba đàn bò cái đó : những con bò được nuôi bằng ngô tỏ ra khoẻ mạnh hơn cả, còn đàn bò được nuôi bằng lúa mì thì tệ nhất. Như thế người ta thấy rằng ngô giúp cho bò cái khoẻ mạnh hơn và sinh - sản được những con bò con tráng-khiên hơn, còn kiều-mạch thì ít hiệu-quả hơn, trong khi những con bò được nuôi bằng lúa mì thì chỉ đẻ ra những con bê yếu đuối, chưa trông thấy ánh mặt trời bao lâu đã mù mắt và thường thường đẻ được ít bừa thì chết. Nhiệm-vụ của ông McCollum là phải tham-gia công cuộc khảo cứu này để tìm hiểu nguyên-nhân của sự khác biệt về dinh-dưỡng đó.

50 năm về trước, người Mỹ phần lớn chỉ dùng bánh mì, thịt, đậu, đường và một vài thứ ngũ-cốc khác làm món ăn chính. Những thức đó được coi là món ăn phổ - thông nhất, vừa rẻ tiền lại vừa giàu chất đản-bạch-tinh và nhiệt - lượng. Hồi đó không

những hầu hết dân-chúng mà đến như các nhà khảo-cứu về dinh-dưỡng cũng đều công-nhận rằng bộ ba — chất đản - bạch - tinh, chất mỡ và chất Hi-róc xít Các-bon là những nguyên-tố cần-yếu duy-nhất của một bữa ăn đầy đủ. Chẳng món thực-phẩm nào được coi trọng bằng số nhiệt lượng (calorie) và sự dễ tiêu-hóa của món ăn trung-bình. Sự khảo-cứu hồi đó chỉ căn-cứ theo kinh-nghiệm và theo thống-kê, chứ không căn-cứ vào công cuộc thí-nghiệm.

Quan-niệm dinh-dưỡng trong những năm đầu thế-kỷ thứ hai mươi đại đề là như thế, và ông McCollum hồi đó ở Wisconsin cũng chẳng thấy một triển-vọng nào đáng khuyến-khích cả. Nhưng ông vẫn bền trí theo đuổi việc sưu-tầm qua sự đọc sách. Và chẳng bao lâu, ông đã trông thấy một tia hy-vọng.

Ông McCollum đã đề hết tâm trí đọc cuốn *Jahrebericht uber die Fortschritte der Thier-Chemie* của Maly, là một cuốn niên-giám viết bằng tiếng Đức nói một cách hết sức trùu-tượng về hóa học động vật và thảo mộc. Trong hàng

trăm bài viết về vấn-đề đó, ông chỉ đề ý có 13 bài nói về những cuộc thí - nghiệm riêng biệt, được đặt dưới sự hướng dẫn của nhiều nhà khảo cứu trong nhiều năm trời. Súc-vật được nuôi bằng chất bổ cần thiết và rất « tinh-khiết », được hòa trộn theo tỷ-lệ được chính thức coi là lý tưởng nhất. Điều mới mẻ trong những cuộc thí-nghiệm này là người ta không còn xử dụng những thực phẩm thiên nhiên hoàn toàn nữa, mà chỉ dùng những thức ăn chế biến tại phòng thí nghiệm. Bác sĩ McCollum nhận thức rằng những cuộc thí nghiệm đó là những cố gắng đầu tiên có hiệu lực thực sự để đem những tin điều dinh dưỡng đã được người ta chấp nhận từ lâu ra thí nghiệm theo phương pháp khoa học. Nếu cuộc thí nghiệm đem lại kết quả, thì súc vật chắc chắn có thể này nở với thức ăn chế biến trong phòng thí-nghiệm.

Nhưng không, súc vật đã không này nở theo như ý muốn, và đó là điều đã làm bác - sĩ

McCollum phải bực bội. Súc-vật không được khoẻ mạnh và đôi khi còn bị chết là đằng khác. Bác-sĩ McCollum đã tự hỏi : « Tại sao thế nhỉ ? » Và chính bác sĩ đã tự trả lời : « Có lẽ trong thức ăn còn cần phải có thêm nhiều chất bổ khác nữa mà khoa học chưa khám phá đó thôi. » Bác-sĩ còn đi xa hơn thế nữa : Ông đã bắt đầu nghĩ tới những cuộc thí-nghiệm sẽ giúp loài người khám phá được những vật « chưa được quen biết ». Ông đã nghĩ ra cách và đã quyết định dùng loài chuột để thí nghiệm trong phòng thí-nghiệm.

Năm năm sau đã đem lại cho bác-sĩ nhiều thành - quả đáng mừng, và lúc đó là lúc mà bác-sĩ McCollum đang chuẩn bị cách mạng toàn thể quan niệm của loài người về thực phẩm, một cuộc cách mạng mà chính ông là vị lãnh tụ. Nhiều nhà bác học cho rằng bác sĩ McCollum nên phải được giải thưởng Nobel để tưởng thưởng sự đóng góp vĩ đại của ông vào nền khoa học. Sau khi ông xử dụng loài chuột để thí-nghiệm, phòng thí-nghiệm Wisconsin của ông đã thể

hiện hết khám-phá này đến khám phá khác. Mười năm nghiên-cứu của ông tại Wisconsin đã hoàn-toàn thay đổi quan-niệm của ta đối với thực-phẩm. Phong-tục và sự mê-tín xung-quanh vấn-đề thực-phẩm dần dần tiêu-tán, để được thay thế bằng những sự thật có tính-cách khoa-học và xác thực hơn.

Bác-sĩ McCollum là người đầu tiên đã dẫn-chứng sự hiện-hữu của chất mỡ, chất sinh-tổ A, rất quan-hệ cho sức khoẻ và sự phát dục. Những con chuột mà ông thí-nghiệm là bằng chứng cụ-thể nhất. Những con chuột nào được ăn bơ và lòng đỏ trứng gà trộn lẫn với thức ăn căn-bản thì rất mập và mượt, trái lại những con nào ăn chất mỡ lấy ở đầu ô-liu và mỡ lợn thì không lớn được chút nào cả. Bác-sĩ McCollum kết-luận rằng **trong chất bơ và lòng đỏ trứng gà, có một yếu-tố chưa ai biết tới là VITAMINE A** mà cũng không có trong các chất mỡ thường khác, nhưng rất cần-thiết cho sự phát-dục. Năm 1913 ông đã cho xuất-bản công cuộc khám-phá đó của ông, và chỉ trong vòng mấy tháng sau, chính ông Mendel, là vị giáo-sư cũ của ông, và cả ông Thomas B. Osborne đều xác-

nhận sự khám-phá đó.

Loài chuột vẫn tiếp tục đóng vai trò chính trong nhiều cuộc thí-nghiệm khác trong những năm kế tiếp. Trong một cuộc thí-nghiệm người ta nhận thấy rằng, những con chuột nào thiếu chất sinh-tổ A đều bị sưng mắt và có nhũ. Hai hôm sau thì nhân-cầu của chuột bị đứt mạch máu. Nhưng trước khi nhân-cầu bị đứt mạch máu mà người ta kịp cho chuột ăn chất sinh-tổ A thì mắt của chuột lại lành ngay và trở lại bình thường.

Trong một cuộc thí-nghiệm khác, người ta nhận thấy rằng chuột rất cần ăn lá cây, mà từ trước đến giờ vẫn không ai cho đó là một món ăn, vì thường thường ai cũng chỉ cho chuột ăn ngũ-cốc. Những con chuột nào chỉ được ăn ngô, kiều-mạch, và lúa mì thì rất nhỏ con, so sánh với những con khác được ăn **lá cây và ngũ-cốc** pha trộn. Người ta cũng nhận-rang sữa có một chất dinh-dưỡng rất quý giá.

Những cuộc thí nghiệm với loài chuột còn cho người ta thấy rằng chất đàn-bạch-tinh có những

ảnh hưởng dinh - dưỡng khác nhau, mặc dù sự kết-cấu hóa-học của nó dường như không có gì khác cả. Người ta còn được biết thêm rằng sữa có nhiều chất bô hơn rau; những bộ phận như tim, cật và gan chứa đựng nhiều chất bô hơn những miếng thịt bấp thông thường. Tất cả những ngũ-cốc thông thường đều thiếu chất bô và cần phải được bổ xung thêm chất đàn-mạch-tinh, chất Calcium, muối và chất mỡ có chứa sinh-tổ A. Gạo giã cần được bổ xung thêm một chất nữa, và chất đó thường thấy trong cám hoặc mầm lúa mì, thì mới có thể gọi là hoàn toàn bô được.

Giờ đây, người ta không còn nghi ngờ gì nữa về sự tương-quan giữa sự dinh dưỡng với sức-khoẻ. Những sự quan sát và thí-nghiệm của bác-sĩ McCollum cũng như của các nhà bác học khác đã được sưu tập, được lựa-chọn kỹ càng và được in thành sách. Giờ đây người ta cho rằng tất cả những bệnh nào mà bệnh căn không được rõ đều do sự ăn uống thiếu chất dinh dưỡng gây ra cả.

Một cuốn sách nói về bệnh phù mà bác sĩ McCollum đã đọc xác nhận những sự nhận xét của bác sĩ về gạo giả và gạo lứt. Những cuộc khảo cứu khác tiết lộ thêm rằng yếu tố chứa đựng trong cám và mầm lúa mì, mà sau này người ta gọi là sinh tố B, rất dễ tan trong nước và khác hẳn sinh-tổ A, là chất dễ tan trong chất mỡ. Các nhà khảo cứu phải mất thêm **20 năm nghiên cứu** nữa mới khám phá ra rằng SINH-TỐ B thực ra chứa đựng rất nhiều chất sinh tố, trong số có cả SINH-TỐ B12, là một thứ thuốc rất tốt để chữa bệnh thiếu máu.

Danh từ "SINH-TỐ" (VITAMINE) chính là do ông CASSIMIR FUNK, một nhà hóa-học Ba-Lan, năm 1912 đặt ra, sau khi ông đã dùng loài chim bồ câu cho ăn gạo giả trắng rồi thành bệnh phù. Chính ông này đã tin chắc rằng có một chất dinh dưỡng "rất cần thiết cho sự sống" mà loài người chưa biết tới. Và ông đề nghị đặt tên cho chất đó là chất sinh-tổ (Vitamine). Năm 1914, ông Funk cho xuất bản một cuốn sách trong đó ông nói rằng những bệnh như bệnh hoại huyết, bệnh

ra-si-tít, bệnh phụng điên (pellagra) và bệnh phù đều do sự thiếu chất sinh tố gây ra cả.

Sau nhiều năm thí nghiệm với loài chuột, bác sĩ McCollum đã công khai chỉ trích tiêu chuẩn ăn uống của người Mỹ.

Năm 1914 ông được mời diễn thuyết tại một câu-lạc-bộ phụ nữ ở Madison. Thật là một buổi họp mặt hào hứng, đối với diễn giả cũng như thính giả. Ông đã nói với các bà rằng gia đình của họ ăn uống không được đầy đủ; ngay như mấy con chuột của ông thí nghiệm cũng không thể sống với lối ăn như thế, huống hồ loài người. Ông nhấn mạnh về tính cách quan trọng của RAU, TRÁI CÂY TƯƠI và THỊT, trong bữa ăn hàng ngày và ông cũng ca ngợi những đức tính của SỮA: Những lời khuyên của ông mà sau này đã được in thành sách "Những lời khuyên mới về dinh dưỡng" xuất bản năm 1918. Kỳ nguyên sinh tố đã mở rộng từ đó tại Hoa-kỳ.

Năm 1922 bác sĩ McCollum và vài vị cộng sự của ông, như các ông Park, Shipley and Sim-

monds loan báo một khám phá mới, một chất sinh-tổ mới rất dễ tan trong chất mỡ, mà người ta thấy rất nhiều trong DẦU CÁ THU, vì đây là chất sinh-tổ thứ tư mà loài người đã tìm thấy nên chất đó được đặt tên là SINH-TỔ D.

Năm 1927, bác-sĩ McCollum lại có thêm một sứ-mạng mới : giáo-dục công-chúng về hiểu rõ sự quan-trọng của thức ăn đối với sức khoẻ và hạnh-phúc. Khác hẳn những đồng-nghiệp khác, tuy đã đóng góp không ít vào nền khoa-học, nhưng chẳng bao giờ đi ra khỏi phạm-vi phòng thí-nghiệm của họ, bác-sĩ McCollum là một nhà bác-học có sứ-mạng quảng-bá quan-niệm mới về dinh-

dưỡng. Năm 1923, ông từng nói rằng : " Con người trung - bình không biết cách tiết chế sự ăn uống của mình. Họ không biết lúc nào nên ngừng ăn, mà cũng ít khi biết nên ăn những món nào tốt. Ông đã hướng nghị-lực của ông vào việc giúp dân-chúng vượt qua được sự đói khát đó.

Kết-quả của những cuộc thí-nghiệm của ông với loài chuột cho thấy rõ sự khác biệt giữa những con chuột được dinh-dưỡng đầy đủ và những con thiếu dinh-dưỡng. Đó cũng là một bằng chứng dễ dẫn-chứng cho những lời khuyên nhủ của ông rằng sữa và rau tươi là những "thức ăn có khả-năng bảo-vệ".

★ THẠO ĐỜI

NÀNG : Tôi hết yêu anh rồi, anh Thu à. Bây giờ tôi yêu anh Xuân. Nè, chiếc cà-rá của anh đã cho tôi, tôi trả lại anh.

THU : Ủ. Mà thằng Xuân đâu ?

NÀNG : Anh hỏi chi vậy ? Anh muốn kiểm anh Xuân để đánh lộn với anh hả ?

THU : Không. Đề tôi bán lại chiếc cà-rá này cho nó.

M.H.C.

Tướng Tàu
v à
Trạng Ta

★ LÊ VĂN TRƯƠNG

CẢ triều-đình nhón nhạo về cái tin tướng Trung-Hoa là Mã-Bá Ôn (cái tên vị nguyên-soái Tàu mỗi người nói mỗi khác, không biết có đúng không. Chỉ biết không phải là Lưu Bá-Ôn) nhân dịp tan loạn Nùng tại Lạng Quảng, Vân - Nam, muốn thừa thắng viễn đẩu, đem đoàn quân Kiều-Hùng xâm-nhập nước nhà. Hiện ba mươi vạn quân đã tới Cao Bằng, và đóng lại đó nghỉ ngơi. Bất chợt sẽ kéo giặc sang địa phận Việt-Nam. Thế rất lớn.

Tại kinh đô Thăng - Long, người ta còn chưa biết cử ai làm tướng để thống-linh ba quân kéo đi chống giặc. Thì có tin sứ giả Tàu đã tới, đem theo không phải là chiếu - thư mà là một bài thơ. Và một thách thức : họa lại.

Không bài binh bố trận, nước đại Trung-hoa mời nước Việt Nam tiểu nhược một cuộc chinh chiến... bằng bút.

Đó là một lời mà người xưa dùng để dò xem đối-phương còn

có nhân tài không ? Mà cũng có lẽ vì nghĩ tới những ngày nào xưa mà đoàn quân Viễn chinh đã bị đánh không còn mảnh giáp, cho nên mới dò xét thế. Tuy muốn kéo đoàn quân thừa thắng chàn vào nước ta, nhưng Mã Bá Ôn ý hẳn còn ón về cái truyện Ô Mã Nhi bị phơi thây và Hoàng-Phúc bị sanh cầm, mới đóng quân lại, làm một bài thơ lắt léo gửi sang. Chẳng qua để liệu chiều mềm nắn rắn buồng.

★

Lúc nghe tin giặc xâm nhập biên-thùy mà túc tướng không ai, một vị quan lớn tại Viện Hàn Lâm đã nói với bạn hữu một câu mà lịch sử ghi nhớ, mà người sau không thể không ngâm nghĩ về cái Kiều, — mà có

lẽ cũng là cái kém của những con người cầm bút ngâm lòng mè.

— Giá phải là cuộc bút chiến, có phải chúng ta đã gặp cơ-hội để vẩy bút thành mưa gió không ?

★

Thần-Khẩu của ông này linh, nhưng tài thơ lại chỉ rất tài... ở cái lỗ miệng. Cho nên khi cuộc đánh nhau bằng bút sẩy đến đúng với lời ước của ông, thì ông cũng như các quan lớn tại triều đường đều lắc đầu le lưỡi, sờ đến bụng không ai còn lấy một chữ. Những tiếng thở dài lúc đó mới nổi lên đều một lượt với những lời than của bọn người đốt cổ chữa nhẹ cái... đốt của mình.

— Thơ gì mà các có thể !

— Nó lấy hết cả tứ rồi thì còn tìm đâu ra tứ để rồi chọi... từng chữ.

Thấy cả triều thúc thủ, đức vua đành hạ chiếu ân xá cho Trạng giáp Hải vì người học trò gởi bài cho con trai ngài trong kỳ thi mà mắc tội, bị cách xuống làm thứ dân.

Trạng được phục chức và được triệu về triều.

Đọc xong bài thơ, Trạng liền quỳ Tâu.

— Muôn tâu thánh thượng. Đây là... lữ giặc muốn dòm ngó nước nhà. Chúng đưa thư là để dò xem mình còn có người hay không, và luôn thể để cho gian tế có cơ chánh đáng theo vào nước nhà mà dò xét binh tình. Tiểu thần sẽ họa lại, lấy cái hùng khí của văn chương áp đảo khiến nó phải khiếp phục cái oai đức của chín bệ mà không dám vọng động. Trong bài thơ, lời lẽ nó khinh bạc, không đáng sợ. Nó dùng cái đầu để «Bèo» để miệt thị ta. Giòng giòng, là dọa dẫm thách thức. Nhưng muôn tâu, ý thơ đã không chánh - thực, hồn thơ lại không quang minh thì lấy đâu ra cái sức bạt núi, lay non. Đây chẳng qua là lữ đom đóm chúng loè sáng trên ao bèo trong tác gang mà thôi.

BÈO

Bài thơ của sứ tâu

*Tùy điều trục thủy mạo ương châm
Đạo thư khan lai thực bất thâm
Không hữu bản căn không hữu căn
Cam sinh chi điệp cam sinh tâm.*

*Đồ chỉ tu sự ninh chi tán
Đàn thức phù thời ná thực châm
Đạ ẩ trung thiên phong khí ác
Tảo quy hồ hải tiện nan tâm.*

DỊCH

*Theo mộng bán nước tướng mạo bé
như kim*

*Đền gần nhìn thật là không sâu
Không thân mình, không cầm bản
Dám sinh cành lá dám sinh lòng
Chỉ biết thời tự, chứ chưa biết lúc*

nào tan

*Chỉ biết lúc nổi, đâu hay khi nào
chìm*

*Vì phong trong lòng gởi nổi gió ác
Quét về hồ bể, khô mà tìm*

BÀI THƠ HỌA CỦA GIÁP-HẢI

*Cầm lâu mặt vật bắt dung châm
Đổi điệp liên căn bất kế thâm
Thường dư bạch vân tranh thủy
điện*

*Khằng giao hồng nhật chiếu ba tâm
Thiên tầng lãng đã thành nan phá
Vạn trận phong suy vịnh bất châm
Đa thiếu ngư long tàng lý để
Thái công vô kế tiện nan tâm*

DỊCH

*Bóng bảy rực rỡ kim không lọt
Liền lá ken mình nào cần sâu
Thường cùng mây trắng tranh mặt
nước*

*Hà để mặt trời đỏ chiếu vào lòng
sóng*

*Nghìn trùng sóng vô thành khôn phá
Vạn trận đông gió đánh chẳng chìm*

*Ít nhiều rồng cá ẩn nơi đáy
Lã vọng nhà bay cũng khó tìm.*

Tướng Mã Bá Ôn xem xong bài thơ họa liền than :

— Nước Việt Nam còn rất nhiều nhân tài.

Rồi truyền cho rút quân. Bài thơ đuổi được ba mươi vạn quân Tàu là bài thơ Bèo này.



★ **UỐNG CÀ-PHÊ**

Ba-Búa :

— Hề tôi uống cà phê, tôi ngủ hồng được.

Ba-Tèo :

— Tôi, thì hề tôi ngủ tôi uống cà phê hồng được !

M. H. C.

Đơn côi

Mẹ ơi, con tắt đèn đi ngủ,
Trời đã về khuya, lạnh lắm rồi!
Mưa gió ngoài hiên xào xạc mãi;
Con nằm nhớ mẹ khóc không thôi.
Gối đầm lệ sầu, con đắp chặt;
Tim dường muốn xé nát làm đôi.
Vài hình ảnh mẹ về trong trí,
Làm chết hồn con đến một hồi.
Mẹ đã đi rồi, con mất hẳn!
Biết đến bao giờ trả khúc-nôi?
Nhiều đêm thức-trắng con nằm nghĩ,
Đến những chông gai của cuộc đời!
Mà thấy tâm-hồn đau đớn lạ!
Lạy trời phù-hộ kiếp mồ-côi.
Những đêm mưa gió về trên mái;
Ấp gối vào tim, khóc hận đời!
Con nhớ làm sao, con nhớ mẹ,
Lệ sầu tuông mãi cũng không rơi.
Mẹ ơi, nhớ quá làm sao được;
Con khóc thâu canh cả cuộc đời!

LỮ QUỲNH
(Huế)

TRUYỆN NGẮN PHỔ-THÔNG

« Cô gái cưng

.....
CỦA MẸ... »

ĐĨA hát quay đều trên pick-up. Hà uyển-chuyển lướt nhẹ nhàng trong phòng học, xoay tròn theo nhịp điệu. Hai mắt mơ-màng. Đầu nghiêng về một bên, tình tứ. Tay ôm chiếc gối ôm, áp vào má — nàng đang nhảy với một người đàn ông trong tưởng - tượng. Nàng se-se hát theo, mấp-máy môi kêu gọi như chờ đợi một chiếc hôn nồng.

Sáng nay, chúa-nhật, ba mẹ Hà cùng các em lên xe đi chơi từ sáng sớm. Ở nhà chỉ còn lại một mình nàng. Hà cao hứng

vào phòng học đóng cửa lại, mở pick-up khiêu-vũ. Năng sáng reo vui tràn lên thành phố. Mấy con chim sẻ líu lo nhảy chuyền bên cửa sổ, quanh mấy chậu cúc vàng. Tiếng nhạc theo gió nhẹ đưa.

Trước cổng nhà Hà, một chiếc xe Hoa-kỳ mui trần từ cuối đường chạy đến, ngừng lại đột-ngột. Chiếc xe chúm mũi, lún xuống, kéo lết trên mặt đường năm sáu thước mới chịu ngừng hẳn. Buông tay lái, một người con gái trẻ, rất trẻ nhếch miệng cười thỏa mãn. Hai tay xoa vào nhau, lột đôi găng dày cửa bước xuống đường đi vội vào cổng. Mái tóc nửa hớt, nửa

★ PHƯƠNG ANH

uốn, phía sau cột « đuôi ngựa »
lắc-lư, nhịp theo bước đi.

Nghe tiếng nhạc trong nhà
thoát ra nàng cũng uốn éo thân
hình. Hai tay vung lên đánh nhịp.
Miệng nàng hát theo...

... « Ré si sol, do la fa, si
sol mi... Elle dansait le Baïon
chaque soir... à Paris ».

Nàng đưa tay dấm cửa phòng
mà nàng biết rằng Hà ở trong
ấy. Đang nhảy Hà dừng chân
lại, cau có :

— Đứa nào thế ?

— Bà đây ! Con Hà đâu rồi ?
Mở cửa cho bà vào !

Hà cười to lên, chắc lưỡi :

— À ! Hách nhì ! Con Mãnh
mà tao tưởng là ai. Cửa không
khóa. Entrez !

Mãnh đẩy cửa vào, nhún vai :

— Lần nào tao đến, cứ y như
là « Anna » ! Mày nhảy với ai
đấy ?

— Tao nhảy với tao, với cái
trống không. Tao nhảy với... một
người trong mộng.

— Thế sao lại ôm chiếc gối
ôm ?

— Ủ ! Không có người để ôm
thì tạm ôm gối vậy. Không ôm
nhảy ngượng tay.

Mãnh nhịp nhịp cặp kính mát

lên bàn :

— Ước gì lúc mày ôm gối
nhảy có người ta xem chắc thích
lắm !

— Ô ! Mặc ! Bất chấp ! Tao
xem thường quá, ngoại cảnh ?
« Est le zéro très grand ».

— Lại hách ! Ngon nhì !

Hà liệng gối, bước đến giật
giật « đuôi ngựa » của Mãnh :

— Mày định kéo tao đi đâu
đấy hản ?

— Ủ ! Rước mày rồi đến
rước con Phụng xuống « Pagode »
ăn sáng. Sau đó, đi chụp ảnh,
mua đĩa hát, mua nylon, đi sửa
tóc, đi chơi phiếm. Cả một ngày
chúa nhật. Làm sao tiêu thụ hết
24 giờ thì thôi. Năm nhà chịu
sao nời. Lại phải cái ngữ toán,
lý hóa thì đến điên mất. Tội gì !
Xe tao còn bỏ ngoài ngõ ấy.

Mãnh thò đầu ra cửa, nhìn
quanh :

— À ! Hai bác đâu ?

— Ba mẹ tao với mấy em đi
chơi từ sáng ! Nghe mày kể tao
phát mệt.

— Vậy mày phải trông nhà,
đi sao được ?

— Ô ! Đi thì đi chứ ! Khóa
cửa lại, dặn đứa ở hay chị bếp
mấy câu đũ rồi.

— Hai bác về rầy rà to.

Hà nhếch môi :

— Hề gì ! Ba mẹ tao chưa
măng thế bao giờ.

— Tùy ! Thế thì đi.

Hà sửa-soạn xong, gọi chị ở
lên :

— Một chốc nữa ông bà về,
chị bảo có cô Mãnh đến rủ cô
Hai xuống Saigon mua mấy quyển
sách Algèbre nghe chưa ?

Chị ở bán-khoản :

— Thừa cô sách chi ạ ?

— Sách Algèbre !

Mãnh chen vào :

— Chị cứ nói sách « Ăn-
rệp » tất ông bà hiểu ngay. Hay
nói theo tiếng Việt là sách « đại
số ».

Ra xe, Mãnh lái chạy như
bay đến nhà Phụng. Phụng
chưa dậy, còn ngủ trẻ. Cô con
gái út của ông bà Giám-đốc mãi
say sưa trong giấc mộng còn
vương dư-hương cuộc ái ân
thoát trần ở Thủ - đức với gã
tình-nhân tạm bợ tối qua. Mãnh
cố ngoan-ngoãn, nhu mì nói với
bà Giám-đốc :

— Dạ thưa bác Phụng còn
ngủ ?

Bà ngồi chễm-chệ, nha trầu
bòm-bòm ở sập gụ, mỉm cười

sung sướng khoe con gái mình :

— Tối qua em nó thức luyện
bài thi với các bạn ở đảng nhà
con Hoa con anh chị Phủ khuya
quá nên còn ngủ muộn. Tội
nghiệp ! Gần đến ngày thi nên
đêm nào cũng đi học thêm, đi
luyện bài thi khuya lơ khuya
lắc. Bác có khuyên, rầy nó, nó
cũng không chịu nghe, sợ thi
hông xấu hổ với bạn bè.

Mãnh suýt bật cười, nhủ
thâm :

— Con này nói láo tài thật.
Đêm qua nó đi với thằng Khanh
lên Thủ-đức tình tự lãng-nhãng
mà ở nhà cứ ngỡ luyện bài thi.
Chăm học ? Nó chăm học hơn
cả mình ! !

Nàng lễ phép :

— Dạ thưa bác, xin phép bác
cho Phụng đi chơi với chúng
con một lúc ạ. Luôn thể chúng
con mua một ít sách luyện thi.

Bà don đả, uốn vành môi :

— Được ! Em nó ngủ trong
phòng ấy. Cháu vào mà đánh
thức nó dậy. Hơn mười giờ,
cũng trưa ! À, này ! Mấy chị
em liệu mà chơi đùa nhá ! Gia-
đình nền nếp, gia giáo phải vậy
cháu ạ ! Bác thì nghiêm khắc,
luôn luôn trông nom từng ly từng

tỷ. Chăm học như mấy cháu vẫn hơn. Chứ như bọn con cái thiên hạ thì giới cũng đến sập.

Bà cười, rung cả đôi má đầy thịt. Hà ngồi chờ ngoài xe, không thấy tăm hơi Phượng và Mãnh đâu, nàng đi vào. Thấy Hà, bà vui vẻ, âu yếm :

— Ô kìa ! Có cả cô con gái cung của tôi nữa kìa ! Cô con gái tôi độ này ngoan lắm lại đẹp hơn lên. Chăm học quá nên trông gầy và xanh hơn trước nhiều.

Hà liến thoắng :

— Lạy bác ạ ! Chúng con mê học đến quên cả ăn, cả ngủ mới gầy thế đấy. Phượng còn ngủ hở bác ?

— Cô vào mà lôi nó dậy ! Hur lăm !

— Vâng ạ ! Đến phiên con đánh đòn cho thật đau.

Hà và Mãnh nắm tay nhau xông vào giường Phượng, kéo chân, dựng ngược nàng dậy, dết vào dít mấy cái :

— Có dậy không hở ? Cái con bé này đến lười thôi ! Đi chơi, tình tự cho khoẻ xác vào !

Phượng còn dật dờ, hồn gửi tận đâu đâu, bỗng tỉnh ngủ hẳn :

— Chết ! Tụi bay nói to thì

có giết tao. Làm ơn cầm miệng cho con nhờ với.

Hà nheo mắt cười rử ra :

— Cũng biết sợ nữa à !

Nàng thì thầm :

— Thế tối qua, cô cậu đã đi những đâu ? Làm những gì ? Đâu làm những gì nói tao nghe ?

Phượng đỏ mặt nguyệt dài :

— Lạy bà ! Người ta làm việc mặc người ta. Hỏi để làm gì chứ ? Thế mọi lần mày với ông tướng ấy đã làm gì ?

— Ô hay ! Tao và hẳn có làm gì đâu ?

— Thì tao cũng « ơ hay ! Có làm gì đâu » vậy ?

Mãnh nhướn mi :

— Bọn bay quá là quỉ sống không bằng ?

— Còn mày là con yêu à ? Mày trong sạch, « ngậy thơ cụ » lắm hẳn.

— Ủ ! Nó là con « yêu đuôi ngựa ». Đá người ta bay vù vù tao ngỡ trái sao rơi.

Mãnh dấm Phượng và Hà :

— Tao la ăm bây giờ ! Bọn bây có cầm lại không ? Sửa soạn nhanh rồi còn đi nữa chứ ! Cuộc đời phù du quá, cứ thử, cứ ném, có cái gì là vĩnh cửu ?

Nửa giờ sau, cả bọn đề huề

kéo nhau ra xe. Phượng đành ngồi ở tay lái, Hà đẩy sang bên :

— Đờ tao ! Bọn mày lái tẹt lăm.

— Bà thì hay lắm rồi ! Xe này nó thêm hôn lăm. Có cho nó hôn mày đừng cho hôn xe cam-nhông nhá. Toi mạng cả lủ.

Hà cười :

— Tao thì cho hôn Cảnh-sát, có lẽ hơn !

Cả bọn phá lên cười.

Xe chạy vù đi, Phượng mở contact radio. Tiếng nhạc ngoại quốc vang theo hai bên đường. Hà cho xe vượt qua hàng bao nhiêu xe trước, ba dải lụa xanh cột tóc bông lên theo gió bay.

Rẽ sang đường Tự-do, Hà cho ngừng trước nhà hàng « La Pagode ». Ba thân hình kiêu-diễm trong cái tuổi mộng mơ đây khieu gọi làm bao nhiêu cặp mắt đồ xô nhìn. Tất cả những đường cong những nét gầy mơ bó trong chiếc áo nylon mỏng sát người luôn luôn ăn hiện, phô diễn một ý muốn, một cảm nghĩ mới mẻ về bản ngã của con người.

Thoáng có một câu bình-phẩm lọt vào tai :

— Modèle 61 !

Hà ngoảnh lại, mấy người Âu nheo mắt bình-phẩm. Nàng bảo

hai bạn :

— Ô ! Cái gì cũng được. « Phốt » như Ang-lê. Họ ngờ mình là ca-sĩ hay minh-tinh, minh-tử gì đấy.

Mãnh cao giọng :

— Hẳn bọn mình « oai » lắm. Mặc sức cho họ thềm, trông đến mòn con mắt vẫn còn ức.

Vừa ngồi xuống bàn. Phượng quay nhìn ra cửa, bỗng nàng khê bắm Hà :

— Thăng nhân tình hột của tao đấy. Hẳn bắm tao như đĩa dổi. Hôm nay lại tụ tập thêm mấy thằng châu rìa trông lác-các lạ.

Hà quay ra thì một tên trong bọn mặc áo rằn-ri, đầu phía trước chải mỏ vịt, phía sau tếm dít vịt nhận ra :

— À « Bộ ba tướng sĩ tượng » đi ăn sáng đấy à ?

Hà cười, vui vẻ :

— Chưa ăn thì phải ăn chứ ? Sao ? Các anh đi chơi có vui không ?

Mãnh dấm cái sắc tay lên bàn. Nàng ức về tiếng « bộ ba tướng sĩ tượng » không biết ai đặt ra, để cho bọn này gọi mình. Thành ngữ này đã có từ hơn năm nay. Các bạn bè quen biết đều gọi thế.

Ba nàng học khác lớp, khác trường nhưng điều quan hệ hơn là cả ba cùng chung một quan-niệm, nhận xét cuộc đời theo một khía cạnh riêng. Vì thế bộ ba này gần như không rời nhau bao giờ để cùng phô diễn mọi nơi một nếp sống kiêu-kỳ, hờn-độn.

Mãnh nguyệt dài :

— Tao ghét cái con Hà lạ ! Nói chuyện với tụi quái ấy làm gì. Toàn là lũ cóc đòi trèo thang. Mà chưa thấy tao đã hạ mấy thằng lang-bang bặt - tử, cao-bồi cóc cần ấy sao ?

— O hay ! Mà mới lạ ! Trước mặt mọi người phải lịch sự chứ. Cũng thuộc về hàng quý phái, con ông cháu cha, mà nhắm có hơn không ? Cùng quan niệm cùng lối sống mà lại ghét ! Lạ nhỉ !

Phượng khó chịu :

— Thôi xin can hai bà ! Đến đây đề dờn Sandwich vào bao tử hay đề cãi cọ ? Chưa đến lúc phải ra quân, xuất tướng, chống sĩ, bay tượng kia mà !

Thế là cả ba lườm nhau cười. Hà cắn một miếng Sandwich, nhấp nháy đôi mi :

— Đúng ! Sandwich ở đây có tiếng là ngon. Thịt nguội thơm

thơm là !

— Jambon d'Alsace thì phải biết !

Bồng Mãnh gõ tay xuống bàn. Anh bồi bàn chạy đến :

— Cô gọi chi ?

— Anh cho Sâm-banh nhé ! Cỏ con gà vàng thứ thiệt ấy !

Khách lẩn bồi bàn, quản lý khách sạn lấy làm ngạc nhiên khi tiếng nút rượu sâm-banh nổ đòn, ly chạm vào nhau ở bàn của Hà. Cả ba ăn uống tự-nhiên như chốn không người. Ở nhà uống Sâm-banh mãi, các nàng có lạ gì. Ai lạ mặc ai !

Theo chương trình của Mãnh, cả bọn ăn xong đi chụp ảnh. Nhưng lên xe Hà bỗng nảy ra ý nghĩ đi qua cầu Tân-Thuận chơi. Hơi rượu bốc lên mặt. Ba nàng tiện kiêu điếm của thế kỷ hai mươi, má đỏ bừng như trái cà tô-mát chín. Trước mắt ngồi những hào quang.

Phượng đưa tay xoa lấy thái dương :

— Tao nghe nặng đầu rồi đây ! Hai mũi thì nghẹt lại. Mạch máu nhảy mau quá. Tụi bay làm gì thì làm, miễn tao còn sống, bọn mày có chết cũng được.

Hà cười :

— Mày nhướng mắt mà xem bản lĩnh cô nương. Hà nhận ga xăng xe lao đi vun vút. Qua mấy ngã tư đường, Hà muốn thiên hạ phải nhường quyền ưu tiên cho mình nên nàng chẳng cần phải quan sát nữa. Hằng năm sáu chiếc xe khác phải cầm đầu, chúí mũi mỗi khi nàng vút qua một ngã tư đường.

Một anh tài xế nổi nóng la to :

— « Ê lái kiêu gì vậy ? Bộ điên rồi hả ».

Xe đã chạy xa rồi, anh vẫn còn lầm bầm :

— « Rõ là "ngựa". Xe nhà binh đâu không ủi nó. Muốn tự vận mà ! »

Chúa nhật, thiên hạ đi chơi đông đảo. Trên đường Nhà Bè tấp nập xuôi ngược những xe là xe. Hà vẫn giữ tốc độ cố hữu. Mãnh và Phượng ngã đầu dựa vào nhau, lim dim đôi mắt hơi dại đi vì men rượu.

Qua khỏi dốc kho Thương Khâu Hà đã thấy dạng cầu Tân-thuận. Hai bên triền cầu dốc đồ sộ. Hà

cười, bảo Phượng ngồi bên :
— Này Phượng ! Hôm nay tao trông sao thấy những ba bốn cây cầu, ba bốn cái dốc sâu tối om om. Nên chạy lên cầu hay đồ dốc ?

— Ừ ! Lối nào chạy được thì chạy. Có lẽ tao thích đồ dốc hơn ! Mà thử một lần xem cho biết.

Hà cố nhìn rõ về phía trước. Qua nắng trưa và sao rượu chập-chờn nàng loáng - thoáng thấy sao cầu nhiều chiếc quá. Đã thế, dốc hố lại cứ chằng ngang lối đi. Hừ ! con đường quen thuộc ngại gì. Chiếc cầu nào cũng là chiếc cầu, mà đã là cầu thì xe cứ vọt qua. Nàng đạp mạnh ga thêm.

Hình như có chiếc xe chạy ngược chiều. Nàng xoay tay lái một vòng về phía mặt quên cả trả tay lái trở lại. Trời đang sáng bỗng tối sầm. Mắt nàng hoa lên rồi không thấy gì nữa...

Lung trời có một đám mây đen...



* DANH-NGÔN

L'amour et un noble cœur ne font qu'un.
(Ái-tình và tâm lòng cao quý chỉ là một.)

DANTE (Thi sĩ La Mã)

Hai bài thơ

SỐNG và CHẾT

không phải của cụ

PHAN - BỘI - CHÂU

★ LƯƠNG-TRỌNG-MINH

Lâu nay, các sách Luận đề và sách Giáo-khoa của các vị Giáo-sư xuất bản rất nhiều. Nó chiếm tru thế trên thị-trường, bán chạy như tôm tươi vì nhờ bàn tay của nam-nữ học-sinh nhúng vào.

Đó là điều đáng mừng cho cả hai đôt-tượng. Nhưng rất tiếc là những sách « Luận đề về Phan Bội Châu » có vài điểm không được chính xác. Từ trước đến nay, những sách luận đề ấy đều trích hai bài thơ « Sống » và « Chết » và cho đó là của cụ Sào Nam Phan-bội-Châu sáng tác.

THEO chỗ tra cứu của tôi thì hai bài thơ « Sống » và « Chết » là của cụ Nghiêu-Giang ĐẶNG VĂN BÁ.

Hai bài thơ ấy như sau :

SỐNG

Sống đạt sinh chi đứng chậi trời
Sống xem Âu-Mỹ hồ không ai ?
Sống làm nô lệ cho người khiến
Sống chịu ngu si đề chúng cười

HAI BÀI THƠ

Sống tưởng công danh không
tưởng nước

Sống lo phú quý chẳng lo đời

Sống mà trâu ngựa đừng nên sống

Sống đạt sinh chi đứng chậi trời

Nghiêu Giang Đặng-văn-Bá

CHẾT

Chết mà vì Nước chết vì Dân

Chết ấy làm trai hết nợ nần

Chết bởi Đông-Châu đời Thất-quốc

Chết vì Tây-Hán lúc Tam phân

Chết như Hưng-Đạo hồn thành thánh

Chết tựa Trưng-Vương phách hóa thần

Chết cụ Tây-Hồ danh chẳng chết

Chết mà vì Nước chết vì Dân

Nghiêu-Giang Đặng-văn-Bá

Hai bài thơ này, chúng tôi trích trong quyển « Thi văn các nhà chí-sĩ Việt-Nam » do ông PHI-BẰNG sao lục.

Sách này có nhiều quyền, đây là quyền thứ nhất do « nhà xuất bản Tân-Thanh, Huế ». Xuất bản năm 1939.

Trong quyển này lại có đề-

tựa của Cụ THA - SƠN THẠCH (một biệt-hiệu của Cụ HUỖNH - THỨC - KHÁNG ngoài biệt hiệu MINH-VIÊN).

Và sau đây là tiêu-sử của Cụ Nghiêu-Giang Đặng-văn-Bá do ông Phi-Bằng viết :

... « Ông Đặng-văn-Bá, hiệu Nghiêu - Giang, con ông Thám-Hoa Đặng - văn - Kiêu, người phủ Thạch-hà Tỉnh Hà-tĩnh.

Ông hay chữ từ lúc mới 8, 9 tuổi. Người ta gọi Ông là Thần đồng.

Ông đỗ Cử-Nhân cùng một khoa với Cụ Phan-Bội-Châu.

Ông cũng có dự vào phong trào mới ở Nghệ - tỉnh. Năm 1908, ông bị bắt và bị đày đi Côn-Lôn cùng một lần với các ông Lê-văn-Huân, Ngô-đức-Kế.

Ông học rộng, thâm-thúy và tinh tình thẳng thắn... »

Hy-vọng rằng quý vị Giáo-sư sẽ chiếu cố đến tài liệu một cách chính xác hơn đề rồi khỏi phải cái nạn « tam sao thất bản ».

Và sau đây, chúng tôi rất thắc mắc là bài « vịnh Kiều » này không hiểu tác-giả nó là ai ?

Sưu tầm mãi chưa tìm ra gốc ngọn. Kính mong các bạn xa gần nếu biết rõ cho chúng tôi được biết với, trân trọng cảm ơn các bạn.

Bài « Vịnh Kiều » như sau :
« Khép cửa phòng thu lưỡng
Đợi chờ
Duyên em mất nét tự bao giờ

Chàng Kim mê gái công đào
đẳng
Viên ngoại chiều con chết ngắt
ngơ
Nợ trước hẹn hò con đi Đạm
Duyên sau gặp gỡ bỏ cu Từ
Mười lăm năm ấy bao nhiêu
sướng
Còn trách làm chi chú bán tơ »



★ Ừ, Ừ, Ừ, Ừ, Ừ, Ừ, Ừ!

Năm rồi nhà tôi soạn nhạc Pierre Cour đem một bản nhạc của ông đến « Hội soạn Nhạc » đề xin bản-quyền. Ông Hội trưởng hỏi :

— Bản nhạc mới của anh nhan đề là gì ?

Pierre Cour đáp :

— Bản nhạc của tôi nhan đề là « Ừ ».

— Thế thì không được. Vì đã có một bản nhạc nhan đề như thế rồi.

— Vậy thì tôi đòi là « Ừ, Ừ ».

— Cũng không được. « Ừ, Ừ » cũng đã có rồi.

— Vậy thì : « Ừ, Ừ, Ừ »

— Cũng đã có rồi.

— Thì : « Ừ, Ừ, Ừ, Ừ »

— Cũng đã có rồi.

— Thì : « Ừ, Ừ, Ừ, Ừ, Ừ ».

— Rất tiếc, hiện giờ đã có bản nhạc nhan đề đến 6 chữ « Ừ » lận. Rốt cuộc, Pierre Cour lấy nhan đề bản nhạc của anh là 7 chữ Ừ : « Ừ, Ừ, Ừ, Ừ, Ừ, Ừ, Ừ ». Đó là bản nhạc danh tiếng nhất và được bán chạy nhất ở Paris trong năm 1959.

Bên Đức, cũng dịch ra bán, đề là « Ya, Ya, Ya, Ya, Ya, Ya, Ya ». Bên anh và bên Mỹ thì dịch là : Yes, Yes, Yes, Yes, Yes, Yes, Yes ».

T. P.

NÀNG CHINH PHỤ TRÔNG

CHINH PHỤ NGÂM

(tiếp theo P. T. số 30)

ĐIỂM 4

Nàng chinh-phụ với
chữ Nghĩ

Về chữ *nghĩa*, nàng Mạnh-Khương hỏi :

Khi về, dẫu chẳng ăn-vàng ;

Trên khung cử, dăm rẫy ruộng,
làm cao ?

(C. c. 395-396)

Nàng hỏi tức là quyết. Nàng mơ tưởng đến buổi thanh bình, lúc chồng trở về với nhiều chiến công rực rỡ hay vẫn chỉ là một chú lính trơn ; trong cả hai trường hợp ấy nàng đều vồn vã đón chào, chứ không tỏ thái độ kiêu hãnh, rưng rưng, nếu chồng không được hiển vinh,

★ VŨ-ĐỨC-TRINH

phụ quý. Nàng nhất quyết không học thói vợ Tô-Tần.

Thời Chiến-Quốc (403-221), chàng Tô-Tần, người đất Lạc-Dương, kinh đô nhà Đông-Chu, chuyên học khoa du thuyết với Trương-Nghi tại ông Quý-Cốc Tử, tức Vương-Thiền. Vì chàng háo hức công danh, nên, dẫu chưa thành tài, cũng đã vội xuống khỏi núi, về nhà, bán ruộng đất, để sắm áo giáp, xe ngựa, và đem theo 100 cân hoàng kim sang nước Tần, một nước rất mạnh trong thời kỳ Chiến - Quốc. Với Tần - Huệ Vương chàng đề xướng thuyết *liên hoành* : kết hợp sáu nước Yên, Triệu, Hàn, Ngụy, Tề, Sở,

để họ cùng suy tôn nước Tần. một nước rộng bề ngang. Vì chàng còn hơi kém bề kiến thức ngoại giao, nên không được vua chấp thuận. Dù thế, chàng cứ đợi chờ mãi hơn một năm; thành thử áo chàng bằng da còn điều màu mun, bị rách toạc. Vàng đem theo, chàng cũng tiêu hết nhẵn. Đứng chẳng được, chàng phải thu xếp dẫn thân về quê quán. Chàng xô đôi giày da, bó xà cạp, đi bộ, tự mình quấy túi cùng vác sách vở. Mặt mũi hóa đen sì, hình dung khô khan, và bộ dạng xấu hổ. Khi chàng tới nhà, vợ đang dệt trên khung cửi, cứ làm ngơ, không thêm bước xuống làm lễ chào, chị dâu không thổi cơm làm tiệc, cha mẹ thấy cách ăn vận của chàng, không thêm hỏi han tin tức. Chàng than thở: « Vợ không kể tôi là chồng, chị dâu không kể tôi là chú, cha mẹ không kể tôi là con. Bấy nhiêu nỗi sĩ nhục xây đến đều tại tôi cả ». Thế rồi, ngay đêm hôm ấy chàng mở hòm, soạn ra mấy chục quyển sách Binh Thư, trong số ấy có một quyển gọi là *Âm Phù* (tức là mẹo kín của việc hành binh) do

Khương - thái - Công sáng tác. Chàng quỳ mọp xuống, nghiên cứu từng chữ, từng câu, cho đến khi hiểu thấu thía, rõ ràng. Lúc đọc đã mệt mà buồn ngủ, chàng lấy dùi đâm vào mắt, cho tỉnh thức, khiến nhiều khi máu chảy ròng ròng xuống bàn chân.

Sau đúng một năm cố gắng, chàng biện luận rất giỏi và hiểu rõ hình thế của Thất Hùng, tức là bảy nước Tần, Yên, Triệu, Hàn, Ngụy, Tề, Sở. Chàng tự cho đã thành tài, mới đi chào đời một phen nữa. Đầu tiên chàng du thuyết vua nước Triệu. Triệu-Vương nghe những mưu mẹo của thuyết *hợp tung*, cho là hay quá, liền phong chức Vũ An Quân, và trao ấn vàng, đặt làm tể tướng. Vua cũng tặng cho nào là tiền của, nào là gấm vóc, nào là xe ngựa. Vua nước Triệu đem trình bày thuyết *ước tung tán hoành* của Tô-Tần với các vua năm nước Yên, Hàn, Ngụy, Tề, Sở. Dựa vào thuyết này, sáu nước sẽ liên minh thành một khối theo chiều *đọc*, để đánh tan kế hoạch *viễn giao cận công*

của nước Tần. Đồng thời, họ sẽ phong tỏa các ải quan, không qua lại buôn bán với nước Tần, để bóp nghẹt kinh tế. Thuyết của Tô-Tần cũng được cả năm nước kia công nhận là hay nữa. Họ đều phong ông làm tể tướng và mời ông đến viếng nước họ.

Lúc vào thăm nước Sở, ông có đi ngang Lạc-Dương. Cha mẹ vừa nghe tin, liền sai dọn dẹp nhà cửa, quét tước đường lối, sắp tiệc rượu, bày đàn nhạc, và ra mãi vùng ngoại ô chừng 30 dặm, để đón rước. Vừa thấy ông, chị dâu liền bỏ lết như con rắn, lạy ông bốn lạy, và quỳ xuống tạ tội mình. Ông hỏi: « Có sao trước chị ngạo nghễ, mà bây giờ mới tự hạ làm sao? » Chị dâu đáp: « Tôi tự hạ vì ông Quý-Tử có chức cao, có tiền nhiều. » Ông than: « Thương hỡi! khi tôi bần cùng, thì dẫu cha mẹ cũng không kể là con; lúc tôi phú quý, thì dẫu người thân cũng nép sợ. Sống trên đời, ai có thể coi thường quyền thế, địa vị, và tài sản được ư? » Còn

vợ, khi thấy ông đeo quả ấn vàng to lớn giữa những cảnh phú quý, vinh hoa, thời quỳ xuống, cúi đầu, và nghiêng tai, liếc mắt. Nàng chỉ biết phục tòng cách sợ hãi, dẫu có dám nhìn thẳng vào ông?

Cũng vào thời Chiến-Quốc (403—221), ở nước Ngụy, có chàng Nhạc-Dương Tử mới đi du học được một năm đã trở về nhà. Vợ chàng đang dệt trên khung cửi, hỏi tại sao chàng về sớm thế. Chàng đáp: « Tôi nhớ mình, về thăm. » Vợ không buồn nói nữa, cứ ngồi lý trên khung cửi, vênh vang, chẳng thêm xuống làm lễ chào, và mức nước cho chàng rửa mặt. Chàng khó chịu, hỏi: « Tôi thương em, về thăm viếng. Sao em lại xử nhạt nhèo? » Nàng thưa: « Buổi chàng ra đi, tôi ước mong cho chàng học đến lúc công thành danh toại, đeo quả ấn vàng, trở về cách vinh hiển; bấy giờ tôi sẽ đón rước nồng nhiệt. Chứ hôm nay chàng về suông quá, tôi chẳng thấy ý nghĩa gì... » Rồi nàng lấy dao cắt phăng canh chỉ, nói: « Học dở dang cũng như dệt nửa chừng. » Chợt hiểu ý tốt của vợ, chàng quay gót đi

ngay. Chàng tìm danh sư, học binh pháp bảy năm trời. Khi về nước, chàng đem sở học ra thuyết cho vua Ngụy-văn-Hầu nghe. Vua cảm phục, liền phong chức nguyên soái và trao quả ấn vàng. Ông trở lại gia-đình cách hoan hỉ. Phen này vợ ông mới hậu đãi.

Ngược với vợ Tô-Tần, nàng Mạnh-Khương quý trọng người, chứ không trọng của. Nàng giống vợ Nhạc-Dương Tử về tâm tính phi thường, biết khích lệ chồng làm nên việc cao cả, nhưng khích lệ cách kín đáo, khôn ngoan hơn.

Nàng sẽ hết sức lưu tâm đến chồng, sẽ đón tiếp chồng hân hoan, khi chồng làm xong nghĩa vụ. Nàng hứa :

*Xin, vì chàng, xếp bèo, cởi giáp,
Xin, vì chàng, giữ lớp phong
sương. (C.c. 397-398)*

Đời Thịnh-Đường (627-756), thi hào Đỗ-Phủ viết :

*安教壯士挽天河,
淨洗甲兵長不用?
安教壯士挽天河,
淨洗甲兵長不用?*

« Làm sao có được tráng sĩ

chống đỡ Sông Ngân trên trời,

Rửa sạch áo chiến, đỡ đặc nhà binh, rồi để lâu, không dùng nữa ? »

Ông Đỗ-Phủ ước có vị anh hào ra tay vén màn sương u ám đang che khuất Ngân-Hà, để cho trời được sáng. Bấy giờ vị đó sẽ rửa đồ binh nhưng cho sạch bụi và máu hôi tanh của quân địch, rồi xếp vào, cất đi. Thế nghĩa là ông nguyện cho có chiến sĩ dẹp loạn tối đen, để cảnh thái bình tươi sáng trở về.

Vào cuối đời nhà Trần (độ năm 1407) của nước Việt-Nam, vị anh hào ái quốc Đặng-Dung bị quân nhà Minh bắt. Ông viết bài thơ « Cảm Hoài, » trong có hai câu :

*致主有懷扶地軸,
洗兵無路挽天河。
Trí chủ hữu hoài phù địa trục,
Tẩy binh vô lộ vãn Thiên Hà :*

« Tôi có mối hoài bão giúp vua đỡ trục quả đất cho ngay thẳng.

Rửa đồ binh khí, nhưng không có đường để cứu vãn sông Ngân ».

Ông Đặng-Dung muốn cho chính nghĩa của càn khôn được sáng, muốn nâng đỡ nhà Trần sắp sụp đổ, và mong có buổi thanh bình để rửa dụng cụ quân sự, nhưng không đủ sức làm cho nước ra khỏi bóng tối của mây mù chiến tranh.

Nàng Mạnh-Khương mang nặng tâm hồn giống tâm hồn ông Đỗ-Phủ và ông Đặng-Dung về phương diện yêu nước, song nàng còn thêm phương diện yêu chồng.

Bài « Tông Quân Hành » của ông Lý-Kỳ nói đến hai chữ phong sương cách gián tiếp như sau :

*Tướng quân dác cung bất đặc
khổng,
Đồ hộ thiết y lãnh nan trước.*

« Chiếc cung hình sừng của quan đại tướng không thể giương lên ; Áo sắt của quan đồ hộ thì lạnh, khó lòng mặc nổi. »

Ở miền bắc Trung-Hoa, nào phong, tuyết, nào băng, sương hã hơi rất lạnh, nên, dù quan đại tướng, dù quan đồ hộ cũng phải chịu rét buốt. Hưởng hồ những quan bậc dưới và những

chú lính trơn là toán người thường không vận nhiều áo ấm bằng các quan bậc trên mình. Cây cung và áo sắt trở nên những thứ khó dùng hoặc không thể dùng. Riêng manh áo giáp còn dính thêm những lớp sương phủ đặc lại vì hơi gió rét.

Đời Thịnh-Đường (627-756) đặt bốn quan đồ hộ để trấn thủ bốn bờ cõi : Quan An-Đông đồ hộ trấn thủ Cao-Ly, quan An-Tây đồ hộ trấn thủ Tân-Cương, quan An-Bắc đồ hộ trấn thủ Mông-Cổ, và quan An-Nam đồ hộ trấn thủ Bắc-Việt.

Ngược giòng thời gian, đời nhà Tần (255—206), anh Phạm-Thực, chồng của nàng Mạnh-Khương, đi hãn ngữ giặc ngoại xâm tại bờ cõi bắc là chỗ lạnh thấu linh hồn. Nàng mong mỏi : khi chồng về, nàng sẽ được giữ các lớp sương đọng ở áo chồng, sẽ cởi ra, xếp lại, rồi sẽ cùng chồng sum họp mà hưởng cuộc sống thanh bình êm ấm.

KẾT LUẬN

Chúng tôi đã trình bày cuộc đời nàng chinh phụ Mạnh-Khương bằng cách nói tỏ thân

thể với hành động của nàng, và ghi chép hai bài minh đã tạc vào bia đá dựng ở bên mộ nàng.

Chúng tôi cũng đã trình bày đức tính nàng gói gọn trong bốn chữ : trung, hiếu, tiết, nghĩa.

Đến đây, chúng tôi có thể kết luận rằng : Nàng chinh phụ Mạnh-Khương là thiếu phụ gương mẫu, theo tinh thần Á-Đông.

Trải độ 5.000 năm, người Á-Đông đặt nền phương pháp khôn ngoan cho các đoàn thể và xã hội sống chung một kiểu hợp lý. Phương pháp đó gồm những quy tắc luân thường ăn khớp với luật tự nhiên. Nhờ đấy, cá nhân, gia đình, quốc gia và quốc tế được duy trì, bảo đảm, điều hòa một cách phải lẽ, đề rồi tạo thêm lực lượng đoàn kết, mà nắm

tay nhau trên đường tiến thủ, lập ra những nền văn minh. Vì vậy, các nhà danh nho hay túc nho ở Việt-Nam cũng như ở nhiều quốc gia Phương Đông khác, khi viết văn thơ, quen nhắm vào mục tiêu quý báu của luân thường.

Thế giới ngày nay, sau hai trận thế chiến, đã giảm sút trong niềm đạo hạnh. Những căn bản nền đạo đức cổ truyền của người Á-Đông phải được nêu cao và nói rõ, để giúp vào việc cải thiện đời sống quá hướng chiều về vật chất mà sao nhãng tinh thần.

Trong số những áng văn ướp hương thơm đức hạnh, một quyển sách hay đặc biệt về cả hình thức lẫn nội dung, một quyển sách đáng đem giới thiệu với người ngoại quốc, chính là thi phẩm *Chinh Phụ Ngâm*.

*** DANH NGÔN**

D'un riche idiot, on dit qu'il est riche.

D'un pauvre idiot, on dit qu'il est idiot.

(Người giàu mà ngu, thì người ta bảo là y giàu.

Người nghèo mà ngu, thì người ta bảo là y ngu)

Văn-sĩ Pháp PRANCIS CLAUDE

Chung quanh một bài của giáo-sư BỬU-KẾ trong tạp-chí ĐẠI-HỌC, Huế

Giặc Chày vôi của

Đoàn - Trưng

mưu toan truật phê

vua Tự - Đức

như thế nào ?

*** NGUYỄN-QUANG**

đề viết nên bài ấy.

Nhưng chúng tôi không khỏi ngạc-nhiên, khi thấy tác-giả nhận định một cách hơi chủ quan một trang sử đen tối nhất của triều Tự-Đức. Dưới đây, chúng tôi xin mạn phép trình bày thô sơ quan điểm khách quan của chúng tôi

Những bí ẩn

trong việc vua Tự-Đức được tôn lên ngôi

Theo ngoại sử, vua Tự-Đức tức Hồng Nhậm không phải con đẻ của



Do sự bất ngờ, chúng tôi được đọc trong 2 số tạp chí Đại-học (số 6 và

10) của trường Đại-học, Huế, một bài nhan đề : "Từ việc truật-phê Hồng - Bảo tới vụ phản nghị giữa kinh thành" của giáo sư Bửu-Kế.

Qua nhiều kiến giải trình bày trong loạt bài nói trên, chúng tôi nhận định được giáo-sư là một nhà học giả am bác và phải tốn khá nhiều công phu tham khảo,

vua Thiệu-Trị.

Tháng 9 năm Đinh vị (1847 dương lịch) vua Thiệu Trị băng hà, theo di chiếu, HỒNG-NHẬM là con thứ hai được lên nối ngôi. Như thế việc Hồng Bảo là con trưởng, không được tôn vị, đã hoàn toàn phá luật lệ xưa nay của Hoàng triều.

Con trưởng không được tôn ngôi, vì dòng thứ, con thứ được kế vị, vì dòng lớn. Phải chăng, ai sanh trước là anh, hay ngược lại?

Sách « Quốc triều chánh biên toát yếu » chép rằng : «...An Phong công Hồng-Bảo, con trưởng vua Thiệu Trị nhưng dòng thứ, hay chơi bời phóng đảng. Còn Hồng Nhậm (Tự - Đức) thông minh hiếu-học, được vua cha mến yêu, dạy phép làm vua... »

Sách « Thực Lục chánh biên đệ tứ kỷ » chép : «...An Phong Công Hồng-Bảo tuy lớn, nhưng dòng thứ, ít học, ưa du hí...»

Sau khi vua Hiến Tông (Thiệu Trị) mất, các quan đại thần là : Trương đăng Quế, Võ khắc Giai, Nguyễn-tri-Phương, Lâm-Duy-Thiện... tuyên đọc di- chiếu tại điện Cần chánh và dâng thơ xin

Đề lên ngôi.

Tuy nhiên, việc truất phế Hồng Bảo đề tôn Hồng-Nhậm (Tự-Đức) lên ngôi quả thật là do ý vua THIỆU-TRỊ chăng? Hay là do cuộc âm-mưu của các đại thần, trong đó, theo Sử, ông TRƯƠNG-ĐĂNG-QUẾ là người có nhiều uy thế và quyền-hành hơn cả?

Vì Hồng-Nhậm lên ngôi, lấy hiệu TỰ-ĐỨC, thì Trương-đăng-Quế được phong chức lớn lao đầu Triều, nắm cả quyền thế trong tay.

Thế nên, người ta có thể nói ngay thẳng rằng : việc chọn Hồng Nhậm nối ngôi, không phải tôn ý của vua Thiệu-Trị. Vì nhà vua đâu lại làm một việc trái hẳn luật lệ Hoàng-Triều xưa nay?

Với những lý lẽ đề tôn Hồng-Nhậm, xét ra, không được sáng tỏ, thì người ta có thể hỏi rằng trong lúc vua Thiệu-Trị chọn Hồng-Nhậm nối ngôi, có nhân chứng nào đã biết trước không?

Thêm vào đó, lúc bấy giờ trong Triều, phe của Trương-đăng-Quế mạnh hơn, nên người ta có thể tin chắc, việc tráo đổi di- chiếu, đề loại Hồng-Bảo, là một việc có thể thực hiện được.

Ngoại sử nói thêm rằng Hồng Nhậm (Tự - Đức) là con của Trương - đăng - Quế thông dâm bà Từ-Dũ, một nàng phi được vua Thiệu-Trị mến yêu như út.

Việc tráo đổi di - chiếu, tôn Hồng-Nhậm lên ngôi, đề tặng thêm quyền thế, khi trong tay đã có đủ quyền hành, Trương-đăng-Quế đại gì không làm việc ấy?

Cứ xem, Hồng-Nhậm lên ngôi Trương - đăng - Quế được trọng dụng nhưt và được phong chức tước cao nhưt, mặc dầu chỉ có công dẹp được LÊ-VĂN-KHÔI, so với HOÀNG - KẾ - VIÊM NGUYỄN - TRI - PHƯƠNG, PHAN-THANH-GIẢN... vẫn còn chưa thắm vào đầu:

**Thương nữ bắt tri
vong quốc hận,
Cách giang du xứng
Hậu Bình Hoa.**

Nói sơ qua một vài diềm, từ khi Hồng-Nhậm được chọn lên ngôi báu, lấy hiệu Tự-Đức, thì mọi việc trong ngoài nước đều giao phó cho triều thần, trong đó có Trương-đăng-Quế.

Nhà vua ham thơ hay, đàn ngọt, săn bắn, chỉ biết hiếu với

mẹ, chớ không biết lo cho dân.

a) *Đối nội* : anh em Hoàng-tộc đã hoang mang, không đặt trọn niềm tin tưởng nơi nhà vua nhưt là Hồng-Bảo, Trương-An quận vương v.v...

Khắp trong nước đều có giặc nổi lên chống nhà vua, như giặc CAO-BÁ-QUÁT chẳng hạn.

b) *Đối ngoại*.— Vì bài ngoại và tả đạo, quân Pháp và quân Y-pha-nho đem súng đồng nã rền trời, chiếm lần đất đai.

Các sứ giả PHAN THANH GIẢN, NGUYỄN-KHẮC-ĐẢN, PHẠM-PHÚ-THỨ qua Pháp chuộc mấy tỉnh miền đông, về dâng sớ, xin vua Tự-Đức mở cửa, tiếp nạp văn minh Âu-Mỹ, bị nhà vua bác bỏ.

Tướng HOÀNG-KẾ-VIÊM liên quân với LƯU - VĨNH-PHÚC đâm chết tướng FRANCIS GARNIER ở Ô Cầu Giấy Hà-nội, toan lật lại thế cuộc, đã bị nhà vua không lưu ý, nên đã phê vào sớ rằng : «...kìm nhật thỉnh chiến, hậu nhật thỉnh chiến, chiến đi bất thắng, ngô gia mẫu tử trí vô hà địa.» Tạm dịch : « ngày nay, xin viện binh, ngày mai xin thêm binh tiếp viện, đánh mãi chẳng

tháng, một ngày kia, mẹ con ta còn đất đai mô ở ?

Đặt lại vấn đề, nếu vua Tự Đức biết nhìn xa thấy rộng, hiểu rõ thiên thời, địa lợi, nhơn hòa, thì các sứ-giá đi sứ về dâng sớ, xin văn minh hóa xứ sở, được nhà vua chấp thuận thì quốc-gia V.N, đâu phải chịu nỗi lầm than gần 100 năm mới dứt ?

Khi ấy, vua Minh Trị Thiên Hoàng của nước Nhật đã khéo léo, lo sớm duy tân đất nước.

Đối với Hồng Bảo, chúng tôi sẽ nói tới những đoạn sau dựa theo sách sử, là người sớm thức thời hơn, đầu óc tràn ngập những tinh thần mới mẻ, lại không được lên ngôi.

Nếu được lên ngôi, Hồng Bảo sẽ — khác hơn Hồng Nhậm — chắc chắn là vua Minh Trị Thiên Hoàng thứ hai của nước V.N.

Sơn Đông Thi Tửu Hội

Anh em đã nuôi ác ý chống nhau rồi. Ai làm ra cảnh anh em Hồng Bảo và Hồng Nhậm chống nhau ? Đó là câu hỏi then chốt. Xưa nay, lịch sử vua chúa nước ta như thế cả, nhà vua là hư vị, ham hầu non vợ đẹp, sẵn bản, để việc nước trong tay các triều

thần siểm nịnh. Thường phạt vô minh.

Vua Gia-Long có công thống nhất sơn hà, lập cơ đồ triều đại nhà Nguyễn. Thì, vua Minh Mạng bắt đầu làm hư hỏng việc nước, tới vua Tự-Đức, quân Pháp và quân Y-pha-Nho đem súng đồng vào đánh chiếm lần đất đai.

Đứng trên bình diện khách quan, khi nói tới ĐOÀN-TRUNG, chúng ta phải nhìn nhận việc làm của họ Đoàn là hợp lý, hợp thời : mưu toan xô ngã ngai vàng của Tự-Đức để đem lên kế vị một vua khác, cũng dòng họ Nguyễn, để cứu-vãn tình-hình nguy-ngập của nước ta.

Theo giáo sư Bửu Kế, phê phán một cách chủ quan, Đoàn Trưng chủ mưu giết Tự-Đức, để xưng vua, là một tên phản nghịch.

Nhưng chúng ta hãy tìm hiểu Đoàn-Trung là ai ?

Tại làng Tiên-Lệ, phủ Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, có dòng giống họ Đoàn, mà gia phả đã nói rằng, Đoàn Trưng là tộc họ.

Tại làng An - Truyền, tục gọi làng Chuồn ở Huế, lại có họ

Đoàn, con cháu họ Đoàn nhận rằng, Đoàn Trưng là trưởng họ...

Vậy, xin nói ra để giúp các Sĩ-gia tìm hiểu.

Đoàn Trưng thông minh hay chữ, nhưng chưa đỗ đạt, lại tinh thông võ nghệ cao cường.

Thấy vậy, Sử chép : TÙNG-THIỆN-VƯƠNG gả con gái là THẾ - CÚC cho ĐOÀN - TRUNG.

Theo giáo sư Bửu-Kế (tạp chí Đại-học số 6 và 10) và học giả Ung-Trình (tác giả cuốn « Tùng-thiện-Vương ») nói rằng, ban đầu, khi gả con gái cho Đoàn Trưng, thì Vương nuôi rề.

Thời gian Đoàn Trưng ở rề trong phủ của nhạc gia, không rõ được bao nhiêu năm tháng. Nhưng, theo hai ông, Đoàn Trưng ở trong phủ với bố vợ được một thời gian ngắn ngủi, rồi phải ra ở ngoài.

Lý do, Đoàn Trưng hay ngao du rộng rãi với mọi lớp dân chúng, kể cả ngoại kiều, nhưt là hàng giáo sĩ tây phương.

Việc thành lập Sơn Đông Thi Tửu Hội của Đoàn-Trung đã lộ ý chí của người thức thời, sớm mong mỗi nước nhà qua khỏi vòng đen tối.

Sơn Đông Thi Tửu Hội

thâu nạp những anh hùng chí sĩ nặng lòng yêu nước, để sửa soạn cách mạng chống vua Tự-Đức.

Theo nhà truyền giáo Cadière, Sơn Đông Thi Tửu Hội được phần đông các thanh niên cấp tiến, và một số lớn giáo sĩ tông đồ Việt - Nam lúc ấy hoan nghinh.

Việc cấm đạo, giết tông đồ là một việc thất sách của vua Tự-Đức, nên một số người hướng theo Sơn Đông Thi tửu hội của Đoàn-Trung, gây một hậu thuẫn đáng kể.

Thêm vào đó, lúc bấy giờ, Cần chánh Trương Đăng Quế rất lộng quyền, hãm hại nhân tài và những nhà trí thức tân tiến. Vì thế, Đoàn Trưng lợi dụng được lớp người này để gây phong trào cách mạng, chống vua Tự-Đức.

Vạn Niên là Vạn Niên nào ?

Thành xây xương lính, hào đào máu dân.

Việc xây cất Khiêm-lăng của đức Tự-Đức tại làng Vạn Niên, theo hai câu ca dao trên, đã nói lên những nỗi khổ cực của dân chúng. NGUYỄN - VĂN .

CHẮT, tên đốc biện trông coi việc xây cất Khiêm - Lăng, rất ác nghiệt, gieo nhiều tang tóc cho cho dân quân.

Dân tình ai oán, tràn ngập căm hờn, chỉ mong mỗi một ngày thuận lợi, đứng lên dành lại bát cơm manh áo.

Thì, Sơn Đông Thi Tử Hội là bước đầu, ĐOÀN-TRUNG chụp lấy cơ hội xây cất Khiêm-Lăng, để lôi cuốn dân chúng về mình.

Sơn Đông Thi Tử Hội làm chạy 3 ngày 3 đêm, bề ngoài để thuê mướn dân vào làm công cho nhiều. Nhưng, bề trong, họ tuyên truyền những sự vụng về của vua quan, nhứt là việc xây cất Khiêm Lăng.

Tối mồng 8 rạng ngày mồng 9 năm Bính Dần (1866 dương lịch), vào lúc canh ba, Đoàn Trung hội quân tại chùa PHÁP-VÂN, rồi kéo qua Khiêm-Lăng, làm lễ tế cờ.

Trên một chiếc võng điều, Đoàn-Trung giả làm Tham Tri Bộ Công tới thanh tra công việc ở Khiêm - Lăng. Và, định bắt Nguyễn-văn-Chất, nhưng Chất khi ấy lại vắng mặt.

Thống-chế NGUYỄN-VĂN-

XA bị trói lại và Đoàn Trung hô to khẩu hiệu : « *Ta phụng sắc bái ngay công tác này, công tác đã làm khổ cho lẽ dân. Vậy toàn dân quân hãy theo ta trở về kinh thành, để lập ĐÌNH ĐẠO lên ngôi. Rạng ngày sẽ làm lễ bái hạ. Nếu kẻ nào trái lệnh, sẽ bị chặt đầu ngay.* »

Quân dân, khi ấy, vì quá khổ, đã có người cầm đầu, liền đứng lên reo hò, hăng hái theo về công hãm thành nội.

Một việc chứng rõ là TÔN-THẤT-CÚC — người hoàng phái, viên cận thần, ăn lộc của Tự-Đức — đã làm nội ứng cho quân Đoàn Trung, thì đủ hiểu chế độ dân-công lúc ấy bất công là dường nào.

Với một chiến pháp hãn hời, quân Đoàn-Trung chia làm 3 đạo tiến về Hoàng thành.

a) Tiên-Đạo do ĐOÀN-TRỰC, NGUYỄN-VĂN-VÕ chỉ huy.

b) Trung - Đạo do ĐOÀN-TRUNG, ĐOÀN-ÁI, PHẠM LƯƠNG, lãnh đạo.

c) Hậu-Đạo do TRƯƠNG-TRỌNG-HÒA, NGUYỄN-VĂN-QUÍ (nhà sư chùa Pháp-

Vân) điều khiển.

Tiền và trung đạo tiến sâu vào cửa Chánh-Nam, theo cửa Ngọ-Môn, rẽ hai làm cánh quạt, tới kho cầm y và khí giới để cướp vũ khí.

NGUYỄN - TẶNG - HỤY đoạt được một thanh gươm trao cho Đoàn-Trung và ra lệnh quân lính dưới mình không được chống lại.

TÔN-THẤT-CÚC từ Đại-Cung môn đi ra hợp lực với nghĩa quân. Vì đêm nay, đêm mồng 8 rạng ngày mồng 9, là ngày trực của Tôn-thất-Cúc tro ngnội.

Lúc này, chỉ có NGUYỄN-THANH, PHẠM - VIỆT-TRANG và HỒ - OAI quyết ra sức chống giữ cửa thành không lay chuyển.

HỒ-OAI, một võ tướng, có sức mạnh phi thường, quê người Đồng-Hới, hiện có còn con cháu làm nên sự-nghiệp.

Xuyên qua khe cửa, Đoàn-Trung đưa thanh kiếm rạch xuống một đường mạnh, lấy mất cái tai của Hồ-Oai. Về sau vua Tự-Đức làm cho Hồ-Oai một cái tai bằng vàng, để thưởng công khó nhọc.

Vì thế, nghĩa quân không nhập nội được, liền di chuyển sang điện Thái-Hòa. Đoàn-Trung lại hô to : « *Đột loạn giá đầu, hãy mau đem kiệu ra rước Hoàng-tôn vào, để lên ngôi Hoàng-đế* ».

Kiệu vừa đi được một đoạn, thì bị quân lính của Hồ-Oai đuổi theo đánh, chạy tan tành, bắt được Đoàn-Trung và các tướng lãnh.

Tả vệ Hiệp quản VÕ-GIÁC nổi trống lên, thúc quân theo nghĩa quân.

Còn đạo quân tập hậu, khi tới bến Hương Giang, được tin 2 đạo quân trước đã bị Hoàng quân đánh tan rã, liền tự giải tán.

Phần đông nghĩa quân đều là dân chúng xây cất Khiêm Lăng, dùng chày quét vôi, nên khi hưởng ứng phong trào, liền cầm chày vôi đi theo nghĩa quân.

Bởi vậy, người ta mới gọi cuộc khởi loạn này là **giặc chày vôi**. Đoàn Trung bị bắt giam, đợi ngày ra trả lời trước pháp lý. Nhưng cần phải nói rằng, Đoàn Trung đã sanh lầm trong thế kỷ, công việc làm của người họ Đoàn tuy không thành công nhưng cũng " thành nhân " đó vậy.

Nếu vua Tự Đức bị giết, thời cuộc lúc bấy giờ chưa biết sẽ đi về đâu !

Giáo sư Bửu Kế nói : « ... Nếu Hồng Bảo đang còn sống, thì trong Triều cũng còn nhiều người đi theo, nay Hồng Bảo đã mất, chỉ còn Đình Đạo, chưa biết sự thế ra sao ... »

Như vậy, công cuộc khởi nghĩa của Đoàn Trung chưa dừng một ý nghĩa cách mạng chớ đâu phải một vụ phản nghịch ?

(kỳ sau tiếp)

Công - Chúa QUMA

hy - sinh tính mạng vì người yêu

hay là :

**LỊCH-SỬ XINH ĐẸP CỦA
VIÊN THUỐC KÍ - NINH
CHỮA BỆNH SỐT-RÉT**

NÓI đến bệnh sốt rét, trăm nghìn người như một, đều liên tưởng đến chất KÍ-NINH. Từ bao thế kỷ qua, kí-ninh vẫn được xem là một thần dược trong công cuộc tiêu diệt vi-trùng sốt rét. Chất kí-ninh lấy ở vỏ cây CANH-KI-NA. Nhưng vì sao nhân loại biết dùng chất kí-ninh để chữa bệnh sốt rét? Đó là then chốt của một câu chuyện ly kỳ đẹp đẽ sau đây.

Thành Lima 1645

Mùa xuân vẫn ngự trị trên châu thành Lima xứ Pérou, một vùng trù mật của Nam-Mỹ, năm ven Thái bình dương. Song đúng

nửa tháng nay một thảm họa lan tràn châu thành. Kiêu dân Tây ban Nha đang thấp thòm lo âu trước lưới hái của Tử thần. Bệnh viện duy nhất của châu thành không còn lấy một chỗ trống.

Chung quanh châu thành, các chày dòng Tên đã phải biến tu viện thành bệnh viện. Mỗi một ngày trôi qua, Lima mất đi một vài sinh linh. Tử thần vẫn làm trọn nhiệm vụ một cách hăng hái... Bệnh trạng này tái diễn mỗi năm, sau một mùa đông giá rét. Theo phong thổ địa phương, cứ những mùa đông từ tháng 5 cho đến tháng 10, cảnh vật chìm đắm trong sa mù "garna", không khí nặng nề, bứt rứt khó thở. Đó là những yếu tố gây hao mòn cho những buồng phổi. Rồi mùa xuân sang, khi nắng vàng chảy mênh mang trong khắp nẻo đường xứ

✱ TRẦN HUỖNH HOA

ở và đang cố lau sạch những sét phong sương còn dang dáu trên cây ngàn, cỏ nội, thì, khí độc cũng bắt đầu tan tỏa. Bệnh sốt rét lan tràn như một vết dầu loang. Mọi cố gắng của các nhà y học trời Âu đều vô hiệu quả. Giữa sự phủ phàng của Tạo hóa, dân da đỏ Incas ở những vùng ngoại ô châu thành, vẫn ung dung sống một cuộc sống thanh thản. Họ như sung sướng chứng kiến cái thảm họa tàn khốc đó hoành hành trong đám kiêu dân Tây ban Nha. Một thắc mắc in sâu trong trí não mọi người. Các cố đạo dòng Tên cho rằng dân Incas có một thần dược bí truyền.

Nữ Bá-Tước ChinChon lâm bệnh

Đình-thự của phó-vương xứ Pérou vẫn ngạo-nghễ soi mình trên mặt nước sông Piazza de Armas. Nhưng một hôm, nữ bá-tước Anna Osorio de Chinchon lâm trọng-bệnh. Trong cơn mưa gió phủ-phàng, kẻ yêu hoa thấy lòng mình đau xót; trước sự dẫn vật của bệnh - tình, nữ bá-tước với nhan sắc diễm - lệ, chông nạng—phó-vương Pérou—

sao khỏi lo âu. Các lương-y quanh vùng đều được mời tới, song cơn sốt của nữ bá-tước vẫn không một phần thuyên - giảm. Trước tính mệnh "chỉ mảnh treo chuông" của vợ, phó-vương cho mời gấp đức cha Barnabé de Coba, người cầm đầu các cố-đạo dòng Tên ở Lima, người chú-tâm khảo-cứu về khoa-học. Phó-vương yêu-cầu cha cố-gắng cứu-chữa nữ bá - tước. Cha Coba ngần-ngại bảo phó-vương : Một giải-pháp cuối cùng để cải - tạo hoàn-cảnh hiện-tại là ngài phải cấp-tốc đến Laxo. Chính ngài phải đích thân cầu-cứu hoàng-tử Garcillasvo. Con người duy-nhất có đủ phương-tiện và quyền-lực giúp ngài. Nếu ngài muốn, tôi sẽ theo ngài trong sứ-mạng khó-khăn này.

Hy - vọng thật mong - manh nhưng thương nhau tam tứ núi cũng tèo kia mà ! Không do dự, phó-vương liền ra lệnh cho đội kỵ-mã cùng ông thẳng tiến về hướng Laxo,

Garcillasvo từ chối

Có ai khoan-dung và đại-lượng

để giúp đỡ kẻ thù đã từng tiêu diệt cả dân-tộc mình ! Hoàng tử Garcillasvo vốn giòng-dõi của các lãnh-tự Incas. Giòng-dõi Incas đã bị người Tây-ban-nha đánh bại. Đế-Quốc Incas, một vùng phi-nhiều chạy dài từ Quits đến Tucuman cũng bị người Tây-ban-nha tiêu diệt. Sau cuộc thảm-bại này, người dân nô-lệ Incas bị bắt đi « dân-công » trong các hầm mỏ. Như dân ta dưới thời Minh thuộc, người Incas chết hại rất nhiều. Giờ đây bệnh sốt rét, hiểm-họa lớn lao kia, là một quả-báo đương-nhiên của kẻ gây tội ác, của bọn người xâm-lăng Tây-ban-nha. Người Incas quan-niệm như vậy.

Tuy được phó vương trao tặng nhiều châu báu, nhưng Hoàng tử vẫn từ chối và nhất quyết không tiếp phó vương. Trong căn phòng của biệt thự, Hoàng tử uy nghi và thản nhiên nhìn ngọn lửa hồng cháy bập bùng trong lò sưởi. Mặc những lời cầu khẩn tha thiết của cha Coba, Hoàng tử lạnh nhạt đáp :

Nếu người da trắng Tây ban nha biết dùng bạo lực bóc lột tài sản, cơ nghiệp của dân tộc xứ này

thì lẽ tất nhiên họ có đủ tài trí để tiêu trừ bệnh sốt rét :

Màn chiều buông màu âm đạm. Đâu đây tiếng quạ kêu sưng...

Một tia sáng hy-vọng

Hạ sĩ quan Pedro Ribas thuộc quân đoàn đóng giữ tại ngoại-thành Laxo. Biết rõ duyên do sự cầu khẩn của phó vương với lãnh-tự Incas, và trông gương mặt thiều-não của phó vương khi giả từ biệt điện của hoàng tử Garcillasvo, Pedro Ribas biết ngay cuộc thành-khẩn của phó vương thất bại. Pedro Ribas bèn tỏ ý với phó vương và hứa sẽ cứu nữ bá-tước. Có ai dám tin lời của viên hạ sĩ quan này ! Trong lúc mọi người đều nghi ngờ, thì Pedro Ribas thản-nhiên bảo rằng anh ta và Quma đã yêu nhau. Nàng là công chúa, con của hoàng tử Garcillasvo. Cánh rừng thơ mộng phụ cận thành Laxo là nơi gặp gỡ của đôi nhân-tình khi màn đêm buông rủ. Theo lời yêu cầu của Pedro Ribas, công chúa đã tự tay cứu sống nhiều binh sĩ Tây-ban-nha mắc phải chứng bệnh như nữ bá-tước. Pedro Ribas hứa sẽ về Lima ngay sau khi nhận được thuốc của

công chúa Quma.

Người đàn bà trong đêm tối

Đêm xuống. Trên nền trời, những vì sao lấp lánh như những hạt kim cương dính trên tấm màn nhung căng thẳng... Giữa sự tịch-mịch của đêm trường, một người đàn bà, mặt bao lưới, đến biệt thự phó vương, và nàng được đưa ngay vào phòng bệnh của nữ-bá-tước. Một nhóm bột màu nâu sẫm được hòa tan trong một tách nước nóng. Trước thái độ có vẻ nghi ngờ của phó vương, người đàn bà hiểu ý, mỉm cười, bung tách thuốc nhấp trước. Tin tưởng một phần nào, phó vương cho nữ bá-tước uống nốt chỗ còn lại. Một giờ sau cơn sốt thuyên-giảm. Thế là vợ phó vương thoát chết. Nhưng...

Một thi hài tan nát

Người đàn bà bí mật, chối từ tất cả các lễ vật phó vương trao tặng. Nàng lên ngựa băng rừng trực chỉ hướng Laxo. Song sáng hôm sau người ta lại tìm thấy thi hài nàng nằm cách dinh thự phó

wương khoảng hơn 100 thước. Một mối tình gầy vớ ! Một thi hài tan nát ! Nạn nhân, lưới bị cắt lìa khỏi miệng, mắt chỉ còn là hai hố trũng sâu trên gương mặt be bét máu, và một lưới dao cằm sâu giữa ngực. Than ôi ! vòng quanh chân trời, góc bể, có những kẻ chết vì một mối tình ! My-Châu vì Trọng Thủy, nên đã bị gươm cha chém hồn lìa khỏi xác. Quma vì Pedro Ribas, mà thân nát giữa rừng xanh dưới lưới kiếm phủ phàng của Garcillasvo.

Bột cải-tử hoàn-sanh

Vốn chuyên-tâm khảo-cứu khoa-học, và từ lâu thắc-mắc về linh-dược này, cha Coba, nhân cơ-hội này đã giấu được một ít bột thuốc của công-chúa Quma. Sau vài ngày tìm-tòi phân-tích, Cha Coba mới biết đó là bột vỏ cây Canh-ki-na. Điều này giải-thích sự bí-mật của dân Incas. Khi bệnh rét phát khởi, người dân Incas thường múc nước ở giếng về uống. Dưới những giếng đá này họ ngâm những bó vỏ cây Canh-ki-na. Cha Coba bèn đích-thân lột một số vỏ về tán bột và phát

cho dân Tây-ban-nha khi họ nhuộm bệnh. Từ đây bệnh sốt rét không còn là một hiểm-họa nữa, và danh-từ : « Vô cây của Cha dòng Tên » ra đời.

Bốn năm sau, trên đường về xứ sở, nữ bá-tước De Chinchon không quên mang theo một số bột Canh-ki-na. Đó là một món quà quý giá, bà dâng tặng Hồng-y giáo-chủ Joannes de Lugo. Và đức Hồng-y đã trao lại cho Giáo-hoàng.

Năm sau, nghĩa là vào năm 1650, Đông cung thái tử Pháp lâm trọng bệnh. Một mối lo âu đè nặng cả kinh thành Ba lê. Đông cung mới 12 tuổi, ngài bị lên cơn sốt miên man, mỗi thời khắc trôi qua, là một bước, ngài đi dần về cõi chết. Nước Pháp vốn là cô con gái đầu lòng của Giáo hoàng La mã, nên khi hay hung tin, Giáo hoàng bèn tức tốc phái Hồng y Joannes de Lugo mang sang Ba lê một ít bột của nữ bá tước Chinchon. Nửa giờ sau khi uống tách thuốc đầu tiên, cơn sốt giảm dần và Đông cung thoát khỏi lưới hái Tử thần. Nhờ chút bột Canh-ki-na, Đông cung sau này nghiễm-nhiên là hoàng đế Louis XIV của Pháp.

« Bột của nữ bá tước », đó là danh từ thứ hai được dân Ba lê loan truyền.

Chất Kí - ninh

Từ đó, nhân loại vẫn dùng Canh-ki-na để trừ bệnh sốt rét. Cho mãi đến năm 1820 người ta mới phân tách được chất Kí-ninh ra khỏi vỏ canh-ki-na. Đó là do thiện chí của Pelletier và Caventou, hai nhà bào chế sự danh tiếng. Ngày nay, nơi trang tự điển y khoa, chúng ta thấy có danh từ « Chin-chonicine ». Bác học Pasteur đã đặt danh từ đó cho 1 hợp chất của Kí-ninh, để nhớ mãi câu chuyện bà bá tước Chinchon...

Giòng thời gian vẫn lặng lẽ trôi chảy, cuốn trôi đi bao lịch sử u hoài. Nơi trang sử dân Việt, mỗi tình Mỵ châu, Trọng Thủy, vẫn còn nhắc nhở mãi với chuyện Ngọc trai và nước giếng Loa thành. Nhưng từ trước đến nay, mỗi tình của công chúa Quma đã đi sâu vào quên lãng. Một mối tình tan vỡ, một cái chết thảm thương nhưng nhân loại có biết đâu chính công chúa Quma đã mở con đường sống cho bao triệu sinh linh trên thế giới.

những áng thơ hay

★ THẨM-THỆ-HÀ

Ngồi đây dong nền chờ mai sớm,
Ngựa hí, hoa mừng, gót nắng
sương.

III

Sương rơi rơi lệ cũng rơi rơi
Bến cũ đò ngang vắng bóng người-
Đất lạnh, xóm nghèo, hoa chậm
nở,
Lều tan, sông quanh, nước buồn
trôi.
Ai về có ngắm cầu chành nhịp,
Ta đến xa trông sóng nữa vờn.
Ngơ ngác xiêm-y, năm đã muộn,
Cánh đào thấp thoáng rụng nơi
nơi.

IV

Nơi nao chắc hẳn khác nơi
này,
Men rượu sông hồ ngát ý say.
Chợ sớm ân cần khi hợp mặt,
Quán chiều cần dặn lúc chia tay.
Trắng sơn cước mướt hơn màu
lụa,

XUÂN MONG ĐỢI

★

Cỏ biếc xanh rờn liễu óng tơ
Lối mòn rải rác cánh hoa mơ
Cung đàn thôn vắng say trắng
nước,
Tiếng địch sông khuya nhớ bến
bờ.
Sương lạnh lũng rơi hồn lạc
lông,
Gió hiu hắt thổi mộng bơ vơ.
Người đi cát bụi ngoài muôn dặm,
Mây núi, hương rừng, lộng ý thơ.

II

Thơ nhạc kình thành gửi bốn
phương,
Lá rơi đê ngập lối Chiêu-Dương.
Năm về gió đục bao nhiêu hướng.
Chiều xế trắng buông mẩy ngã
đường.
Những rắp bề trời xây sự nghiệp
Đâu ngờ thân thế lụy văn chương

Sương ải quan mờ ám bóng mây.
Sưởi nước, rùng hoa ôi diễm ảnh
Ta xuôi Kinh-Bắc chốc bao ngày.

V

Ngày muện hương gây cúc nở
vàng,
Hiên nào nắng chếch gởi buồn
sang.
Tơ chùng cửa khuyết sao ai oán,
Gót lạnh kinh thành đến dở dang.
Mây bốn phương bay, sầu mấy
hướng,
Gió năm canh thổi, lệ đôi hàng.
Thu qua, đông hết, ôi tâm sự
Lá rụng âm thầm bóng Liễu trang

VI

Trang lại từng trang dở trước đèn
Ngàn xưa kẻ sĩ há cầu yên.
Thành Mê nếu mãi vui tơ tóc,
Sử Việt đâu còn đẹp bút nghiên.
Sóng nước Châu giang hồn tuấn
kiệt,
Mây trời Yên-thế bóng thuyền
quyên.
Ngâm câu kìm cổ, xây tin tưởng,
Phố giữa mưa bay tiếng lục
huyền.

VII

Huyền cầm ta gảy để ai nghe,
Trong lúc tàn đông, nắng mới về.
Âng cỏ xanh rờn mây bát ngát,
Mặt hồ trong vắt liễu lê-thê.

Ngựa xe, tơ lụa, bay trăm lối,
Hạt hán, vàng son, ngọc bốn bề.
Đây chốn hoàng-thành hoa chớm
nở,

Còn ai nghĩ đến cảnh đồng quê.

VIII

Quê tôi khóm cúc vẫn lên hoa,
Cảnh có như người nhớ chốn xa?
Ngõ trước vườn sau đành trống
trải,
Nhà xưa miếu cũ hẳn phôi-pha.
Sương dồn đời tiết đời mùa lá,
Gió dục sang canh: mấy tiếng gà.
Óc cháy, hồn tan, thán với thế,
Những gì để lại một năm qua?

IX

Qua rồi mộng đẹp của ngày xanh
Tình giốc: trà xuống, liễu rủ
mành.
Còn một cây đàn trên vách cỏ,
Có dăm pho sách dưới lều tranh
Vườn hoang bướm trắng bay thơ
thần,
Ngõ vắng hoa đào rụng mỏng
manh.
Xa vắng dấu thôn chờ nhạc ngựa
Chuông rền tịch tịch nẻo âm
thanh.

X

Thanh sơn thanh thủy vẫn chờ
người,

Đã mấy mùa hoa kếm về tươi.
Đất tỏa nguồn hương, thơ rộn rã
Nước lồng sóng nhạc, gió chơ;
vời.

Nhấp ly-bôi tửu, đau cung kiếm,
Đập bản đồ thư, gặt bề trời.

Hãy rắc thêm trầm cho khói lộng
Đề Tinh Ý gởi đến xa xôi. . .

NGÂN.GIANG NỮ-SĨ

Một mùa xuân xưa, có một người
thơ nhung-nhớ một người để dệt
nên bài «Xuân mong đợi». Chàng
ra đi từ lúc nào, không ai biết. Qua
những lời thơ chan-chứa u-hoài
của người mong đợi, ta chỉ biết
nơi chàng đi có mây núi, hương
rừng, trăng sơn-cước, sương ải-
quan và có tiếng nhạc ngựa vang
rền trên bước đường phiêu dạt...

✧ Thế rồi xuân lại về trên cỏ biếc,
hoa mơ, trên lối mòn nơi thôn
vắng, mà gót chân phiêu-lãng vẫn
biên-biệt nơi phương nào. Cung
đàn đêm nay dường như say cùng
trăng nước, tiếng địch trên sông
dường như chạnh nhớ bến-bờ,
nàng cảm thấy như hồn lạc-lỡng
theo sương rơi, mộng bơ-vơ theo
gió thổi. Sương rơi lạnh-lùng làm
hồn ai thêm giá lạnh. Gió hiu hắt
thời làm cho mộng lại phiêu-diêu
man-mác, đeo đẳng giữa canh tàn.

Ôi! hồn, mộng đêm xuân sao
mà nao-nùng đến thế!

Lời thơ ông chuốt thắm đượm
tình người. Điệu thơ nhịp-nhàng
như cung-dàn, tiếng địch. Đàn
còn biết say, địch còn biết nhớ,
lòng người sao khỏi say, nhớ
mênh-mang.

✧ Nàng chẳng những hay thơ
mà lại còn sành nhạc. Những lúc
buồn dâng man-mác, nàng thường
mượn nhạc, thơ để phở bản đàn
lòng. Nhưng thơ viết để ai xem?
Nhạc khải để ai nghe? Nàng
đành mang cái ảo-vọng gửi thơ,
nhạc ra bốn phương để tìm tri-kỹ.
Thật chỉ có một tâm-hồn giàu
mơ-mộng mới có một ảo-vọng lạ
thường!

Rồi lá rơi ngập lối, gió dục
bao nhiêu hướng, trăng buông
mấy ngã đường. Năm mới đã về
mà sự nghiệp chưa thành, thân
còn vương lụy. Nàng đành ngồi
chong nển chờ mai sớm với hy-
vọng sẽ đón người về.

Ngồi đây dong nển chờ mai sớm,
Ngựa hí, hoa mừng, gót nắng
sương.

Hy-vọng bùng lên trong lòng
nàng, rộn-rã như tiếng ngựa hí,
vui tươi như đóa hoa mừng gót
chân của chàng tráng-sĩ đã dày-

dạn nắng sương. Lời thơ thật là diễm-lệ, ý-tình thật là thẩm-thiết biết bao !

✧ Nhưng bao lần sương rơi chan - hòa cùng lệ, bến cũ dò ngang vẫn vắng bóng người. Hoa đường như chậm nở, nước đường như buồn trôi. Ngoại-cảnh mang lấy hồn người như muốn kéo thời-gian lại. Và còn cảnh nào làm băng - khuâng lòng hơn là cảnh :

*Ai về có ngắm cầu chênh nhịp,
Ta đến xa trông sóng nửa vời.
Ngơ ngác xiêm y, năm đã muện,
Cánh đào thấp thoáng rụng nơi
nơi.*

Những nét phác tụy đơn-sơ nhưng thật là tuyệt-mỹ. Có ai từng ngắm một chiếc cầu chênh nhịp mới cảm-thông được sự dang dở của tơ duyên. Có ai từng ngắm những làn sóng nửa vời mới cảm thông được nỗi nhớ-nhung giữa cảnh nghìn trùng viễn-cách. Và có ai từng ngắm những cánh đào thấp-thoáng rụng mới nhận-thức được cái đẹp tương-quan giữa ngoại-cảnh và lòng người

✧ Sống trong nhớ-nhung, nàng sinh ra mơ-mộng. Nàng mơ đến cảnh chợ sớm cùng ai ân-cần hạp mặt, cảnh chợ chiều cùng ai bịn

rint chia tay. Nàng mơ đến những cảnh :

*Trăng son-cước lướt hờn màu
lụa
Sương ái-quan mờ ám bóng mây.
Suối nước, rừng hoa, ôi diễm-
ảnh.*

Những cảnh ấy chỉ dành riêng cho những kẻ ngát ý sông hồ. Cảnh nào cũng đẹp, cảnh nào cũng nên thơ. Dưới ngòi bút tài-hoa của nữ sĩ, bao nhiêu hình-ảnh đó hiện ra lung-linh và huyền-ảo, có năng-lực quyến-rũ lạ thường.

✧ Ngày tháng vẫn lạnh-lùng trôi qua trong sự chờ đợi, nàng âm-thầm sống với dĩ-vãng buồn tênh. Hương hoa chỉ gây thêm mùi nhớ, nắng chéch chỉ mang đến sự buồn.

Tâm-trạng nàng là tâm - trạng của một kẻ cô-đơn, nàng nhìn ngoại-cảnh qua một bức màn đen tối, nghe âm-thanh cũng ai-oán. Nào-nùng, cho đến nỗi trông mây bay mà vọng sầu, nghe gió thổi mà rơi lệ :

*Mây bốn phương bay, sầu mấy
hướng,*

Gió năm canh thổi, lệ đôi hàng.

Tình-cảm của nàng biến-chuyển từ nhớ-nhung man-mác, nhẹ-nhàng đến buồn thảm, ủ-ê, thẩm-thiết.

Sự diễn-tiến tình cảm ấy là kết quả của sự giao-cảm giữa ngoại-cảnh và nội-tâm và cũng là tiếng tơ đang rung lên những âm-thanh trác tuyệt.

✧ Tình-cảm của nàng đang diễn-tiến theo chiều xuống, bỗng nhiên dừng lại nhờ sự can thiệp của lý-trí. Dưới bóng hoa đèn, nàng dờ lại những trang sử cũ, để rồi thấy nỗi buồn tiêu tan và những tình-cảm trong sáng bắt đầu chớm nở. Hình-ảnh của những trang anh-hùng, liệt-nữ đã chiếu ánh sáng vào tâm-hồn u-ám của nàng. Nhịp thơ đến đây bỗng chuyển-điệu :

*Thành Mè || nếu mãi vui tơ-lóc,
Sử Việt || đâu còn đẹp bút-
ngiên.*

*Sóng nước Châu-Giang || hồn
tuấn-khiết,*

*Mây trời Yên - Thế || bóng
thuyền-quyên.*

Nhịp của cặp { 2 + 5 } Điệu
Thực { 2 + 5 } Hùng

Nhịp của cặp { 4 + 3 } Điệu
Luận { 4 + 3 } Trầm-Hùng

Nhờ sự chuyển-điệu mà lời thơ trở nên hùng-tráng, nhịp thơ tiết-tấu như một điệp-khúc hành quân.

Cái khéo-léo là tác-giả không nói tên những nhân-vật lịch-sử, nhưng tự sự-khiến cũng đã tiết-lệ một cách rõ ràng.

✧ Những trang lịch-sử vẻ-vang đã đem lại cho nàng một nguồn tin-tưởng. Tình-cảm của nàng khởi sự chuyển-hướng theo chiều lên. Nàng thấy tâm-hồn thơ thới như vừa cởi được lớp ủy-mị, bi-quan. Cảnh tàn đông, nắng mới trở nên sáng-lạn, tung bùng. Nhịp thơ đến đây cũng trở nên tung-bùng, rộn-rã :

*Áng cỏ xanh rờn || mây bát-ngát,
Mặt hồ trong vắt || liễu lê-thê.*

*Ngựa xe, || tơ lụa, || bay trăm
lối,*

*Hạt hán, || vàng son, || ngọc
bốn bề.*

Nhịp cặp { 4 + 3 } Điệu tung-
Thực { 4 + 3 } bùng

Nhịp cặp { 2 + 2 + 3 } Điệu
Luận { 2 + 2 + 3 } rộn-rã

Nhạc thơ thật là phù-hợp với ngoại-cảnh và lòng người.

✧ Tâm hồn có thơ-thới, tình cảm có trong sáng, nhưng nỗi nhớ nhung vẫn canh-cánh bên lòng. Làm sao tránh được sự nhớ nhung đối với những tâm hồn giàu tình - cảm ? Có điều khác trước là giờ đây nàng chỉ cảm-thấy một nỗi buồn nhẹ-nhẹ, như làn gió xuân vờn nhẹ trên cành hoa.

*Sương dòn dôi tiết thay mùa lá,
Gió dục sang canh mấy tiếng gà.*

Cũng thời cảnh sương dòn, gió dục, mà trước kia cảnh ấy thế-lương áo-não biết bao ! Giờ đây cảnh ấy chỉ làm cho nàng băng-khuông tự hỏi :

Những gì để lại một năm qua ?

✧ Nàng tự hỏi thế để rồi tiếc ngằn tiếc ngơ giấc mộng đẹp ngày xanh. Mộng đẹp tan rồi mà thú cầm, thú vẫn còn đeo-dăng theo khách tài hoa. Chung-thủy với nàng chỉ có một cây đàn và dăm pho sách.

Cảnh hoa, bướm nơi vườn hoang, ngô vẳng như tô đậm nét yêu-đương của kẻ chung-tình. Ngày ngày, nàng lắng dấu thôn chờ nhạc ngựa của người yêu.

Nhưng nhạc ngựa vẫn bật âm thanh, mà tiếng chuông chùa vẫn vang rền trong tịch-mịch.

✧ Non nước vẫn chờ người cũ. Ngoại vật vô-tri vô - giác dường như cũng thông-cảm với tình người.

Bao nhiêu tình-cảm phát-tiết nên lời thơ, bao nỗi nhớ-nhung chan-hòa trên sóng nhạc. Nàng lại còn muốn rắc thêm trầm cho khói lộng, mang âm-thanh của thơ, nhạc đến người xa :

Hãy rắc thêm trầm cho khói lộng

Đề Tinh Ý gửi đến xa xôi...

Hai câu kết thật đã gói ghém muôn vàn tình ý : *Kết về hình-thức nhưng thật ra đã mở rộng về tinh-thần.*



Ngân-Giang Đỗ-thị-Quế là một nữ thi-sĩ thời tiền-chiến.

Qua bài thập - thủ liên - hoàn « Xuân mong đợi », Ngân-Giang đã thể hiện một hồn thơ thanh-tú và một nghệ-thuật điêu-luyện, tân kỳ. Tuy điển ý dưới hình-thức thơ Đường-luật, nữ-sĩ biết cách điều-hòa nhịp điệu để tạo nên một nhạc thơ phù-hợp với sự biến-

chuyển của nội tâm và ngoại-cảnh, khi du - dương như đường thơ thánh thót, khi hùng hồn như một điệp khúc hành-quân, khi rộn rã từng-bừng như tiếng chim líu-lo vào một buổi mai xuân nắng ấm.

Một bản-sắc nổi bật nhất trong thơ Ngân-Giang là : ĐẸP. Lời đẹp, ý đẹp, cảnh đẹp, tình đẹp,

màu sắc đẹp. Mười bài thơ là mười cảnh đẹp, trong đó chứa-đựng bao nhiêu là ý tình khả-ái, màu sắc nên thơ. Nếu sứ-mệnh của thi-nhân là diễn-đạt tế-nhị cái Đẹp của nhân-loại và thiên-nhiên, thì nữ-sĩ quả đã thành-công một phần lớn nhờ ở nghệ-thuật cao-độ của mình rồi vậy.

THẨM-THỆ-HÀ



✧ LẦN THẦN

— Ở thành thị thì vui thiệt, nhưng không khí bụi bặm độc hại, không trong sạch như ở nhà quê.

— Ừ nhỉ, sao người ta không cất thành thị ở nhà quê, có phải hay hơn không ?

✧ TRONG VÒNG THÂN MẬT

Một người nọ hỏi một nữ minh tinh Hồ-ly-Vọng :

— Hôm đám sanh nhật của bà, có đồng người không ?

Nữ minh tinh đáp :

— Không, trong vòng thân mật thôi. Chỉ có hai đứa con gái của tôi hồi đời chồng thứ nhất của tôi, người vợ thứ ba ly dị của người chồng thứ hai của tôi, người chồng cũ thứ tư của tôi với người vị hôn thê của anh ấy, người vị hôn phu của tôi và người vợ cũ thứ nhì của anh ấy.

T. L. L.

✧ DANH NGÔN

On n'aime pas si l'on n'aime pas pour toujours.

Nếu không yêu mãi mãi, đó là không có yêu.

EURIPIDE (Thi-sĩ Hy-Lạp)

Chí sĩ
NGUYỄN TRƯỜNG - TỘ
cảm đề :

NÚI THẠCH-BI

VÀ CHÍCH-TRỢ

* NGUYỄN BÁ THỂ

TỈNH Thanh-hóa, huyện Tống-Sơn, làng Mỹ-quan có núi Thạch-bi và Chích-trợ.

Núi Thạch-bi, đỉnh trông giống như bia đá ai tạc, nên gọi là «Thạch-bi». Hình núi cao ngất ngưỡng, có chỗ kỳ dị là nằm ở giữa sông, chân bắc lên hai bờ sông, thuyền bè đi lại phải lòn như qua cầu. Trên vách đá có đề chữ «Thần» rất to, nét bằng sơn, tục truyền là của vua Lê thánh Tông khi xưa ngự đề.

Núi Chích-trợ ở gần đây. Một ngọn cao vút lên như hình một chiếc đũa cắm trong vạc, nên gọi là «Chích-trợ». Trông xa, lại hình như cây sen mọc trên mặt nước, nên cũng gọi là «Liên sơn». Lại truyền rằng : «Đời Lê, có bà công chúa và phò mã làm nhà mát ở cạnh núi ấy, trồng một vườn đào rộng

tới vài mẫu đất ở gần đây, nên núi cũng mang danh là «Vườn đào» (Đào Viên sơn).

Qua chơi núi Thạch-Bi, chí sĩ Nguyễn-trường-Tộ làng làng cảm khái, lòng nung nấu, chí bùng lên, khí phách hùng hào phóng bút đề thơ :

Phong bất năng đao vũ bất tời.

Bi truyền vạn cổ tự thời ngời.

Cổ viên như trước bài sơn đỉnh,

Trác lập vô song trần thủy bi.

Tường thị bổ thiên tầng luyện quá,

Phi quan điền hai bị khư lai.

Nhược đi Chích trợ thành song trợ.

Địa tác bàn xan, hải tác bồi.

Thơ truyền tụng, hầu hết các danh sĩ đều công nhận là tuyệt tác. Hội «Khai trí tiến đức», khoảng năm 1936, đã có lần nêu ra làm đề thi dịch thơ. Dưới

NÚI THẠCH BI VÀ CHÍCH TRỢ

đây là các bản dịch hay.

Một bản dịch của Đầu Tiếp :

Mưa khôn sụp nổi gió khôn rờ.

Bia để muôn năm vững một bề.

Tròn vịn uhr bào chông đỉnh núi,

Cao ngồng riêng đứng trấn dòng

khê.

Và trời, âu hần ai hần lại,

Lấp biển, phải đầu sóng tạt về.

Được một nửa làm đôi đũa nhi,

Đất là mâm đất, biển là ly.

2 Bản dịch của Tảo-Trang :

Mặc bao mưa gió phủ phàng,

Bia truyền muôn thuở vững vàng

như không.

Riêng mình trấn áp khúc sông,

Dáng tròn như tạc, đặt chông

đỉnh non.

Và trời hần đã luyện khuôn,

Phải đầu lấp bể bị đòn tới đây.

Vì nhân đôi chiếc đũa này,

Sông dâng chén uống, đất bày mâm

ăn.

3 Bản dịch của Nguyễn -

Đồng - Chi :

Mưa không chuyển, gió không lay.

Bia ghi muôn thủa, chôn này chôn

von.

Tro vợ ai tạc đỉnh tròn,

Trấn dòng sừng sừng một non

tuyệt vời.

Hần rằng từng luyện vá trời,

Hoài chi lấp bể mà đời đến đây.

Vì đũa núi đũa so tay,

Biển này chén rượu, đất này mâm

com.

4 Bản dịch của Lục-y-Lang :

Gió thổi mưa tuôn chẳng chuyển

lay.

Bia truyền chót vót tự xưa nay.

Tròn tròn như gọt đầu non thâm ;

Sừng sừng riêng coi góc nước mây.

Đẽ hần vá trời từng luyện trước,

Phải đầu lấp bể bị lừa đây.

Giá đời núi Đũa so đôi nhi,

Đất găm làm mâm bể chén đây.



* LÝ-LUẬN CỦA PHỤ-NỮ

Trong một cuộc thi, người ta đưa ra câu hỏi : « Hãy giải thích sự cấu tạo nên loài người »,

Một nữ thí sinh đáp : « Trước tiên Chúa Trời tạo ra Adam. Người ngắm-nghĩa Adam một chập, đoạn tự bảo : « Minh có thể làm đẹp hơn thế nữa ». Thế rồi Chúa Trời tạo ra Eve

T.L.L.



Từ thân

Mái Tây có người đẹp,
 Hiên tây có hoa xinh.
 Hải-đường xen môi thắm,
 Bờ liễu phủ mây xanh,
 Giai-nhân đầm vẻ ngọc,
 Mây nước ngần ngơ tình.

★

Gác đông có thi-nhân,
 Tường đông có trắng gió.
 Phong vũ đảo mơ hồ,
 Sương pha trùm nếp cỏ.
 Giở túi cạn bầu tiên,
 Xuân về bên tường phố.

★

Hiu hắt sương phong dậy gác tàn,
 Tôi bời hoa đỏ giữa đêm xuân.
 Tình ta ví kiếp phù du ấy,
 Đã ven vắn thơ ân từ thân.

Thương-Khách HOÀNG-QUANG-BẰNG
 Tháng Mộ Xuân C.T.

TRUYỆN NGÀN

QUỐC
 TẾ

Thế mới là tình yêu!

★ của PIERRE NEZELOFF
 VÂN - SƠN phỏng dịch

DÀM ma vợ ông Tâm thật là to, hàng phố ai cũng khen thế. Người đi đưa dài có đến suốt một phố mà toàn là những người danh giá sang trọng cả. Chiếc xe song mã đưa linh cửu người quá cố cũng thật là đẹp. Nhưng có một điều làm ai cũng phải cảm động đến chảy nước mắt và chú ý nhất là : ông Tâm rũ ra như một tàu lá, quần áo tơi tả, đôi mắt đỏ sọng.

Ai cũng chép miệng than thở :

— « Khô thân ông Tâm thương yêu vợ như thế mà bà ấy nở lìa bỏ cuộc đời để chồng sống cô đơn một mình ở dương thế ».

Có người lại bà thêm :

— « Chết như thế cũng đáng, đám ma đủ mặt đi đưa. Cái số bà ấy đã sung sướng đến chết vẫn còn sung sướng ».

Nhưng... chỉ có trời mới có thể biết được bà Tâm có sung sướng thật hay không. Và nếu bà Tâm có phép lạ tái sinh thì bà mới có thể rõ được lòng chồng bà ra sao. Nhưng bà Tâm cũng

chỉ là một người thường đã chết là chết không thể nào có phép lạ tái sinh được và đó cũng là một điều may mắn cho bà vì cho đến phút chót của cuộc đời bà vẫn định ninh là chồng bà yêu thương bà thực tình.

★

Khi đã làm xong ma chay và đã khóc lóc suốt mấy ngày liền, ông Tâm cảm thấy tâm hồn nhẹ nhàng khoan khoái một cách hiển nhiên. Thế là từ nay ông được hoàn toàn tự do vùng vẫy, muốn làm gì thì làm, muốn đi đâu thì đi, muốn ăn gì thì ăn, không sợ bị kiểm chế, kiểm soát hạn chế nữa.

Cũng như số phận của nhiều ông râu quặp khác, suốt trong mười lăm năm trời, ông Tâm bị

bà vợ "cai trị" với một "chế độ độc tài" khát khe, ông Tâm vẫn nghĩ thế. Suốt mấy chục năm chung sống, vợ ông kiểm soát chi li cả tiền túi của ông, thậm chí "quản-trị" đến cả vấn đề thuốc lá hút hàng ngày của ông nữa. Đi xa khỏi nhà chừng 15 phút là ông đã phải báo cáo tường tận với bà vợ rồi. Vốn không có bản lĩnh, ông đã chịu khuất phục ngay từ đầu, bất phản kháng. Và bỗng nhiên bây giờ, ông thật như chim được sỏ lồng. Ông như bị chói lòa vì ánh sáng bao la và ông cảm thấy như ngậy ngất... Nhưng ông phải tự bào chữa ngay: Không, không bao giờ ông lại mong cho vợ ông chết...

Tuy đã cố bào chữa như thế nhưng ông cũng phải tự công nhận rằng đã có vài lần ông thăm ao ước: nếu một ngày kia định mệnh bắt vợ ông phải chết trước ông thì ông sẽ làm những gì?? Và có lẽ định mệnh đã đến thật, vợ ông không chết vì ốm — gia đình vợ ông trung bình người nào cũng thọ được ít nhất là tám mươi tuổi — mà chết vì một tai nạn xe hơi: trời mưa xe trượt bánh húc vào cột đèn bên đường.

Những kế hoạch đã dự định âm-thầm ngày trước, lập tức được ông Tâm đem ra thi hành. Trước hết ông dọn dẹp lại nhà cửa cho

có thứ tự — cố nhiên là thứ tự theo ý ông chứ thực ra nhà cửa đã thứ tự lắm rồi theo ý bà Tâm lúc còn sinh tiền — ông đem vứt hết những cái hộp, những cái giẻ mà vợ ông đã chấp chỉ nhặt nhanh. Ông đem bán ngay cái tủ ăn kiêu cồ mà vợ ông đã thừa hưởng của bà cụ bên ngoại từ ngày hai vợ chồng ông lấy nhau. Ông dọn dẹp căn phòng đã để cái tủ này dự định làm chỗ nhẩy nhót và mời các bạn tới nhận nhét cho đã đời.

Ông tự tay vào làm bếp. Ông làm ngay món đậu rán mỡ, một món ăn mà trước kia ông đã từng đưa ý kiến mà đều bị bà vợ bác đi vì cho là quá ư tầm thường. Ông hùng hồ làm và vì không biết tra gia-vị cho vừa độ, hơn nữa tưởng mình sẽ ăn được rất nhiều, ông làm thật nhiều và kết cục ông phải ăn cố, ăn gượng vài ngày liền mới hết món đậu đã chua ra vì để lâu ngày.

Mấy ngày sau, ông khóa cửa nhà, đi ra tiệm cà phê một cách thật hiên ngang không phải xin phép như trước nữa. (Ngày trước hồi bà vợ còn sống ông chỉ được phép vào đây mỗi tuần một lần để chơi bài với bè bạn) Thấy ông hiên ngang, trong tiệm người ta đón ông thật là niềm nở. Ông tuyên bố rất hách:

— Kể từ nay, tối nào tôi cũng đến họp mặt với các bạn.

Và ông thêm một câu:

— Khỏi còn phải xin phép ai!

Nhưng chỉ được một tuần thôi, ông nhận thấy những điềm sau: thằng cha Hải chuyên đánh bạc gian lận, thằng cha Ninh chuyên nói khoác một tác lên đến trời, thằng cha Bá chuyên văng tục và còn nhiều nhiều nữa. Hơn nữa bao giờ chúng cũng gạ ông cho ăn, nghĩa là chúng đều là những tay ăn bám thật tài tình và lão luyện.

Ông chán ngán và không đến tiệm cà phê như trước nữa. Ông dùng thì giờ ấy để đi xem chiếu bóng. Ngày trước, ông ham thích đi xem xi nê buổi tối bao nhiêu thì vợ ông lại ghét ra khỏi nhà bấy nhiêu. Và ông ưa xem phim này thì vợ ông bắt đi xem phim khác.

Nhưng xem mãi rồi cũng phải chán nhất là đen cho ông, ông xem toàn phải những phim có những cốt truyện nào nề, buồn thảm nên mười buổi đi thì có đến chín buổi ông ngủ quên trên ghế đến nỗi anh soát vé phải đến đánh thức ông dậy. Và những lần ấy, khi lui thủi một mình về tới nhà ông mới thấy buồn ngao ngán vì bếp trống, giường không, tất cả đều lạnh ngắt như đồng.

Có một buổi tối đang ngồi trong rạp, ông chợt nhận thấy một cô

hàng xóm với mái tóc nâu bù rối như bông hoa cúc ngồi ngay bên ông, miệng luôn ngậm kẹo bạc hà. Và mê ly hơn nữa, vì phim dài nên có mười lăm phút tạm nghỉ, cô ta đã nhân dịp này trao sang cho ông một chiếc kẹo kèm theo một nụ cười quyến rũ không kém nụ cười tống tình của các cô đào trên màn ảnh vừa xem. Không hề lơ díp, ông liền bắt chuyện với cô ta. Hết phim, cả hai dắt nhau vào một khách sạn tối tăm ở một phố nhỏ mà chưa bao giờ ông Tâm để chân tới. Sáng dậy, ông có cảm giác như tóc ông đã biến thành một cái đệm chùi chân người ta đã chùi chân lên nhiều quá. Ông tìm cô gái tóc nâu nhưng cô ta đã bỏ đi, ông sờ đến túi thì, chao ôi chiếc ví của ông đã không cánh mà bay.

Ông chán ngán tất cả và thất thểu về nhà. Trong ông không khác gì một con chó ốm, đôi mắt lờ đờ, đi không còn muốn cất bước nữa...



Một buổi sáng chủ nhật, khi vừa bị chiếc kim đâm vào tay vì phải tự khâu lại cái nút đứt trên chiếc áo sơ mi, thì có tiếng chuông reo. Ông vội chạy ra mở cửa. Thì ra đó là người em họ ông vừa ở tỉnh lên đến thăm ông. Người này vốn không lương thiện cho lắm, nên vẫn bị bà Tâm ghét, tất nhiên anh ta cũng không ưa gì bà chị đâu.

Vừa trông thấy ông, anh ta cười nhẵn nhủ và hỏi sẵn, hỏi đón:

— Bác dạo này chắc đã khuây khỏa rồi chứ?

Ông Tâm chưa kịp mở miệng thì y lại tiếp ngay:

— Bác đã thấy chưa. Bác gái ngày xưa thật là tàn tệ.

Đột nhiên ông Tâm thấy nóng gáy, cái thằng em họ đến láo, dám nói xấu vợ ông trước mặt ông. Không ông phải cho y một bài học, ông không thể để y chê bai người vợ mà đến bây giờ sau nhiều giờ phút hồi hận ông đã thấy thật là đáng mẫn và cần thiết cho đời ông. Ông liền trợn mắt, nói như quát:

— Tôi cảm chú không được nói xấu vợ tôi.

Người em hết sức ngạc nhiên, y nhìn trừng trừng vào mặt ông và lắp bắp:

— Thế, thế ngày trước bác chả thường than thở với tôi rằng chị ấy quá quắt lắm là gì?

Ông trợn mắt lớn hơn và đồng dục:

— Không, chú lắm, chú thật lắm vì đó là tôi thường trách yêu vợ tôi đấy chứ.

Người em ngạc nhiên hơn và hỏi thêm:

— Vậy thì bây giờ chị đã chết, anh thấy đau khổ hay sao?

Ông Tâm lờn lên:

— Đau khổ không thôi à?

Chưa đủ, tôi còn...

Ông toan nói thêm hai chữ hồi hận nữa nhưng vì trấn tĩnh nên ông đã kìm lại được và nói:

— Đấy bây giờ chú xem, có ai còn nói với tôi rằng mình: "mình đi đâu mà về khuya thế" mỗi khi tôi đi ăn tiệc với bạn bè về chậm vài phút, có ai còn nói với tôi: "Mình lại hút thuốc nữa, đây là điều thuốc thứ ba rồi đấy nhé" hay là "mình đưa bút tắt dây em mạng cho, chả hiểu sao mà bút tắt của mình lại chóng rách đến thế" v.v...

Rồi ông nhìn lên chiếc ảnh bán thân của bà Tâm, treo trên tường và lăm băm như nói với vợ:

— Như thế mới thật là tình yêu!

Rồi như chợt nhận ra có chú em ở bên cạnh, ông quay sang nói lớn:

— Như thế mới thật là tình yêu chứ, chú biết chưa?

Người em lại càng ngạc nhiên hơn, ngạc nhiên đến cùng độ, y hấp tấp hỏi lại:

— Sao, bác nói sao?

Ông Tâm dậm chân nói tiếp:

— Phải như thế mới chính là tình yêu. Bây giờ tôi đã biết chắc là như thế và trong mọi gia đình phải có một người đàn bà kiểm chế, "cai trị" người đàn ông như thế mới là hạnh phúc.

Rồi quá xúc cảm, ông òa lên khóc như một đứa trẻ con. Và nước mắt chảy đến đâu là ông thấy nhẹ nhõm mình đến đó. Ông như cảm thấy ở bên kia thế giới bà Tâm đang mỉm cười tha thứ cho ông.



TÓM TẮT CÁC KỶ TRƯỚC

Vào năm 2.000. Một thi-hào Việt-Nam nhìn nghe hai trẻ nhỏ đối-thoại khi chúng sượt nắng làm sống lại một xác bướm, tìm ra lẽ-sống mới của loài-người. Một cuộc hội-hợp các nhà thi-hào Việt-Nam diễn ra trong một trại hoa. Một bản tuyên-ngôn kêu gọi các chình-khách trên Thế-giới rút lui, trả lại nhân-loại cho các nhà thơ, những sứ-giã của "loài-người" tự điều-khiển lấy nhân-loại đi về một hướng xây-dựng mới.

Những chính-phủ của hầu hết các nước, gồm có các nhà thơ, được thành-lập. Một vài văn thơ được gửi ra chiến-trường cuối cùng, làm tắt im tiếng súng...

P. T.

Những xưởng đồ sộ ở Nga Mỹ, Anh, Pháp, Đức, v. v. . . chuyên chế-tạo súng đạn, bom nổ được lệnh ngưng lại tức khắc. Những đê-án được tháo ra. Trong một thời-gian kỷ-lục tất cả những xưởng chế tạo vũ khí mới trên được biến đổi ra những xưởng chế-tạo nông-cụ, dụng-cụ khoa-học v.v. . .

Công-nhân lớp lớp ra vào các cửa ngõ của công-xưởng, đêm cũng như ngày. Tiếng hát vang lừng những góc trời. Họ làm việc không biết nhọc. Không ai phải đôn-thúc ai. Họ biết họ đương làm gì, và làm cho ai. Họ bắt tay vào việc với một mối nhiệt-thành mà không một lớp công-nhân dưới thời-đại

nào, chế-độ nào có thể có. Bởi họ đương làm cho họ và xây dựng cho họ, cho con cháu họ.

Những súng đạn đã làm thành được phá-hủy, cho vào lò nấu lại, để rồi biến ra những vật dụng khác. Nhưng cũng có : ở một vài nơi, bản tuyên-ngôn của năm nhà thơ Việt - Nam vẫn phải trở-lực. Ấy là những nơi mà chánh-quyền vô-sân còn tồn-tại. Những lãnh-tụ của họ thực ra đã muốn đầu hàng. Nhưng, mặt khác, mệnh-lệnh của « đảng » đã đôn-thúc họ phải đối phó.

Tuy nhiên, việc rồi cũng giải-quyết xong. Hết thầy công-nhân trong nước họ tụ-tập đầy ngoài đại-lộ, kéo tới trụ-sở trung-ương Đảng-Bộ đòi họ phải giải tán. Họ ăn, ở và ca hát ở ngoài đại-lộ cả đêm và cả ngày, kỳ cho đạt được mục-đích. Tất-cả các bộ-phận sinh hoạt trong nước đều đình-trệ. Và không thể nào làm hơn, những người Cộng-Sân cuối cùng phải đầu hàng, cáo chung cho một chế-độ phi-nhân.

Dân-chúng kéo vào chiếm lấy trụ-sở, các dinh-thự. Và nội-trong ngày, Chính-phủ các nhà thơ của nước ấy đã thành lập.

Công-văn, mệnh-lệnh ban đi được thảo bằng thơ, không còn

những giáo-lệnh cứng-ngắc nữa. Những kẻ thừa-hành vừa làm việc vừa làm - nhấm-ngâm-nga những câu thơ trong bản chỉ-thị của cấp trên. Họ vui mà làm và không còn sơ-sốt trong nhiệm-vụ.

Đối với những con người Cộng-Sân, tất cả thế-giới mới vui lòng đón tiếp họ. Người ta sẵn sàng quên đi tất cả những tội lỗi mà họ đã gây ra. Chính họ, họ cũng coi những việc đã qua như một cơn ác-mộng.

Luật pháp mới biểu-hiệu cho trật-tự mới cũng tiến-hành song song với bước tiến-hóa mới, tâm-tư mới của con người.

Những kẻ làm ra tội ác không sợ một cái án lưu đầy bằng sợ một bài thơ truyền-tụng tội-ác của chúng trong những lớp người cùng sống với chúng. Người ta sẽ đọc những câu thơ ấy lên trước mặt chúng bất cứ khi nào gặp chúng. Tội-ác ám-ảnh chúng, day dứt chúng, và đặt chúng ra ngoài cái xã-hội mà chúng sống. Những vị thẩm-phán đều là những nhà thơ đầy đủ uy-tín về đạo-đức.

Một kẻ tội-phạm được đem ra xét-xử.

Một bản án là một bài thơ. Một vị thẩm-phán tốt giọng

đứng lên đọc bản án ấy. Tất cả mọi người dự - thính trong khoảnh-khắc đều thuộc lòng.

Kẻ tội-phạm như bị điện-giật, mặt-mũi xám ngoét lại. Có kẻ ngất xỉu đi tại chỗ.

Liêm-sĩ của con người được đánh thức dậy hơn cả bao giờ. Và tội ác được đem ra xét xử chỉ là những dịp thật hãn-hữu.

Trong nhà, ngoài ngõ nơi nơi, không-khí « thơ » bao trùm lên tất cả vật và người. Ở mọi nước, trước các nhà thi-hào được dựng lên khắp các công-viên thay thế cho những bức tượng các nhà chinh-phục. Trên đường cũng đều thay bằng tên những nhà thơ quá-cổ hữu danh Việt - Nam, một dân - tộc « thơ » hơn cả các dân-tộc khác được coi như tiêu-biểu nhất cho xã-hội mới. Tất cả thế-giới đều hướng về trung-tâm ấy.

Một anh thợ máy, một chị thợ cày, một em nhỏ cấp sách đến trường, một giáo-sĩ, một tu-sĩ, hay bất cứ ai ai cũng có thể đọc lên một câu thơ lúc nào cũng hạp tình, hạp cảnh. Một đôi trai gái tình tự dưới trăng, thủ-thị nói với nhau bằng những lời thơ đường mật. Thậm chí một cặp vợ chồng cãi nhau, giận lẫy với nhau cũng toàn bằng

những lời thơ êm-ái. Người lối xóm nghe thấy cũng không biết là họ cãi nhau nữa, vẫn cứ tưởng rằng hai vợ chồng nhà bên đương cùng nhau sáng-khoái đọc lên một bài thơ phá-thể nào.

Tất cả các trường học đều phải học thơ trước tiên. Thơ chiếm địa vị căn-bản trong chương-trình giáo-dục từ bậc sơ-học.

Quả nhiên một không - khí đồng-dao đã về ngự trên đất Việt. Vậy có một chuyện thuộc về hai người. Hai người cũng như bất cứ hai người nào khác từ hai mươi thế-kỷ trước.

Đó là một trai, một gái, cùng ở vào lứa tuổi mới lên men.

Chàng đẹp như một thư sinh thời lều chông.

Nàng, mê hoặc như một gái liêu trai.

Buổi đầu họ gặp nhau, chính là tại có dụng ý, mà đều làm như tình cờ. Họ gặp nhau ở bên một bờ suối vắng. Giây phút bốn mắt gặp nhau, cỏ cây, hoa lá, chim muông bên khe suối đều đổ ửng cả mặt. Suối nước vì thế cũng ngây tình không buồn chảy.

Nàng tên Vân, vì nàng đẹp như lụa vân.

Chàng tên Thi, vì mỗi bước chân chàng như có nảy ra một từ thơ tuyệt-tác.

(Còn nữa)

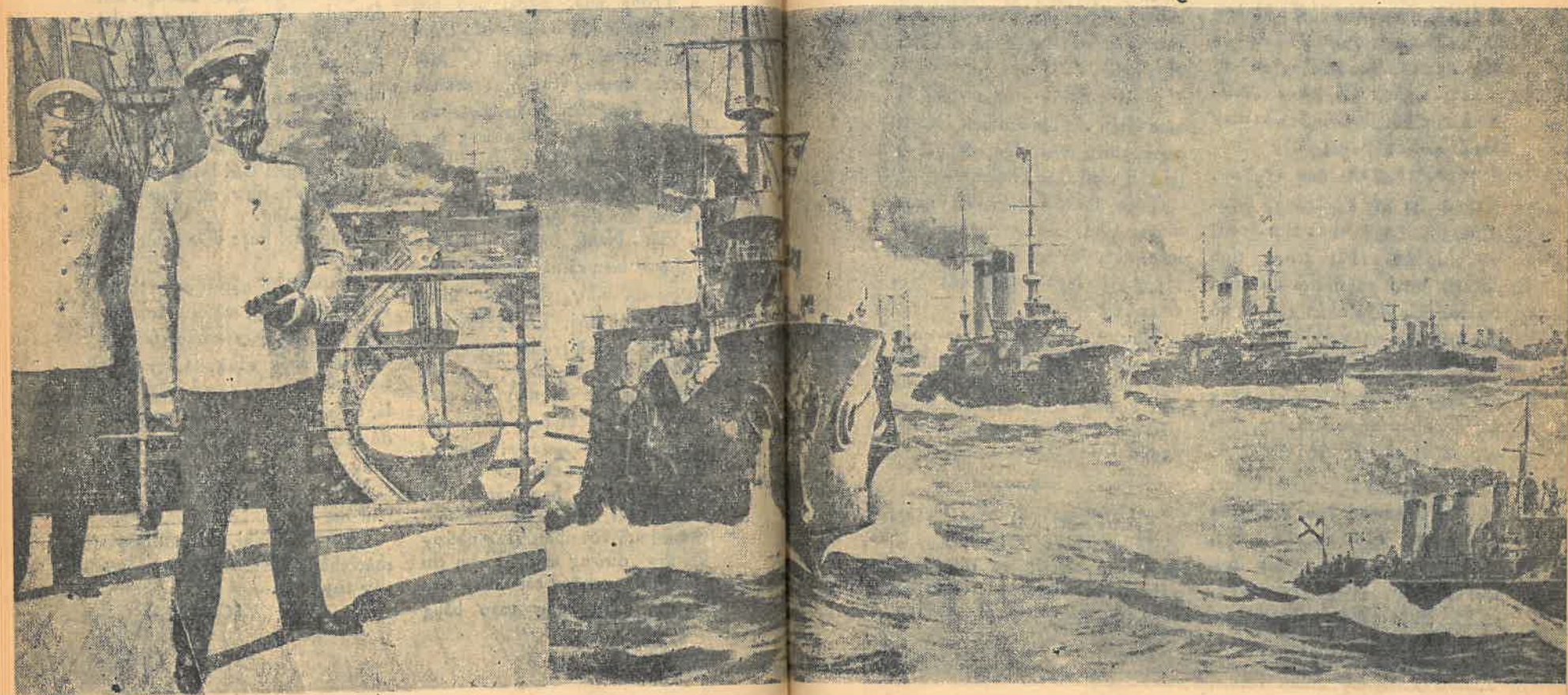
Từ 12.4
đến 14.5.1905

Một Hạm-Đội NGA trốn

tại Vịnh CAM-RANH

★ TÂN-PHONG

Hai cụ PHAN-CHU-TRINH và HUỲNH-THỨC-KHÁNG
có lên xuống coi một chiếc chiến-hạm này.



BA ông nhà nho Việt-Nam, PHAN - CHU - TRINH, HUỲNH - THỨC - KHÁNG, TRẦN-QUÝ-CÁP, cả ba đều quê quán ở Quảng-Nam, nghe nói nước Nhật-bổn đã tuyên chiến với nước Nga, đều rất đỗi ngạc nhiên, trở mắt nhìn nhau, bảo : « Vậy thì Á-Châu mình đâu có thua kém gì Âu-Châu ! Nhật-bổn là mấy hòn cù lao ở ngoài khơi biển Hoàng Hải mà còn dám đánh nhau với Nga là một đế quốc hùng cường ở Âu - Châu, thì tại sao Việt-Nam mình không ngóc đầu dậy đánh đuổi Pháp-lang-sa ? »

Thế rồi cả ba ông Quảng-Nam — ba ông Phó-bảng, Tiên-sĩ, đã có tiếng là « hay chữ », nhất và khí khái nhất trong tỉnh — đều khăn gói đi chu du miền Nam để kết hợp nhân tài, cổ võ dân trí, huy động dân tâm...

Trên biển Hoàng - Hải, Đại bác Nga và Nhật đang rền tiếng nổ, thì nhau khạc lửa đạn, làm vang động cả một trời Đông-Á.

Nguyên thủy là từ 1901 Nhật bổn đã chiếm cứ Hải cảng Lữ-Thuận của Tàu (Port Arthur), nhưng các cường - quốc Âu-Châu, Anh, Pháp, Đức, Nga, và Mỹ, buộc Nhật phải trả Lữ-

Thuận lại cho Trung-Hoa. Nhật ức lắm, tại vì yếu thế nên đành nhịn nhục rút binh về. Nhưng ba năm sau, Nga Hoàng Nicolas II cho hạm đội chiếm lấy Lữ-Thuận, xâm lăng Mãn-Châu và tràn sang Cao-Ly. Nhật bổn nổi giận, lúc đầu còn thương thuyết với Nga để chia ảnh hưởng ở Cao-Ly, Mãn-Châu, nhưng thấy Nga quá tham lam và ý mạnh muốn gây thế lực hùng cường ở Á-Đông, lại tỏ vẻ khinh khi Nhật nên Nhật quyết đánh Nga một võ.

Ngày 5 tháng 2 năm 1904, là năm Giáp - Thìn âm-lịch, Nhật tuyên chiến với Nga, để giành lại Hải cảng Lữ-Thuận.

Toàn thế thế giới đều ngạc nhiên. Chú Lùn ở ngoài khơi biển, dám cả gan so tài với Hạng-võ Nga-hoàng của Nicolas II ?

Nhưng các nhà ái - quốc cách-mạng Việt-nam đều hồi-hộp vui mừng. Nhật-bổn đã nêu gương chiến-đấu anh-dũng của giống Da-Vàng chọi với người Da-Trắng.

✱

Trước hết, là một chiếc chiến-hạm Nga ở Lữ-Thuận bị Hải-quân Nhật nã súng bắn gát quá, đã thừa lúc đêm tối trốn được ra khỏi Hoàng-

MỘT HẠM ĐỘI NGA

Hải, ngày 10 tháng 8, 1904. Đó là chiếc *Diana*. Ngày 25-8-1904, chiếc tàu này cập bến SAIGON, xin người Pháp cho trú-ngụ tạm ở đây, để chờ lệnh bên Nga.

Tàu *Diana* bị trước hết khí-giới, và thủy-quân Nga bị bắt buộc ở luôn trên tàu, không được phép xuống thành - phố Saigòn. Bỗng có tin Hạm-đội Nga Hoàng ở Lữ - Thuận sắp kiệt sức và một hạm-đội thứ nhì của Nga, đi vòng Đại-tây-dương qua Ấn-độ-dương, sắp ghé ngang VŨNG - TÀU (Việt-nam), để trực-chỉ Thái-Bình-Dương đến tiếp viện cho Hạm-đội Nga bị hư-hại nhiều ở Lữ-Thuận, và sẽ chiến đấu một trận quyết-liệt cuối - cùng với Hải-quân Nhật-bổn. Hạm-đội thứ hai này, do Đô-Đốc RODJESTVENSKY chỉ huy.

(Xem hình nơi đầu bài, cùng với các Chiến-Hạm Nga).

Chính phủ Pháp ở Paris liền đánh điện cho phủ Toàn-quyền Pháp ở Hà - nội, rồi Toàn-quyền đánh điện cho Đô-Đốc Pháp DE JONQUIÈRES ở Saigòn ra tận Vũng - Tàu để chờ đón Hạm-đội Nga. Đô-Đốc De Jonquières có nhận được chỉ thị của Toàn-quyền

như sau đây : « Nếu Hạm-đội Nga cập bến Ô-Cáp, thì yêu-cầu họ phải rút đi ngay lập tức, vì Pháp quyết giữ trung lập đối với chiến-tranh Nhật-Nga. »

Nhưng trong khi Đô-Đốc De Jonquières chờ Hạm-đội Nga ghé qua Vũng - Tàu, thì Hạm-đội này lại đi thẳng ra vịnh CAM-RANH, gần Nha-Trang, và đóng ở đó, ngày 13.4.1905. Hạm-đội Nga gồm có 2 sư-đoàn thiết-giáp hạm, dờ-sộ, oai-nghi, một hạm-đội tuần-dương, một tiểu-hạm-đội phóng thủy-lôi, và các tàu chở lương-thực, chở vũ-khí, chở than, v.v., Tất cả 52 chiếc, hùng-dung vĩ-đại. Đó là chưa kể một đoàn tàu chở than của họ còn ở Nam-dương, nhiều tuần-dương-hạm liên-lạc còn đi ngoài biển, và một chiếc tàu y-viện ghé bến SAIGON, chiếc *Orel*.

Lúc đầu, chính-phủ thuộc-địa Đông-Dương tưởng rằng Hạm-đội thứ Nhì của Nga chỉ ghé Cam - Ranh một vài hôm để mua vật thực tiếp-tế, rồi đi thẳng qua Nhật để chiến-đấu, và tiếp-viện cho Hạm-đội thứ

nhút của Nga ở Lữ-Thuận đang bị Hải-quân Nhật bao vây rất nguy-khốn. Cả thế-giới đang chờ đợi một trận hải-chiến quyết-liệt, để xem lần này Nhật sẽ thắng nổi Nga không, hay là Nga sẽ bị Nhật đánh bại. Không dè Đệ-nhị Hạm-đội Nga cứ ở luôn trong Vịnh CAM-RANH, không chịu dời đi. Đô-Đốc DE JONQUIÈRES

ở Sài-gòn được lệnh của Toàn-quyền Đông-Dương phải ra Cam-Ranh hỏi lý-do, thì Đô-Đốc RODJESTVENSKY, chỉ-huy Đệ-nhị Hạm-đội Nga, trả lời rằng ông còn chờ Tiểu-hạm-đội của Đô-Đốc NEBOGATOFF còn đi sau. Chỉ vài hôm nữa, Nebogatoff đến kịp thì tất cả Hạm-đội sẽ dời Cam-Ranh đi liền. Nhưng, theo chỉ thị của chính phủ Pháp, DE JONQUIÈRES yêu cầu Hạm-đội Nga phải nhổ neo đi tức-khắc, không được ở lâu trong Hải-phận Việt-Nam.

Đô-Đốc Nga hứa rằng ngày 19.4 sẽ rút đi. Nhưng mãi đến ngày 20, ông vẫn chưa đi.

Ngày 21, De Jonquières lại bắt buộc Hạm-đội Nga phải ra khỏi Cam-Ranh trong 24 tiếng-đồng hồ. Đô-Đốc RODJESTVENSKY tuân lệnh. Ông cho Hạm-đội của ông ra khỏi vịnh Cam-Ranh, nhưng lại đậu gần đấy, chớ không đi xa hơn nữa. Thật là lì lợm hết sức. Ngày 24.4, Đô-Đốc DE JONQUIÈRES đến truyền lệnh một lần nữa: trong 24 tiếng-đồng hồ, Hạm-đội Nga phải ra khỏi Hải-phận Việt-Nam. Đô-Đốc Nga cũng tuân lệnh, và ngày 26-4, cả Hạm-đội Nga dời

Đô-Đốc Pháp De JONQUIÈRE

khỏi biển Cam-Ranh. Đô-Đốc Pháp, De Jonquières, đứng trên boong-tàu Descartes của ông, chứng kiến rõ ràng cuộc rút lui của Hạm-đội Nga. Nhưng cuộc rút lui vừa xong, và chiếc tàu Descartes vừa quay mũi về Saigon thì Đô-Đốc Rodjestvensky lại truyền lệnh cho Hạm-đội Nga lên trở về núp ở Cam-Ranh, để chờ Tiểu-hạm-đội của Đô-Đốc NEBOGATOFF.

Ngày 29-4, tờ báo Pháp ở Saigon, «Le Courrier Saigonnais», loan tin cho cả Thế-giới biết rằng Đệ-nhị Hạm-đội Nga, và Đô-Đốc Rodjestvensky, hãy còn trốn tránh lẫn lẩn trong vịnh CAM-RANH, và vịnh VAN-PHONG, ở phía Bắc NHA-TRANG, chớ không chịu rời khỏi Hải-phận Trung-kỳ. Dư-luận thế-giới xôn xao, nhưng Đô-Đốc Nga bất-chấp.

Ngày 30-4, đô-đốc Pháp, DE JONQUIÈRES, đi trên chiến-thuyền Guichen ra Cam-Ranh, bắt buộc Hạm-đội Nga phải lập tức đi ra khỏi biển Trung-kỳ. Ngay hôm đó, Rodjestvensky cho hạm-đội ra đậu ngoài cù lao Hòn Nè, rồi ngày 4 tháng 5, khi Đô-Đốc Pháp đã về Saigon, Rod-

jestvensky lại dẫn Hạm-đội lên trở lại Cam-Ranh!

Câu chuyện Đệ-nhị Hạm-đội Nga lên lút ở Cam-Ranh đã thành ra một hài-kịch, làm cho cả Thế-giới phải tức-cười.

Nhưng Đại-sứ Nhật ở Paris đến phản-kháng nhiệt-liệt với Tổng-trưởng Bộ Ngoại-giao Pháp, là DELCASSÉ. Thế là ngày 8.5, Đô-Đốc DE JONQUIÈRES, một lần nữa, một lần chót, đi chiến-thuyền Guichen ra Cam-Ranh, với một điện-tín của chính phủ Pháp bắt buộc Hạm-đội Nga phải tức-tức ra khỏi Hải-phận Đông-Dương. Đô-Đốc Rodjestvensky trả lời đã sẵn sàng rút Hạm-đội đi. Nhưng ông còn ở nán lại cho đến ngày 14 tháng 5, tiểu-hạm-đội NEBOGATOFF vừa đến gia-nhập vào Đệ-nhị Hạm-đội, với các chiến-hạm Apraxine, Ouchakoff, Vladimir Monomach v.v...

Thế là Đệ-nhị Hạm-đội Thái-Bình-Dương của Nga-Hoàng Nicolas II, trốn-tránh trong Vịnh Cam-Ranh hơn một tháng trời, từ ngày 12 tháng 4 cho đến ngày 14 tháng 5 năm 1905, mới chính-thức

MỘT HẠM ĐỘI NGA

xuất đầu lộ diện sang nghênh chiến với Hạm - đội Nhật - Hoàng.

Nhưng, than ôi, từ Cam-Ranh ra đi ngày 14 tháng 5. mười ba hôm sau đến Hải-phận Nhật-bồn, Đô-Đốc Rod-jestvensky bị một viên đạn đại-bác của Nhật bắn trúng vào chũn, ngã quỵ, không chỉ-huy được nữa. Và Đệ-nhi Hạm-đội Thái-bình-Dương của Nga-Hoàng, lừng danh cả Thế-giới, bị tiêu-diệt gần hết bởi trận đại-thắng vẻ-vang của Hải-quân Nhật tại TSOUSHIMA (Đổi-Mã) ngày 27 tháng 5, 1905. Chỉ còn có 3 chiếc chiến hạm Nga bị hư hỏng khá nhiều, chạy thoát được trốn qua Manille (Phi-Luật-Tân.)

Đô Đốc Nebogoff đã kéo cờ đầu hàng. Đô Đốc Rodjestvensky bị bắt làm tù binh ngay lúc ông đang chui trốn dưới hầm chiếc chiến hạm của ông.

Người anh hùng chiến thắng trận này, trận chiến thắng vẻ vang nhất của Lịch sử Nhật bản, là Đô Đốc HEIHATIRO TOGO.

★

Nhắc lại chuyện ba Cụ Chí-sĩ nhà ta từ Quảng-Nam vào, đến Khánh-Hòa (Nha Trang), nghe nói có Hạm-đội Nga đậu trong Vịnh Cam-Ranh, liền tìm cách xuống coi tàu, thử xem văn-minh khoa-học và lực lượng của Âu-Tây như thế nào.



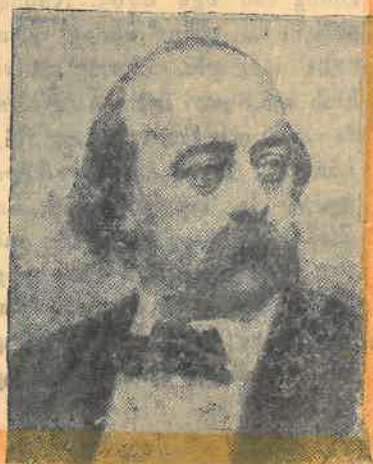
Đô Đốc Nhật : TOGO

Ba Cụ liền cải-trang làm cu-li bán hàng, bưng mỗi Cụ một thúng cá, tôm, cua, sò, hến, v.v... xuống một chiến-hạm để bán, và để dò-xét. Nhưng vì tiếng nói không hiểu nhau, nên các Cụ không hỏi-han được gì cả, mà cũng không bán được con tôm con cá nào cả ! Có lẽ ngư-ời Nga lại sợ các Cụ là trinh-thám của Nhật chăng? Các Cụ đành lên bờ, khăn gói đi thẳng vào Phan-Thiết...

NHỮNG CUỘC TÌNH
DUYÊN SAY-MÊ, ÉM-ĐEP
CỦA VAN-NGHỆ-SĨ
X U A - N A Y

Mỗi tình
tuyệt vọng

của



VĂN-HÀO
G. FLAUBERT

★ TRÚC-VIỆT

Một chiếc áo choàng trên bãi vắng

T H Á N G tám năm 1836, Pháp đã trải qua một mùa hè oi-bức. Dân chúng đổ xô ra các bãi biển để tìm cái không-khí mát dịu của nước, của gió, để họ có thể quên những ngày cực nhọc mà họ phải trải qua trong các đô-thị đầy bụi, khói.

Gia-đình của Gustave Flaubert cũng không thoát khỏi lệ đó. Năm ấy, Flaubert vừa được 18 tuổi, nhưng vóc người đã lớn, và đầu óc đã chứa đầy những mơ-mộng của con người văn-ngệ. Theo cha mẹ, chàng ra nghỉ mát tại bãi biển Trouville, nơi đây, Gustave thích đi lại hàng giờ trên bờ biển, nét mặt trầm tư, mặc tưởng. Nhiều lúc, chàng lại tìm vào rừng, ngồi dưới các gốc cây to, ngắm trời, mây, nước.

Buổi trưa nay, Trouville im-lặng ngủ dưới một sức nóng thiêu người. Thoảng, một vài cơn gió lạc-loài đem hơi mát từ biển lên bờ. Bờ biển vắng-vẽ, hạo-hoàn mới có một vài người tắm.

Gustave trở giấc, thức dậy thay đổi quần áo tắm rồi xuống bãi, đi dạo đông dài. Trời xanh ngắt, không một bóng mây. Chàng bước chân chậm-rãi trên cát vàng, bồng chân chạm phải

một vật mềm mềm: chiếc áo choàng sọc đỏ mà một thiếu-phụ nào đó đã lơ đãng bỏ quên. Chàng nhặt áo, cầm lấy ngắm-nghía, đoạn dời đi một nơi khác, để khỏi bị sóng bể lôi cuốn ra khơi.

Chiếc áo choàng vô chủ ấy đã gọi trong trí tưởng-tượng như Gustave Flaubert, một hình ảnh mơ hồ...

Chàng tự nhủ: Biết đâu cô ta chẳng là một thiếu-nữ với đôi vai rất đẹp, có đôi mắt xanh như mặt nước hồ thu, có bộ ngực tròn trịa, căng phồng của tuổi 16

Cả buổi chiều hôm ấy, trí-óc thơ-mộng của Gustave đã theo dết chung quanh chiếc áo choàng của ai kia bao-nhiều hình ảnh linh động, muôn sắc, muôn màu...

Mãi đến tối mịt, chàng mới trở về phòng trọ. Ăn cơm xong, chàng leo lên gác, ra bao lơn, ngồi nhìn xuống bể, đợi trăng lên... Chàng thấy thoáng trên

bãi cát một bóng người, tha-thướt, dịu dàng đến nhặt chiếc áo choàng sọc đỏ.

Một lúc, trong khu vườn cây tịch tịch bao quanh lữ điếm của chàng đang trọ, thoáng hiện một người đàn ông, theo sau là một thiếu phụ trẻ đẹp, tác người dong dỏng cao, miệng hoa đang cười trong gió nhẹ. Cả hai đi vào quán trọ.

Đêm đó, Gustave Flaubert không sao ngủ được. Không phải vì tai chàng không quen nghe sóng gió, nhưng chỉ vì hình ảnh người đẹp thoáng hiện đã chiếm mất tâm trí chàng rồi. Lần này, chàng đã thấy được người lạ, tay cầm chiếc áo choàng màu sọc đỏ. Nàng quả thật là đẹp và hơn nữa nàng đang ở trọ chung một lữ điếm với chàng. Thế nào chàng cũng tìm cách để gặp lại người trong mơ!

Một khối u-sinh

Quả thật, sáng hôm sau, Flaubert đã gặp nàng trong khi chàng thả dòng dãi trên bờ biển, Qua một đêm mưa, cát vàng hãy còn ướt đầm, trời vẫn còn

u ám.
Từ xa bóng một thiếu phụ hiện ra mỗi lúc mỗi gần, diêm-khieu tha-thướt. Nàng đi một mình choàng chiếc áo tím sọc đỏ. Bãi

bể hôm ấy thật là vắng, chỉ có hai người.

Phải chăng là một dấu hiệu của Định Mệnh? Chàng hồi hộp, biết đâu người ấy chẳng là người mà chàng hằng mơ tưởng suốt đêm qua? Nàng đã đến gần chàng: mặt tình cho chàng ngắm nhìn thoả thích. Nàng đẹp quá, đẹp như trong một bức tranh Tô-Nữ, đẹp như trong giấc mơ tiên.

Nàng bước đến, cổ nở một nụ cười và hỏi:

— Thưa ông...tôi rất cảm ơn ông vì cử chỉ nhã nhặn của ông.

Chàng ngăn người ra một chập mới hỏi:

— Thưa cô, tôi nào có làm việc gì đáng để cô phải có lời cảm ơn?

— Chiều hôm qua nhờ ông đã nhặt chiếc áo choàng tím sọc đỏ của tôi, nên khỏi bị sóng cuốn mất. Chiếc áo sọc đỏ này là của một bạn gái thân nhất của tôi tặng làm kỷ-niệm hôm lễ sinh nhật của tôi.

Chàng cúi đầu mặt đỏ bừng, bẽn lẽn.

Thiếu nữ — hay thiếu phụ? không nói gì thêm, già từ chàng rồi tiếp tục cuộc du hành trong

gió dịu. Nhưng nét mặt nàng buồn bã làm sao! Nàng có tâm sự u uất gì chăng?

Gustave Flaubert vẫn đứng đấy, ngắm theo cho đến lúc nàng chỉ còn là một chấm đen xa xa...

Chàng lấy làm lạ khôn cùng. Một người đẹp như nàng thì sao có thể buồn như một ngày tận thế, đau khổ như sắp bị rơi vào Địa-Ngục?

Rồi từ phút ấy, nàng luôn luôn ám ảnh tâm - trí của chàng. Nàng hiện ra trong óc chàng những phút chàng ngồi trầm - ngâm cũng như nàng hiện ra cả trong những giấc mơ vàng. Dù chàng chưa hiểu được nàng là ai, nhưng hình ảnh nàng đã xâm chiếm quả tim non nớt của chàng mất rồi. Dần dần, chàng đã nhận rằng chàng đã yêu, yêu nàng một cách say mê đến cuồng dại.

Rồi như Định Mệnh khéo sắp bày, vài ngày sau đã có dịp thuận - tiện để chàng và nàng bày tỏ nỗi lòng, nhưng chỉ vì chàng quá e thẹn, nên chàng không dám. Chàng chỉ chôn chặt mối u-tình đầu tiên

trong con tim bông-bột...

Sau đó, chàng lại gặp nàng khi nàng đi chung với chồng, một kỹ-nghệ-gia ở Thủ - Đô, mà nàng đã vui-vẻ giới-thiệu cùng chàng. Nhờ đó, mà chàng đã trở nên thân mật với gia-đình nàng và chàng cũng có dịp cùng vợ chồng nàng dạo mát dưới ánh trăng thanh.

Ba tuần qua trong êm đềm, lặng-lẽ. Rồi họ lại chia tay nhau mỗi người một nẻo, chàng vẫn ôm ấp trong lòng một khối tình si không thể tỏ cùng ai.

Trong quyển nhật-ký, Gustave Flaubert đã thốt nên những lời ai-oán :

« Trời ! Nàng đã đi rồi ! Thế là hết ! Ta không thể nào thấy nàng nữa... Nàng đã đi như cát bụi tỏa ra sau gót chân nàng. Trong tim ta, giờ là gì đây nếu không là hoang-tàn, hôn-độn, đau khổ man-dại ?... »

Vài giờ trước khi chiếc xe song mã mang nàng trở về Paris với chồng, chàng cố thu hết can - đảm, toan nói thực nỗi lòng mình cho nàng biết. Nhưng vào phút cuối cùng,

một mãnh - lực đã ngăn cản chàng. Chàng chỉ kịp hỏi nàng vì sao nàng lại quá ư phiền muộn ? Nàng không trả lời nhưng mỉm cười đau - đớn, Chàng xem đó là một điềm tốt mà nàng đã dành riêng cho chàng và chàng lại hy vọng một ngày nào đó ở Paris, chàng sẽ tiếp được nàng trong một gian phòng ấm cúng. Thấy chàng buồn-bã cảm-động nàng trông ra ngoài khơi rộng rồi khẽ bảo :

— Có lẽ nếu có dịp, tôi sẽ nói cho anh biết. Phải ! Mọi việc đều buồn quá, nghiêm trọng quá, đúng như anh đã đoán. Nhưng hôm nay tôi chưa thể cho anh biết được. Dù sao, tôi chỉ mong tìm được nơi anh tâm - hồn của một người bạn tốt.

Khi nàng đã khuất bóng, chàng vẫn tựa bao lơn để nhìn theo. Lòng chàng tưởng chừng như đã chết đi.

Từ hôm đó, người ta thấy Gustave Flaubert mất cả vui tươi ngày nào.

Một mối tình sâu đậm nhưt đã nảy sanh trong những tuần lễ mà chàng sống ngoài bãi bể.

Mỗi tình ấy vẫn đeo đuổi theo chàng cho đến phút cuối cùng của đời chàng, trong mấy chục năm.

Gustave Flaubert đã viết một đoạn nhật ký như sau :

« Ở đây, kỷ ức của tôi là buồn vui lẫn lộn. Có cả những việc gì êm đềm nhưt, cũng như đau khổ

nhưt. Tôi nghe lòng tôi hát lên những khúc nhạc tâm tư mà tôi chưa bao giờ được nghe.

Kỷ ức ấy bao giờ cũng sống và vì thế không bao giờ tâm hồn tôi thôi rỉ máu. Quả tim tôi đã mang một vết thương mà không ai hàn gắn lại cho lành !... »

Một câu chuyện thương tâm

Khi gặp Gustave trên bờ biển Trouville thì lúc ấy nàng vừa được hai mươi sáu tuổi, lớn hơn Gustave tám tuổi.

Chồng nàng, Maurice Schlesmger, vốn là người Đức vào dân Pháp, ông ta là một kỹ-nghệ gia có nhiều tiền cũng như hết sức lãng mạn và ưa giao thiệp với các nhà văn nghệ nổi danh. Ông thường tổ chức dạ yến linh đình. Phần nhiều các văn nghệ sĩ có tên tuổi ở Paris đều là thượng khách của ông. Ngoài ra, ông có tiếng là người ưa lang chạ với các cô đào hát.

Nàng, tên thật ELISA FAU-CAULD, là cái gì trái ngược với tâm-tính của người chồng triệu phú.

Luôn luôn nàng sống một nếp sống trong sạch thanh-cao, rất sợ những điều tai tiếng không

hay. Nàng rất đau khổ vì có một ông chồng trác-táng tính tình không hợp với nàng, nhưng bốn-phận đã bắt nàng phải hy-sinh và nhẫn-nại thì nàng đành phải chịu vậy. Một người mộ đạo như nàng chỉ có mỗi một con đường : phục-tùng định-mệnh. Chưa bao giờ nàng dám nghĩ đến việc thoát-ly. Vì lẽ đó, dù vẫn mến chồng, Elisa không sao dẫu được về sầu muộn riêng.

Rồi mùa đông đến, một mùa đông lạnh lẽo dài-dặc như không bao giờ dứt, Gusta Flaubert ngồi trong gian phòng nhỏ, trí óc luôn luôn mơ tưởng người đẹp ngày nào. Đã biết là mối tình tuyệt-vọng, nhưng nhiều khi quả tim vẫn thắng lý-trí, nên Gustave đành im-lặng.

Mùa xuân năm sau, nhờ một người bạn quen, chàng mới hiểu được một phần nào về đời nàng.

Chàng mới biết rõ nỗi sầu của nàng, một nỗi sầu không tiện tỏ bày cùng ai cả.

Tuy nhiên, nếu chàng đã biết được phần lớn nỗi uẩn của đời nàng, chàng vẫn không thể hiểu được sự thực lại nghiêm-trọng hơn chàng đã tưởng.

Hồi nàng mới 19 tuổi, lần đầu tiên nàng đã từ già gia đình bước lên xe hoa. Chồng nàng lúc đó là một Thiếu-Úy Hải-Quân chỉ quen với tiền bạc và sóng nước.

Sống với Elisa không được bao lâu, vị sĩ-quan ấy đã nhúng tay vào một việc mờ ám, nên đành phải trốn nhà lánh sang hải-ngoại. Từ hôm ấy, Elisa phải sống trong cô - đơn và thương nhớ, ngày đêm lòng trống, buồng không, vô vọng mong đợi một bóng người ra đi không bao giờ trở lại.

Rồi tin chàng vắng bật đến hàng năm.

Giữa chợ đời nhộn nhịp, người vợ trẻ vẫn có thể bị yếu lòng. Và nàng đã bị rơi vào tay của Maurice Schlesmger, một người đẹp trai, cũng như rất giỏi khoa tán gái.

Họ gặp nhau, họ yêu nhau nhưng tình yêu của họ vẫn không thể hợp-thức-hóa, chỉ vì giữa họ vẫn còn ông Thiếu-Úy ác-hại.

Thời ấy, luật-lệ không cho phép ly-dị, cho nên tuy họ đã ăn ở chung với nhau, nhưng về mặt luật-pháp, cuộc tình duyên ấy chỉ có thể được xem như tạm bợ. Rồi dần dần, nàng thấy rõ người chồng không hợp-ý với nàng, vì chàng chỉ ham lo công việc làm giàu, ham tiền, ham danh, mà tính tình thô-khếch.

Khi gặp Gustave Flaubert, nàng đã được 26 tuổi và đã trải qua bảy năm làm người vợ hiền mà cũng là người vợ đau khổ.

Qua hè sau, Gustave lại trở lại bờ biển Trouville. Chàng mong gặp lại người xưa trong cảnh cũ. Nhưng, nàng không đến. Thế là ngày ngày chàng tìm về nơi chàng đã gặp nàng, để mà nhớ lại những phút giây đã phát sinh một tình yêu đậm đà trong thầm lặng. Chàng đã viết về nàng trong các tác-phẩm như sau :

«Hồi Tiên-Nữ của lòng ta, nàng tiên mà ta đã kính dâng những tâm-tình dịu-dàng nhất, nàng tiên mà ta đã yêu trong êm-địu, trong hương-thơm, trong mơ-mộng.. Hồi nàng ơi ! Đã hết rồi sao ? Già-biệt rồi sao ? Có bao giờ nàng hiểu được rằng ta đã yêu nàng là dường nào ? Có bao giờ nàng hiểu

được là có lúc ta đã mơ được ôm nàng vào lòng, hôn lên đôi má mịn-màng ? Tâm-hồn ta tưởng chừng tan thành nước, mỗi khi tâm-trí ta bày ra một giấc mơ hoa ...)

Và trong nhiều tác-phẩm, Elisa là một mẫu mực cho Gustave phác họa lên trang giấy trắng...
(kỳ sau hết)

★ AI THEO AI ?

Vợ (giận). — Hồi đó anh theo tôi, tôi có chạy theo anh đâu.
Chồng (điềm tĩnh). — Quả đúng vậy. Nhưng em cũng thấy, cái bầy chuột nó có chạy theo con chuột đâu, vậy mà nó vẫn bắt được con chuột.

★ HẠNH PHÚC ÁI TÌNH

Nữ minh tinh ấy lấy chồng lần thứ năm. Ông chồng này của nàng không phải là một ông hoàng, hay tài tử màn bạc, hay bác sĩ mà là một nhà điêu khắc. Nửa tháng sau ngày cưới, một nhà báo đến phỏng vấn nàng có được hạnh phúc không. Nữ tài tử ta, với nét mặt rạng rỡ bảo :

— Thật hoàn toàn hạnh phúc, ông à. Từ rày sắp sau tôi chỉ lấy những người chồng làm nghề điêu khắc thôi.

T. L. L.

★ DANH NGÔN

La femme, c'est le plus bel oiseau que nous avons sur la terre.

Alfred de Musset (Thi sĩ Pháp)

Đàn bà, đó là con chim xinh đẹp nhất của loài người trên quả đất này.

Minh Ơi!

SÁCH TÂY
SÁCH MỸ
SÁCH TÀU

SO VỚI SÁCH VIỆT
SÁCH NÀO HAY HƠN ?

* DIỆU-HUYỀN

MINH ƠI, em nói thiệt với Minh, nghen, hôm nọ Minh dịch cho em nghe một trang sách trong quyển « *Bệnh dịch Chuột* » của Albert Camus, em thấy hay thì có hay thiệt, nhưng em không hiểu hay đến mức nào mà lại được cả giải thưởng Nobel ? Hồi em đọc trong *Phở-Thông* bản dịch « *Buồn Ơi, chào mi!* » cũng vậy. Em thấy cốt truyện thì cũng như trăm nghìn chuyện

tình khác trong ciné, chứ có gì thật là đặc sắc đâu, mà sao Françoise Sagan lại được nổi tiếng như cồn ? Có gì hay lạ lắm đâu mà quyển tiểu-thuyết « *Bonjour Tristesse* » được dịch ra 23 thứ tiếng ? Hay là tại em không đọc nổi bản Pháp văn mà chỉ đọc bản dịch, và có lẽ bản dịch cũng tầm thường lắm nên em không lĩnh hội được cái tinh túy trong Văn chương của cô Nữ sĩ Pháp 20-

tuổi kia chẳng ? Minh giảng cho em nghe cái thắc-mắc đó đi.

— Minh cứ hỏi anh những câu oái oăm...

— Em hông thấy em oái-oăm gì trội trội, nhưng sao em đọc một quyển tiểu-thuyết Việt-Nam bán xôn ở trên hè đường Lê Thánh-Tôn, 5 đồng bạc, của một tác giả không có danh tiếng gì hết ráo, mà có nhiều trang em thấy cảm động hơn là em đọc một quyển sách của Albert Camus, hoặc một bài thơ của Quasimodo, giải thưởng Nobel 1959. Tại sao thế. Minh hê ?

— Vậy anh hỏi lại Minh : Minh đọc một quyển tiểu thuyết bán xôn 5 đồng bạc ở ngoài đầu đường, mà Minh vẫn thấy hay, là tại sao mà hay ?

— Em đâu có biết, tại vì nó hay thì em bảo là hay.

— Tại vì truyện tiểu thuyết ấy HỢP VỚI TÂM HỒN CỦA MINH. Tại vì tác giả đã đặt ra một cốt truyện, viết ra đoạn văn diễn tả những cảm giác và những ý nghĩ thích hợp với cảm giác và ý-nghĩ của Minh, cho nên đọc xong, Minh thỏa mãn, cho là quyển sách hay. Trái lại, FRANÇOISE SAGAN hay là ALBERT CAMUS, là những người ở một xã hội khác, có những quan niệm khác,

những ý tưởng hoặc mới quá, táo bạo quá, hoặc phức tạp quá, tế nhị quá, cho nên Minh không cảm thông được với họ. Vì vậy, những tác phẩm của họ không ăn sâu vào các giác quan của Minh, và Minh không thấy hay. Như quyển truyện KIỀU của NGUYỄN DU, chúng ta là người Việt, chúng ta đọc thấy thật hay, hay cả từng câu, từng chữ. Nhưng Minh biết, người trí thức ngoại quốc đọc quyển Kiều dịch ra tiếng Pháp, họ không thấy hay. Họ phê-bình quyển KIỀU đâu có phải với một khâm-mộ nhiệt-hứng như chúng ta ? Một nhà phê-bình văn-học Pháp, có uy-tín, đã nghiên-cứu về quyển KIỀU và chỉ nhận-định giá-trị của nó cũng ngang như quyển MIREILLE của FRÉDÉRIC MISTRAL mà thôi.

— Frédéric Mistral là cái ông nào đó, hả Minh ?

— Là một Thi-Sĩ Pháp, ở Tỉnh Provence, có tiếng tăm ở tỉnh nhà nhiều hơn là ở toàn quốc nước Pháp, vào giữa Thế-Kỷ XIX, mặc dầu ông được giải Nobel 1904. Ông thuộc về hạng Thi-Sĩ địa-phương — poètes régionaux, *Mireille* xuất bản năm 1859, là một tập truyện tình bằng

thơ, cũng dài như quyền *Kiều*. *Mireille* (Mirieo) là tên nàng thiếu-nữ vai chính trong truyện.

— Mình đọc quyền ấy chưa ? Hay không ?

— Đọc rồi. Cũng khá-khá vậy thôi. Nhưng sở-dĩ nhà văn - học Pháp so sánh quyền *Kiều* của NGUYỄN-DU với quyền *Mireille* của MISTRAL, chớ không thưởng-thức quyền *Kiều* đến một mức cao hơn, xứng đáng hơn, là tại vì NGƯỜI PHÁP KHÔNG THÔNG - CẢM ĐƯỢC HẾT những cảm-giác tế-nhị riêng-biệt của người Việt-Nam. Họ chỉ lãnh hội được năm ba quan-điểm thẩm-mỹ chung mà thôi : những quan-điểm ấy lại chỉ phớt qua trong truyện *Kiều*, chớ không sâu-đậm lắm, và không nổi bật lên như một ngọn lửa thiêng. Cho nên người ngoại-quốc không nhận thấy thiên-tài (le génie) của Nguyễn - Du. Một ông giáo-sư Mỹ quen với anh, đã đọc hết quyền *Kiều* bằng tiếng Việt, cũng nhận-xét giá-trị truyện *Kiều* đại-đề như nhà phê-bình Pháp trên kia. Đó là do cảm-giác riêng của mỗi người, hoặc mỗi dân-tộc, đối với văn-chương của người khác, hay của Dân - tộc khác.

— Vậy thì, theo Mình, sách *Tây*, sách *Mỹ*, sách *Tàu*, so với sách *Việt*, sách nào hay hơn ?

— Mình làm thơ lục-bát hà ?

Bà Tú cười ngật - nghẹo ngã đầu vào ngực ông Tú :

— Em bắt đền Mình đấy, tại em ở gần Mình rồi em cũng đâm ra thơ-thần vậy đó !... Thế Mình bảo sách nào hay hơn, hà Mình ?

— *Sách Tây*, sách *Mỹ*, sách *Tàu*, so với sách *Việt* sách nào cũng hay. Nhưng hay đối với người này, hoặc dân-tộc này, mà có thể không hay đối với người khác hoặc dân-tộc khác, là tại vì cảm-giác không điều hòa với nhau. Ý-tưởng không phù - hợp nhau. Quan-niệm không giống nhau. Lối diễn-đạt và phát-huy tư-tưởng không thông-cảm được dễ-dàng giữa nhà văn và đại-chúng độc-giả của nhà văn ấy.

— Nếu vậy, thì một nhà văn Mỹ, có danh tiếng ở nước Mỹ đã chắc gì được người Pháp, hay người Đức, người Anh yêu-chuộng ?

— Dĩ-nhiên. Và trái lại nữa là khác. Như EDGAR POE, một nhà văn của Mỹ, mà người Mỹ không thích, bị coi như một văn-sĩ

bậc nhì, lại được người Pháp tôn là bậc Văn-hào.



Văn hào EDGAR POE

— Tại sao vậy ?

— Tại vì EDGAR POE có một lối viết văn riêng biệt ưa phân tách cả phương-pháp hành-văn, xây-dựng nghệ-thuật văn-chương trên một nền tảng kiêu-thảo : lối hành văn đó rất thích-hợp với óc phê-bình và xét-đoán của người Pháp, cho nên người Pháp rất hoan-nghehnh những «Chuyện-kỳ-dị» (Histoires extraordinaires) của

Văn-sĩ Mỹ, Edgar Poe. Trái lại, người Mỹ, (nhất là người Mỹ của thế-hệ Tiên-chiến) thì lại không ưa cho nhà Văn hay nhà Thơ thô lộ rõ-rệt cái bí-quyết tài-tình của nghệ-thuật. Vì vậy mà Edgar Poe, Văn-sĩ Mỹ, lại được công-chúng Pháp yêu-chuộng hơn là người Yankee (Mỹ). Trái lại, Văn-sĩ Mỹ NATHANIEL HAWTHORNE với quyền «*La Lettre écarlate*» lại rất được người Mỹ hoan-nghehnh, nhưng người Pháp thì ít ai muốn đọc, vì nó chứa đựng những tư-tưởng đạo-đức giả-tạo. Người trí-thức Việt-Nam cũng không thích đọc Hawthorne.

— Còn ERNEST HEMINGWAY, em nghe nói cũng là nhà Văn-sĩ tiếng-tâm của Mỹ nhất hiện nay, thì sao hà Mình ?

— HEMINGWAY được một vài nhà sản-xuất phim và các nhà xuất-bản sách của ông cồ động cho ông quá lắm. Hôm nọ ông có ghé qua Saigon cũng là theo một chương-trình du-lịch đề cồ-động cho ông. Nhưng tiểu-thuyết của ông chỉ được các giới «ăn chơi» Pháp ở Montparnasse, hay là giới «anh chị» Mỹ ở Chicago, Las Vegas, Barcelone, (España) O-saka (Nhật), Naples (Ý) v.v... ưa chuộng nhiều hơn mà thôi, vì ông

chuyên chú về các cảnh đánh lộn chữ lộn, say rượu, đua ngựa, đua bò mộng, v.v... Người Việt-Nam thích xem một vài phim trích trong sách của HEMINGWAY, nhưng không thích đọc sách của ông, tuy là văn-chương rất bình-dân

— Còn nhà văn Mỹ tên là gì em quên rồi, mà hôm nọ Minh nói ông được giải thưởng Nobel Văn-chương 1948? Văn ông ấy thế nào?

— Văn-sĩ Mỹ được giải Nobel 1948 là FAULKNER. Hồi chưa được giải thưởng, Faulkner ít được công chúng biết tới. Sách hay nhất của ông như *Sanctuaire* chỉ xuất bản được 6.000 quyển thôi, (1933). Đó là tiểu thuyết của ông đã nhờ nhà văn Pháp là ANDRÉ MALRAUX đề tựa đấy. Tại vì văn của Faulkner nặng-nề lắm, khô khan, cho nên độc giả Pháp và Đức, Ý, Anh, không ưa. Ở Việt-Nam anh không thấy mấy người đọc Faulkner. Lối hành văn của Faulkner không được gọn gàng, sáng suốt.

— Vậy, sao ông lại được giải thưởng quốc-tế Nobel?

— Tại vì các tiểu thuyết của



Faulkner có nhuộm màu «Lý-trường nhân-đạo».

— Em nói câu này có đúng không, Minh: phần nhiều người Việt Nam không thích tiểu thuyết Mỹ ... hay là thơ Mỹ. Có đúng không?

— Ờ.. ờ... cũng đúng một phần nào, và một phần nào không đúng lắm.

— Như quyển *Autant en emporte le Vent* (Cuốn theo chiều gió) của MARGARET MITCHELL, em chả thấy hay.

— Quyền này không phải là một tác phẩm văn-chương. Chỉ là một câu chuyện lịch sử thì đúng hơn, xảy ra hồi chiến tranh Nam Bắc ở Mỹ. Ít có thích hợp với người Việt. Một cô gái như *Scarlett* không có tâm hồn như cô Xuân hay cô Nguyệt, không thông cảm giống nhau. Nhưng nếu Minh đọc *Nữ-sĩ PEARL BUCK*, thì lại khác hẳn. Nhất định là Minh sẽ bị cảm động mãnh-liệt.

— Vì sao?

— Vì PEARL BUCK viết với một nhiệt hứng rất chân-thành. Bà diễn tả những cảm tình rất là tế-nhị, rất là thiết-thực, của tất cả mọi hạng người của bất cứ ở khí hậu nào. Bà có lối hành văn tỉ-mỉ và khúc chiết, đi sát vào những rung cảm thầm kín nhất của con người, như *Nữ-sĩ MỘNG SƠN* trong quyển *VƯỢT CẠN* vậy.

Từ này giờ, anh kể sơ vài ba nhà Văn danh tiếng nhất ở Mỹ

hiện nay, còn các nhà Văn khác cũng có đôi chút giá-trị như *Nữ-Sĩ CARSON MAC CULLERS*, *TRUMAN CAPOTE*, *PROKOSCH*, *STEINBACK*, *HENRY MILLER*, *STEPHAN CRANE* (thầy của Hemingway) *CALDWELL*, *EMERSON*, *MELVILLE*, *DASHIELL HAMMETT*, (Văn-Hào Pháp *ANDRÉ GIDE*, thích ông này lắm) thì không có gì đặc sắc không hấp-dẫn lắm.

— Minh khuyên em nên coi một quyển gì của *Nữ-Sĩ PEARL BUCK*?

— Quyền «*The Mother*» (Bà mẹ) cảm-động nhất. Nếu so-sánh quyền «*Bà Mẹ*» của Văn Sĩ Nga *MAXIME GORKI* với quyền «*Bà Mẹ*» của *Nữ Sĩ Mỹ PEARL BUCK*, thì đứng trên lập-trường tình-cảm tế-nhị, nhân - đạo, chắc chắn là *PEARL BUCK* làm cho ta cảm-động nhiều hơn. *PEARL BUCK* có thể là «*Bà Mẹ*» Mỹ, hay Bà Mẹ Việt, Pháp, Nga, Nhật... Chứ «*Bà Mẹ*» của *MAXIME GORKI* chỉ có thể là một bà mẹ của Nga-Sô mà thôi.

— Còn sách Pháp hiện nay?

— Sách Pháp hiện nay đang trải qua một thời-kỳ hỗn-loạn. Thời-kỳ còn vương dư-âm của chiến-cuộc, và loại sách được bán chạy nhất hiện nay không phải là của J.P. SARTRE, J. COCTEAU, MARCEL ACHARD, PROUST, ROMAIN ROLLAND, v.v... mà lại là loại *Série Noire* (sách đen) của MARCEL DUHAMEL. Trên địa hạt Văn-hóa, thanh-niên và quần-chúng Pháp đang đồ-xô nhau chạy theo các quyền truyện trinh-thám, chém giết, xâm phạm vào thể-xác, vào cả tâm-hồn các nạn nhân tưởng-tượng. Như quyển *Pas d'orchidées pour Miss Blandisch, Des Souris et des Hommes*, v.v... là tiêu-biểu cho thể-hệ tiểu-thuyết truy-lạc đến cực độ. Tuy nhiên, loại trinh-thám vẫn có những cây bút tài-hoa có biệt tài, như J. SIMENON, JACQUES DUCREST, PIERRE VÉRY. Với ba nhà Văn-sĩ lành mạnh này, không có hiệp - dâm, không có súng lục, súng liên thanh, không có ầu đả ngoài đường hay trong tiệm... Tổng - quát văn - chương Pháp hiện nay rất «hung-hăng», cho đến đời J.P. SARTRE cũng phải chán-nản, cái chán nản ê-chề về tâm-hồn, thả xác-thịt buông

trôi theo nhục-dục, như các tiểu-thuyết ngựa-ngã, cựa quây của Nữ-sĩ FRANÇOISE SAGAN mà Minh không hoan-nghehnh đó...

— Còn Thơ thì sao, hả Minh?

— Thơ Pháp hiện nay đã mất hẳn phong-vị lãng-mạn thanh-tao của Thế-kỷ XIX và rạo rục của trước Thế-Chiến thứ hai. Thơ Pháp hiện giờ đang xuống một cái dốc âm-phủ đầy những ảo-tượng vô nghĩa, hỗn loạn, mà nơi đây màu sắc cũng như âm thanh đều không còn tiếng nói muôn điệu, muôn hương của thời Tiên-chiến nữa. Tuy nhiên thỉnh thoảng có năm ba bài cảm hứng cao vút lên mây xanh, đưa ta đến một trời ảo tưởng rạt rào thi-tứ.

— Minh cho em nghe thử một bài.

— Như bài này. Minh nghe không?

— Bài gì?

— *Grand Nu couché*

— Nghĩa là gì?

— Bức tranh khỏa thân nằm.

— Nghe. Minh có nhớ hết bài không?

— Nhớ.

— Minh đọc cho em nghe.

GRAND NU COUCHÉ

*Douce bête feulante, assaillante aux pieds nus
Caverne où gît repus l'ours aux oreilles rouges
Femme ! rocher roulé sur le long cri, dieu bu.
Reins et reine, le crin et la Sueur en bouche
L'œil fou, ventre creusé sur le marais primaire
Sur les pays sucrés de figues, de raisins,
Où l'ours lèche, gourmand, la paroi de la pierre
Pour cimenter l'amante à la vierge, demain.
Un miel âpre tiédit dans l'amphore des hanches
Flancs doux, doigts confondus, colchiques des seins fiers;
Il n'est jamais minuit quand le sang se déhanche
Ni quand la joue du jour s'incline vers la mer.*

LUC BÉRIMONT

(1959)

— Cái thơ gì mà lủng-củng la-ca, khó quá, em chẳng hiểu gì hết. Minh dịch ra tiếng Việt cho em nghe.

— Dịch cũng khó lắm, vì tiếng Việt không đủ để dịch một bài thơ bí-hiềm như thế.

— Kệ nó, Minh cố dịch đại, miễn đúng cái ý thì thôi.

— Anh dịch theo nguyên văn, nếu Minh không hiểu thì cũng ráng chịu nhé.

— Được rồi.

— Đây là Thi - sĩ tả một người đàn bà trần-trường nằm trong bức tranh bự.

— Có tục-tĩu như thơ Hồ-xuân-Hương không?

— Không đâu. Sạch - sẽ và thơm-tho lắm. Hiền-lành lắm.

À quên, trước khi dịch, anh cho Minh biết rằng bài Thơ này trích trong tập thơ «*Les Mots germent la nuit*» (Chữ nức chồi trong đêm) và tác-giả của nó, LUC BÉRIMONT, được giải-thưởng Guillaume Apollinaire của Hội Thi-sĩ Pháp ở Paris tặng năm 1959.

Nghe nhé. Anh chỉ dịch từng chữ, chớ không dịch ra thơ được :

Người là con thú dịu hiền, muốn gặm lên, muốn chup ta với
hai bàn chơn trần

Trong hang con gấu nằm, phê-phỡn, với hai tai đồ
Nàng ơi ! tăng đá lăn trên tiếng kêu dài, vì Chúa đã uống.
Dưới bẹn và hoàng hậu, lông lá và mồ hôi trên miệng

Mắt điên, bụng đào sâu, trên đầm lầy hoang vu,
Trên các xứ ngọt đầy trái sung, trái nho,
Nơi con gấu tham ăn liếm mặt đá
Để hàn gấn tình nương với trinh nữ, ngày mai.

Hài cái háng như chiếc bình xưa trong đó nguội dần một nước
mặt đấng

Đôi hông dịu dàng, mấy ngón tay kết lại, hai trái vú kiều căng ;
Đêm không bao giờ khuya khi dòng máu đã uể oải,
Khi gò má của ban ngày nghiêng xuống biển Đông.

— Em chẳng hiểu cái chi chi
cả.

Ông Tú tìm-tìm cười :

— Không hiểu thì rái hiểu.

— Nhưng ông Thi-sĩ đó muốn
nói cái chi chi mới được chớ ?

— Thì
người đàn bà trần truồng nằm trong
bức tranh bự đó, Dễ hiểu chết
mà còn hỏi cái chi chi !

— Tớ chịu thua.

— Tớ cũng chịu thua. Những
loại thơ này chỉ cảm được chớ
không giảng được. *Ce genre de
poésie se sent mais ne s'explique
pas.*

— Nhưng em không cảm được.
Cái gì mà lại có « con gấu với hai
tai đồ » ?

— Tại nó mắc-cỡ cho nên hai
tai nó đồ chớ sao !

— Tại sao nó mắc cỡ ?

Ông Tú kê miệng vào tai bà
Tú nói rừ rừ thiệt lâu...

Ông Tú nói xong, bà Tú cười
xòa lên một tiếng rồi dấm trên lưng
ông Tú ba bốn dấm,

rồi chạy

thẳng vô buồng tắm.

Ông Tú cười sáng sặc,

ĐẶNG - THỨC - LIÊNG

(1867-1945)

★

MỘT BẠC TIÊN PHONG



trong làng Báo Sài Gòn

★ ĐẶNG CÔNG THẮNG

CỤ Đặng-Thức-Liêng, Ba tôi
sinh năm Đinh-Mão, 1867,
nhằm lúc nước-nhà Đại-Nam bị
Pháp thực-dân xâm-lấn.

Lúc còn thơ ấu tên đặt là
HUÂN ; đến 18 tuổi lấy biệt-
hiệu TRÚC-AM. Từ 30 tuổi
đến sau mới lấy tên ĐẶNG-
THỨC-LIÊNG, biệt-hiệu Lục-
Hà-Tàu và bút-tự MỘNG-
LIÊM.

Ai cũng biết Cụ Đặng-thức-
Liêng là một nhà Nho tiên-phong
trên trường văn trận bút trong
thời kỳ người Pháp mới sang
chiếm cứ « Nam kỳ Lục tỉnh »
Cụ đã sống đồng thời với các cụ
Pétrus Trương-vĩnh-Kỷ,
Trương-minh-Kỷ, Diệp-
văn-Cương, v. v. và đã chủ
trương những tờ báo đầu tiên
bằng Việt-ngữ tại Saigon.

Chúng tôi rất hoan hỉ đăng
sau đây bài truy niệm của người
con Thứ nam của Cụ, ông Đặng
công-Thắng, giáo-sư Anh văn ở
Học-viện The Polyglote House.

N. V.

Thân-sanh của cụ là cụ Ân-sát ĐẶNG-VĂN-DUY, người Gia-định. Họ Đặng xưa kia đã rất lâu kiêm-soát cả mười tám làng vườn trầu ở miệt Củ-chi, Hóc-Môn bây giờ là ấp Tân-Phú-Trung, thuộc tỉnh Bình-Dương.

Năm 1862, quân Pháp vào đánh Gia-định; vua Tự-Đức sai Ân-sát Đặng-văn-Duy về chống cự tại Chí-Hòa; vì ông Ân-sát là người có uy-tín và đạo đức với bà-con ở Gia-định và Tây-Ninh, được dân chúng ở đây ủng-hộ, nên vua Tự-Đức chắc-chắn ông sẽ được phần thắng địch. Nhưng mà nhiệt-tâm và cảm-tử sông cũng không phương nào ăn nổi chiến-cụ và binh-thuật tối tân của Pháp. Sau bốn tháng trường chống-giữ đồn Chí-Hòa, quân ta đành cam thất bại.

Chiếu công-trạng quân-nhung, kẻ luôn hai chục lính và một viên quan Ba Pháp (1) bị đồng-sĩ của ông Đặng-văn-Duy hạ sát, nên tài đức của ông được vua Tự-Đức châu-phê và sắc tứ; rồi bỏ-nhậm ông làm Ân-sát tỉnh Bình-Thuận. Qua mấy năm sau, ông Đặng-

văn-Duy đi công-cán nhiều nơi trong toàn-cối Trung-Kỳ, hằng mưu-dồ khởi nghĩa. Nhưng ảnh-hưởng chánh sách cầu hòa của NGUYỄN-TRƯỜNG-TỘ và PHAN-THANH-GIẢN chặn đứng cuộc bạo-động mà ông Đặng-văn-Duy đã toan tính khởi ngời.

Đặng-văn-Duy cùng nhiều tri-ký, xoay qua việc cõ-dộng cho phong-trào duy-tân, xuất dương du-học.

Bấy giờ nhiều bậc chí-sĩ Trung Nam thường nhóm họp trong tư-dinh của ông Ân Đặng văn Duy, nhờ đó mà Đặng văn Huân hấp thụ được rất nhiều những tư-tưởng ái-quốc cứu dân mà các cụ gieo trong đầu óc thông-minh của Đặng văn Huân. Vì vậy, Huân cố học cho hiểu biết, chớ không màng đến khoa cử, e phải suy tán tinh-thần. Lắm sĩ-phu nhiệt-thành thật học bấy giờ không còn trông mong gì đến triều-đình hủ-bại ở Huế nữa. Vậy, Huân còn thiết gì đến quan trường?

(1) Đến bây giờ cái, mồ kìm-tự-tháp của viên quan Ba Pháp vẫn còn nằm bên tay trái đường Sàigòn - Tây-Ninh, khoảng cây số 10, cách chợ Bà-Quẹo 1.000 thước.

Sau đó, ông Ân Đặng văn Duy chết tại Bình-Thuận.

Sau khi đem linh-cữu của thân phụ từ Bình-Thuận về an-táng nơi mộ-phần quê nhà ở làng Tân-Phú-Trung, Gia-định, Đặng văn Huân toan tính ra đời với biệt hiệu Trúc Am.

Hai người con của Phan - thanh - Giản: Phan-Tôn và Phan-Liêm

Năm ấy, 1886, Trúc-Am non 19 tuổi, chí-khí nam nhi bùng-bột nhờ thêm lò tuyên-huấn của hai con của Cụ Phan-Thanh-Giản, là ông PHAN-TÔN và PHAN-LIÊM. Hai ông này học vấn cao thâm; nghe theo di-chức của thân-phụ, hai ông triệt-đề bài Pháp. Hai ông đáng bực chú của Huân, thương mến Huân và dạy cậu thêm mọi điều hay với các pho sách Hán-tự quý-giá mà cụ Phan-Thanh-Giản cần-thận từ bên Trung-Quốc đem về. Sách ấy mở rộng trí-não hơn loại sách mà kẻ ham-mê khoa-mục phải nhai mãi trong nước ta ngày xưa.

Được cơ-hội giáo-hóa thuận-

tiện và uy-tín thanh-cao nhà họ Phan, cậu ấm Huân chẳng bao lâu thành một tân nho-sĩ lỗi-lạc. Phương châm cứu-quốc đã sẵn của nhà; bấy giờ chỉ cần gia-giảm là đem ra dùng được.

Ngoài văn-học Hán-tự, Đặng-văn-Huân còn thông-thạo y-dược và trọn bộ Kinh-Dịch. Làm thầy thuốc đề sanh-nhai và gây cảm-tình hữu-nghị. Làm thầy bói theo gót Trạng Trình — đề suy luận thời-cơ mà liệu-lượng bề tấn-thủ. Hai yếu-tố ấy luôn-luôn giúp cho Trúc-Am thành-công và bảo-tồn tề-thống của môn-dồ Không-Mạnh đến hơi thở cuối-cùng.



Sau khi vua HÀM-NGHI bị Pháp đày qua Algérie, cuối năm 1884, tranh-ngôi tiếm vị xảy ra liên-miên trong Hoàng-cung Huế. Rốt cuộc Pháp chọn ĐỒNG-KHÁNH mà đưa lên ngôi, vào năm 1885.

Chánh-phủ Pháp đặc-phái PAUL BERT sang làm Khâm-sứ Bắc-kỳ. Paul Bert vốn là nhà bác-học thiên về xã-hội chủ-nghĩa mới nầy-nở bên Pháp với đệ-tam cộng-hòa. Paul Bert

nhờ cụ PÉTRUS TRƯƠNG-VĨNH-KÝ phụ tá.

Paul Bert đã nhờ Pétus Ký thuyết-phục vua Đồng - Khánh trong kế-hoạch duy-tân : Pháp sẽ chiếm trọn Nam-kỳ làm một tỉnh hoàn-toàn thuộc Pháp như Corse và Algérie. Từ Nha-Trang đến Nam - Quan, nước Đại-Nam sẽ được hưởng chủ-quyền thật-sự.

Chánh-sách mới của Pháp ấy được nhiều sĩ-phu tán - thành. Trong đám sĩ-phu ấy — đứng đầu có hai cụ PHAN-TÔN và PHAN-LIÊM — tích - cực ủng-hộ Đồng - Khánh. Vua bèn cho người đi học bên Pháp, theo PHÁI - ĐOÀN PHAN - LIÊM. Đến Pháp rồi, phái - đoàn bị buộc phải học tiếng Pháp mới theo dõi khoa học khác được. Phan-Liêm đề-nghị nhờ thông-ngôn giảng-nghĩa, mới được mau chóng. Nếu phải học tiếng Pháp, thì chừng nào thành-tựu với khoa-học ? Được chấp-thuận, đề-nghị ấy sanh ra hiệu-quả dị-kỳ : Phan-Liêm trở thành kỹ-sư khoáng-sản trong vòng sáu tháng ! Về nước ít lâu Phan-Liêm hết thấy ánh-sáng nữa. Nhưng mà cụ vẫn đi từ Trung

ra Bắc mà tìm ra than đá ở Nông-Son và Hòn-Gay mà sau này Pháp tiếp tục khai-thác. Đến đâu, cụ bảo người cộng-sự mô tả địa thế, cỏ cây, màu mè đất cát mà họ khoan đào dưới mấy chục thước. Cụ đoán ra ngay có mỏ gì hay là không.

Vua ĐỒNG-KHÁNH lại bày ra THÔNG THƯƠNG NHA, nhờ cụ PHAN TÔN lãnh-đạo. PHAN TÔN bèn phái ĐẶNG-THỨC - LIÊNG sang Hương-cảng để mở trụ-sở mậu-dịch với nước Trung-Hoa. Từ 1887 đến 1888 công-cuộc tấn-hành đáng kể lắm. Nhưng còn gặp trở ngại của bọn quan liêu hú-bại ở miền sông Hương nữa.

Trúc Am Đặng thúc Liêng về Saigon hỏi ý-kiến của Pétus Ký, rồi mới trở ra Huế gặp Phan-Tôn đề phước-trình công-cán. Lần này Trúc-Am có sẵn một kế-hoạch thương-mãi hiệu quả phát-sanh từ chỗ đàm-luận với tay buôn sành bên Tàu và bên Anh. Trúc-Am chủ-trương cho nhiều người qua Hương-Cảng và Anh-quốc hấp-thụ ngôn-ngữ và khoa-học Anh, vì Trúc-Am đã nhận-thức cái thế lực bá-chủ hoàn-cầu do người Anh tăng-cường mãi-mãi với đại

đội thương-thuyền và chiến-hạm vô-dịch.

Rủi thay ! Paul Bert, mới công-tác sáu tháng ở Bắc-Kỳ, đã vướng bịnh kiệt ly, phải cấp-tốc về Pháp. Bọn thực-dân Pháp gay-cấn với Pétus Ký và toan hãm-hại cụ ; cho nên cụ bỏ về ẩn-dật trong Chợ-Quán, Chợ-Lớn. Qua năm 1889 Đồng-Khánh, vì yếu-đuối mà lo lắng nhiều quá, hết máu, phải lìa trần !

Trong hoàn-cảnh thế-thảm ấy, Ông Trúc-Am Đặng-Thức-Liêng nghĩ rằng cơ-hội may-mắn cho Đại-Nam đã hết. Bây giờ phải tùy sức cá-nhân mà gỡ rối tới đâu hay đó.

Pétus-Ký giới-thiệu

Trúc-Am bèn trở về Gia-định tạm-trú một ít lâu ; rồi ra ngồi tiệm thuốc Bắc của một người Tàu quen-thuộc, vì Trúc-Am nói tiếng Quảng-Đông rặc-ròng.

Bạn-bè của Trúc-Am thêm nhiều. Nhờ Pétus Ký giới-thiệu, môn-đệ của cụ như TRƯƠNG-MINH - KÝ, DIỆP - VĂN-CƯƠNG, v.v... quynn - luyến với Trúc-Am.

Một năm sau, một quan cai-trị Pháp tên là LANDES muốn học chữ Hán và nghe ý-kiến của một cố-văn Việt-nam tâm-anh

tuần-tú là TRƯƠNG-MINH-KÝ, đầu phòng Thông-ngôn, bèn tiến-cử Trúc-Am. Ba phen Trúc-Am từ-chối, bởi vì có lập-tâm tây-chạy Pháp rồi. Nhưng Trương-Minh-Ký khuyển - nhủ rằng ông Landes có tư-tưởng cấp tiến và muốn khảo-cứu văn-hóa Đại-Nam ; ra làm thầy của quan cai-trị Pháp không phải nô-lệ của Pháp như bọn TÔN - THO-TƯỜNG đâu. Trúc-Am chấp-thuận, mong rằng nhờ dịp này mà làm thêm nhiều việc ích-lợi khác.

Ông Landes quý-mến Trúc-Am vô cùng, nhờ tư-cách liêm-sĩ và tự - trọng của nhà nho đặc-đạo. Sau này nhiều quan cai-trị đồng-chí với ông Landes cũng tôn-kính Trúc - Am trong địa-vị sư-huynh. Đến năm 1892, Trúc-Am từ hãn chức - vụ đó mà ra đàn ngôn-luận. *Gia-định báo, Nông-Cổ Min-Đàm, Nam Trung nhật-báo, Lục-tỉnh Tân Văn*, v.v... đến *Đông - Pháp Thời báo, Thần - Chung* (của Diệp - Văn - Kỳ) và tờ báo do Thúc-Liêng chủ - nhiệm, *Việt-Dân - báo* (1933 - 1937) là chỗ dụng văn của Trúc-Am ĐẶNG-THỨC-LIÊNG

(Ký sau tiếp)

LÀM TRONG CHIẾN-KHU

★ PHAN THỊ MỸ-KHANH

TRONG thời kỳ Việt-Minh còn ở Miền Nam này, tình-cờ một hôm xem quyền gì đó tôi cũng quên mất tên, tôi thấy đăng bài thơ sau đây của Thầy tôi làm trong Chiến-khu. (1951)

Lột suốt tròn non tôi đến đây,
Gặp anh về nghỉ dưới chân mây.

Chúc anh mạnh khoẻ rồi ra trận,

Thêm sức càng hăng để đánh Tây.

Đánh đến bao giờ độc lập thành,

Tôi dù già rụi ở quê anh,

Cũng nguyện nhắm mắt không ân-hận

Năm dưới mồ nghe khúc Thái bình

Vì tôi chỉ xem thoáng qua có một lần rồi trả tập sách ấy nên cũng không nhớ cái đề nữa, hình như "Ngày Xuân, chúc anh Vệ-quốc đoàn" thì phải.

Than ôi, thế mà ngày nay người gọi xương nơi đất Bắc, lòng mang một niềm ân-hận, vì năm dưới mồ chưa được nghe khúc thái-bình mà chỉ nghe tiếng hằng-triệu đồng bào đang rên-siết dưới chế-độ độc-tài Cộng-Sản.

Năm 1950, người có gởi về cho thân mẫu tôi và các con đương tản cư tại Tam-Kỳ hai bài sau đây :

Vì có trông người nhớ đến ta,
Nhà hai, nhà cả, cả hai nhà.
Tài không tháo vát nhưng cần kiệm,

Họa có ghen tương vẫn thuận hòa.

Tình nặng nhớ-nhung thơ vụng tả,

Biệt lâu khao-khát tuổi quên già.

Loạn ly sống chết còn chưa biết,
Đã một, hai rồi có lẽ ba?

★

II

Hai nhà cộng lại có mười con,
Năm gái, năm trai nhắm cũng giòn.

Gả cưới tạm yên nguyện một nửa,

Sửa măng tiêng mũi máu ba hòn.

Tư trào thôi hẳn đành chia rẽ,
Nhân cách còn mong được vẹn tròn.

Bé nhất Lang-Sa mới ba tuổi,
Tên mây ghi cái nhục non sông.

Ai vẫn bảo con người Thầy tôi khô-khan, chưa đầy lý-luận. Thế mà trong khi xa gia đình lâu quá, người đã thốt ra những lời thương, ý nhớ tha-thiết đậm-đà. Nhớ vợ rồi nhớ con, nhất là những đứa con sau còn măng sữa, đến cái thằng « bé nhất Lang-Sa mới ba tuổi ».

Kỳ-Lý, Xuân Canh-Tý



★ NGƯỜI ĐÀN BÀ ĐƯỢC YÊU NHẤT

Bà vợ đang rửa chén; bỗng nghe tiếng chồng mình đứng bên cửa gọi :

— Nè, đây là người đàn bà mà ông láng giềng chúng ta yêu rất mực.

Bà bỏ cả chén đĩa, vội vã chạy ra bên chồng để xem « cái nhân vật ấy »

— Đâu, đâu, người ấy đâu ?

— Đó, người đi bên, mặc áo xanh dương đó.

— Trời ơi, mình diên à, đó là vợ của ông ấy mà.

— Thì vợ của ông ta, chớ tôi có nói với mình gì đâu.

T. L. L.



CHƯƠNG HAI

I.— ĐỜI SỐNG TINH THẦN

Ảnh-hưởng
sâu - rộng
của Văn-
Hóa Pháp

(Xem P. T. từ số 30)

HÌNH như tiếng Pháp, với cách thức diễn-đạt lời nói rõ-ràng và tế-nhị của nó, có một sức hấp-dẫn khá mạnh-mẽ đối với các tầng lớp dân chúng

★ **NGUYỄN-VỸ** Việt-Nam hồi Tiên-Chiến, từ những các em Nam-Nữ học-sinh Tiểu-học cho đến các tiến-sĩ, thạc-sĩ Văn-Chương, cho nên

nó đã được gần như thông-dụng khắp nơi nơi. Cho đến cả trong ngôn-ngữ thông-thường, nhiều tiếng Việt đã bị tiếng Pháp thay thế, bị tiếng Pháp chi-phối, với sự đồng-lòa lặng-lẽ và gần như tự-nhiên của mọi người. Cho đến đôi không còn ai ngạc-nhiên nữa khi người ta nghe một chị bán hàng rau ngoài chợ ưa nói chữ « *Légumes* », mặc dầu đôi khi nói sai thành ra « *La ghim* », hơn là nói « *Rau* », anh phu - xe nói chạy một « *course* » — một *cuộc*, một « *tour* » — hơn là « *chạy một chặng, một vòng* » v.v...

Nhưng ham-mê tiếng Pháp hơn hết, nhất là Văn-Chương và tư-tưởng Pháp, là các nhà trí-thức, trong số đó dĩ-nhiên có các nhà Văn, nhà Thơ. Hầu hết các Văn-sĩ Thi-sĩ Tiên-chiến tuy viết Văn bằng Việt-ngữ, nhưng vẫn thích nói tiếng Pháp. Nếu không nói toàn tiếng Pháp thì cũng chêm nhiều tiếng Pháp trong câu nói Việt-Nam. Không kể những bậc tiền bối như PHẠM-QUỲNH, NGUYỄN-VĂN-VĨNH, nhất là Nguyễn-văn - Vinh, chuyên - môn nói tiếng Pháp cả trong những câu

chúc mừng năm mới trong những ngày Tết ta, mà đến cả thể-hệ các nhà Văn trẻ tuổi 1925 — 1940, cũng ưa dùng tiếng Pháp trong khi trò chuyện với nhau.

Những nhà Văn đã học đến bậc Tú-Tài, và Đại-học (phần nhiều là ở trường Cao-đẳng Sư-phạm và Cao-đẳng Luật-học), đều viết cả Việt-văn và Pháp-văn, như PHẠM-HUY-THÔNG, NGUYỄN-NHỢC-PHÁP, VŨ-NGỌC-PHAN, VI-HUYỀN-ĐẮC v.v... Không kể một số người chỉ chuyên viết Pháp-văn như NGUYỄN-TIÊN-LĂNG, NGUYỄN-MẠNH-TƯỜNG, TỪ-BỘ-HỨA, LÊ-TÀI-TRIỂN, NGUYỄN-ĐỨC-BÍNH, VŨ-ĐÌNH-DY...



Như đã nói ở trên, hầu hết các nhà Văn Tiên-Chiến, dù là viết Việt-Văn, đều thích nói tiếng Pháp, chỉ khác nhau là nói nhiều hay ít, thường xuyên hay thỉnh-thoảng mà thôi.

KHÁI HƯNG, LAN KHAI,
LÊ VĂN TRƯỜNG.

TRƯƠNG-TỬU, NGUYỄN-TUÂN, v.v... một đôi khi nói chuyện toàn bằng tiếng Pháp. Cho đến đôi tặng sách cho nhau cũng ít khi đề bằng chữ Việt. Thí dụ như hầu hết những quyển tiểu-thuyết của Khải-Hưng, Lan-Khai, Nguyễn-Tuân, Trương-Tửu, Lê-văn-Trương, gởi biếu các bạn trong làng văn, đều đề trên trang đầu một câu tiếng Pháp, đại khái :

Hommage cordial de l'auteur (1)

Cả Vũ-trọng-Phụng, Lưu-trọng-Lư, cũng thế. Đó là một thói-thức, thành ra một thói quen. Nếu các bạn cho rằng đó là một thói xấu, thì kẻ viết bài này xin thú nhận rằng chính nó cũng đã không tránh được thói xấu ấy.

Nhưng lúc bấy giờ vì tiếng Pháp đã được coi như là một mỹ-phẩm thông-dụng nên các nhà Văn-tiền-chiến đã dùng nó cũng gần như một xa-xỉ-phẩm của tinh-thần, một món trang-trí ngoại-quốc để tô-diểm cho thêm phần thẩm-mỹ đó thôi.

Đôi khi lạm-dụng hình-thức ấy cũng thành ra lỗi-bịch thật,

(1) Tác-giả thân tặng

thí-dụ như Nữ-sĩ ANH-THO', tác-giả tập thơ « *Bức tranh quê* » chữ Pháp rất kém (thi rớt tiểu-học) mà cũng đề tặng tập Thơ rất có giá-trị của nàng, bằng một câu chữ Pháp viết sai chính-tả : « *Homage cordial...* » Chữ « *Homage* » nàng chỉ viết có một m. Nhưng đó là trường-hợp hy-hữu.

Đó là về hình-thức. Nhưng hình-thức ấy chính là tượng-trung tinh-thần ham chuộng Pháp-văn.

Ham chuộng Pháp-văn cho nên hầu hết các nhà Văn nhà Thơ thời tiền-chiến đều thích đọc sách Pháp. Những tác-giả Pháp được các Văn-sĩ Thi-sĩ Việt-Nam yêu nhất lúc bấy giờ là ở Thế-kỷ XIX và đầu Thế-kỷ XX : Về Thơ thì Hugo, Lamartine, Musset, Vigny, Chénier, Sully Prudhomme, Leconte de l'Isle, Verlaine, Baudelaire v.v... Về Tiểu-thuyết, thì Alexandre Dumas, P. Bourget, P. Benoit, Maxime Gorki, Anatole France...

Về Kịch : Racine, Corneille,

Sacha Guitry, Jules Renard, Courteline... Về các tác-giả ngoại-quốc khác thì Virgile, Homère, Dante, Goethe, Schiller, Tolstoi, Dostoïewsky, Shakespeare, Edgar Poe, Tagore, Omar Khayyam, Firdowsi...

Người ta thường thấy các nhà Văn LAN KHAI, LƯU-TRỌNG-LƯ, VŨ-BẰNG... nằm trong các tiệm thuốc-phiện với những quyển sách Pháp, Tiểu-thuyết, hoặc Thơ mới mua hoặc mượn trong Thư-Viện với tên sách in bằng chữ vàng trên gáy da. LÊ-VĂN-TRƯƠNG, NGUYỄN-TUÂN, NGUYỄN-CÔNG-HOAN, v.v... nằm trong các nhà hát ở Khâm-Thiên, Ngã tư số, Vạn Thái..., đầu thì gởi trên bập dùi mềm-mại của mấy cô ả-đào môn-mởn duyên tơ, tay thì cầm một quyển tiểu-thuyết đạo-đức của Anatole France, hay của Léon Tolstoi...! Sự thật không phải các nhà văn ấy muốn « vầy » với « các em », nhưng vì họ mê một trang văn chương bướm-bảy của Pháp cũng như mê nụ cười hoa-lệ của các cô « tiểu thư », họ say sưa một vài câu thơ của

Firdowsi, Virgile, cũng không kém một vài hơi mây gió ảo-huyền của nàng Tiên Nâu vậy.

Tuy nhiên, xin đừng tưởng rằng tất cả các nhà văn nhà thơ tiền-chiến đều ghiền thuốc phiện, hay ả-đào, hay rượu. Đại khái có những nhà văn không bị « nhiễm » các chứng ấy, như NGUYỄN-NHƯỘC-PHÁP PHẠM-HUY-THÔNG, VŨ-BẰNG (anh nghiện thuốc phiện một thời-gian rồi bỏ hẳn) VŨ-TRỌNG-PHỤNG, v.v... Có những người chỉ ghiền rượu nhưng rất ghét ả-đào và thuốc phiện, như TRƯƠNG-TỬU. KHẢI-HƯNG nghiện thuốc phiện nhưng không ưa ả-đào, và ít uống rượu. NHẤT-LINH cũng vậy. Thời kỳ chiến-tranh, Nhất-Linh bỏ thuốc phiện lại ghiền rượu. Rồi vài năm sau anh đã bỏ hẳn cả rượu. PHẠM-QUỲNH không ghiền gì cả. NGUYỄN-VĂN-VĨNH ưa đánh tổ-tôm, tài bàn. THẾ-LŨ món gì cũng biết, nhưng không nghiện món nào. NGUYỄN-TUÂN cũng vậy. Một vài nhà văn rất thích cờ tướng, như LƯU-TRỌNG-LƯ,

NGUYỄN - TUÂN. Nhưng tuyệt nhiên, theo như tôi biết, không có nhà văn nào ưa môn khiêu vũ. Họ không thích « truy lạc » với mấy cô gái nhảy. Và lạ nhất là phần đông cũng không ham ci-nê. Thịnh thoảng có phim nào thật hay, thật cảm động, có ý nghĩa về xã-hội, (như *La Marnelle*, *Quel est le coupable?*...) có ý nghĩa về hòa-bình, nhân đạo, (như *A l'ouest, rien de nouveau* của Erich Maria Remark, *L'Angl'ou*, của Ed. Rostand), hoặc có nghệ-thuật kỳ-diệu (như *Blanche Neige* của Walt Disney, *La Ruée vers l'Or*, của *Chaplin*) thì họ mới đi coi. Chủ-nhật, các nhà Văn thường đi chơi ngoài châu thành Hà-nội như Chùa Láng, Nghi Tàm, Ô Cầu-giấy, Đền Voi-Phục, Hà Đông, Bạch mai, Bưởi v.v... Họ chỉ đi chơi lang thang từng nhóm vài ba bạn thân-thiết nhất trong làng Văn để chụp hình hoặc để bàn luận về Văn-Chương và nhìn mây nhìn gió. Hoặc họ đi với vài ba bạn gái, phần nhiều là các Nữ-sinh yêu-mến Văn-thơ của họ. Những cuộc ngao-du tâm-tĩnh này thường rất say-sưa mờ-mộng, có vẻ « tiểu thuyết » hơn

là thực-tế. Nhưng thường hơn hết là họ gặp-gỡ thăm-viếng lẫn nhau để trò chuyện về Văn-chương. Thịnh thoảng mới bàn về chính-trị. Những người hút thuốc phiện, thường không có bàn đèn ở nhà, (trừ một số ít có tiền) nên họ nằm trong các tiệm quen ở các phố Hàng Buồm, Mã-mây, Hàng Gạch, Chợ Hôm, và chỉ nằm ban đêm thôi. Ban ngày thường có những cuộc gặp gỡ thân-mật tại các tòa Báo, hoặc ở nhà riêng, nơi đây có rất nhiều các cuộc bàn-bạc, phê bình, về các tác-phẩm văn-học mới xuất-bản, hoặc trao-đổi cảm-tưởng về các tác-phẩm của Pháp mới qua. Hầu hết các nhà Văn Tiền Chiến đều rất ghét ngồi nơi các tiệm ăn để « nhậu nhẹt » say sưa, nói chuyện nhảm-nhí. Những kẻ ghiền rượu thì mua rượu về nhà uống với vài ba bạn đồng-nghệp. Có những người thích uống rượu với thịt chó, như LƯU-TRỌNG-LƯ, NGUYỄN-XUÂN-HUY, LAN KHAL... TRƯƠNG-TỬU thường say mềm bên mâm chả cá. NGUYỄN-TUÂN thích uống rượu với thịt chuột. Còn TẢN ĐÀ thì bất cứ gặp món gì, lạc

rang, nem, ớt, củ kiệu, thịt chim đều thích-dùng được cả.

Có thể nói rằng Văn-sĩ Thi-sĩ Tiền chiến ở Hà-Nội chia ra vài ba nhóm, nhưng không phải vì chủ-trương Văn-Nghệ khác nhau, mà đúng hơn là vì sự giao-du thân-mật riêng biệt nhau. Trừ ra nhóm TỰ-LỰC VĂN ĐOÀN với KHÁI - HUNG, NHẤT-LINH, THẾ-LỮ, TÚ-MỠ, HOÀNG-ĐẠO..., mấy anh này muốn tách hẳn ra, không chơi chung với ai hết, còn thì không có « Văn-đoàn » nào khác cả.

Đôi khi người ta gọi « nhóm Tiểu-thuyết Thứ Bảy », chỉ vì một số nhà Văn viết truyện dài truyện ngắn bán cho ông Chủ-nhiệm tạp-san « Tiểu-thuyết thứ Bảy », chứ không phải các nhà văn ấy quy-tụ lại thành một văn phái. Viết cho « TIỂU - THUYẾT THỨ BẢY » thì nhiều cây bút lắm, nhưng thay đổi bất thường. Như LAN-KHAI, LƯU-TRỌNG-LƯ, TCHYA, THANH-CHÂU, VŨ-BẰNG, NGUYỄN - CÔNG - HOAN, NGUYỄN-TRIỆU-LUẬT v.v.. hễ gặp báo nào thuận tiện thì viết cho báo ấy, được nhà xuất-

bản nào mua bản quyền khá hơn thì bán bản-thảo cho nhà xuất bản ấy. Thế thôi. Nhưng theo sự giao-du thân-mật và riêng biệt, người ta có thể đếm đại khái những « nhóm » như sau đây : Nhóm Lan-Khai, Đỗ-thúc-Trâm, Vũ-trọng-Phụng, Nguyễn-triệu-Luật... Nhóm Lưu-trọng-Lư, Lê-tràng-Kiều, Nguyễn-xuân-Huy, Nguyễn-Tuân... Nhóm Phạm-huy - Thông, Nguyễn - nhược Pháp v.v...

Đĩ-nhiên là làng văn đều quen thân với nhau tất cả, nhưng những nhà văn ở mỗi nhóm chơi thân mật với nhau hơn, tri-ký với nhau hơn, cùng nhau hội-họp, hoặc đi chơi với nhau thường-xuyên hơn. TRƯƠNG-TỬU thì bất nhất, có lúc đi cặp với NGUYỄN-ĐỨC QUỲNH, có lúc đi đôi với LÊ-VĂN-TRƯƠNG, có lúc không thèm đi với ai.

Viết văn cũng mỗi người có mỗi lối viết, TRƯƠNG-TỬU lúc viết rất nghiêm-nghị, trầm-mặc hằng giờ, viết xong mới nghỉ. Trái lại, LƯU-TRỌNG-LƯ viết một lúc, rồi bỏ bút đi lang thang ra ngoài sân rồi trở lại viết nữa. Có khi anh trở vào

bản thì tờ giấy đang viết dở dang đã bị gió cuốn bay đâu mất, anh lục-lọi vài nơi, la hét vài câu, rồi ngồi xuống viết lại trên tờ giấy khác. Lưu-trọng-Lưu, những lúc làm thơ y như người mất trí, nhìn vor-vần, cười ngơ-ngẩn, đi thơ-thần... có khi nói lảm-nhảm trong mồm. LAN-KHAI cứ viết vài trang phải bỏ bút xuống đi hút một hơi thuốc lảo cho đã ghiền. PHẠM-HUY-THÔNG ngồi làm thơ, đầu tóc bờm xờm, với cặp kiềng cựa thị đóng chặt trên tờ giấy, như Jean Cocteau. NGUYỄN-NHƯỘC-PHÁP vừa viết vừa tùm-tùm cười một mình, với cái miệng như móm.

Viết mà xóa bỏ nhiều nhất là LAN-KHAI, và NGUYỄN-

TUÂN. Tôi đã thấy một trang nháp của Lan-Khai, sửa chữa rậm-rì rậm-rịt, đọc không ra chữ. Nguyễn-Tuân có cho tôi xem mấy trang bản thảo thứ nhất của « Vang Bông một thời », tôi cũng không đọc trôi một câu nào. Viết mà không sửa chữa gì mấy, nhiều trang cứ suông đuột một mạch từ trên xuống dưới không chấm câu, là LÊ - V Ậ N - TR Ư Ờ N G. Còn VŨ-TRỌNG-PHỤNG thì có nét chữ lý tý, lý tý, và đều đều, thỉnh-thoảng mới xóa bỏ vài chữ, vài câu. Anh ấy đang ngồi viết mà ai đột ngột bước vào thì anh đến ghét, không thèm chào hỏi. Có khi anh bỏ khách ngồi trong xô, ngồi chán rồi đứng dậy đi ra. Mặc kệ.

(K) sau tiếp

* DANH NGÔN

Il n'y a pas de femmes laides ; il n'y a que des femmes qui ne savent pas se rendre séduisantes.

Christian Dior

Không có người đàn bà xấu ; chỉ có người đàn bà không biết làm cho mình thành quyến rũ đó thôi.

T. L. L.

CÔ
GÁI
ĐIÊN



TRUYỆN TÀU CỦA TỬ-VU ✕ BẢN DỊCH CỦA VI-HUYỀN-ĐẮC

(Tiếp theo P. T. số 30)

XIII

BA hôm sau đó, vết thương ở đầu tôi, đã hàn hãn, và không cần phải băng bó lại nữa. Trừ cái chỗ tóc đã xén đi, để rửa vết thương và bôi thuốc cho được dễ-dàng, tôi soi gương cũng chẳng thấy có ngăn tích gì.

Hải-lan có nói cho tôi rõ, từ cái tối bữa đó cho tới nay, Bạch-Tần cứ nghiêm-nhiên không lý gì tới cô cả. Trong mấy ngày vừa qua, Bạch-Tần chỉ một mình ra đi, cho tới mai trời sáng tỏ, mới trở về nhà. Cũng vì vậy mà buổi tối hôm nay, tôi quyết-tâm phải theo dõi nàng cho bằng được. Tôi đã dặn Hải-lan kỹ càng, hễ thấy nàng sắp sửa để đi, là lập tức cho tôi biết ngay. Tôi nằm chập chờn không sao ngủ được vì sự

ngóng mong đó. Những tiếng động trong nhà, làm cho tôi thao-thức đầu đêm.

Nhưng, đêm hôm ấy Bạch-Tần không đi, mà, hôm sau cũng vậy. Cả đến hôm thứ ba, nàng cũng cứ ở lý, ở nhà. Đó không phải do sự ngẫu-nhiên. Tôi đọc tập nhật-ký của Hải-lan mới rõ; hình như cô nàng đã đấu-khí với Hải-lan, để xem, ai hơn thua, trong cái trò chơi ú-tim này. Nhân thế, tôi được yên-tâm, có lẽ cục-thế không đến nói gay-go và sự cứu-vãn sẽ dễ-dàng. Cái thái-độ hiện nay, chẳng qua chỉ là biểu-thị của sự lãng-mạn và cái bảm-tính hiếu-động của nàng. Tuy-nhiên, cứ ngày ngày chờ đợi một sự cải-biến, rút cục, nó cũng vô cùng mệt óc, khổ-tâm. Và, đêm đêm, cứ phải thấp-thòm đợi Hải-lan xuống báo tin, lâu mãi, tâm can có là sắt, đá, cũng không sao tránh khỏi sự buồn phiền, bức-bỏ.

Ấy thế rồi, một tối nọ bỗng nhiên, Bạch-Tần đem Hải-Lan, đánh xe đi, ra khỏi nhà, mà tôi chẳng hay biết gì cả. Tôi đương ngủ ngon giấc, thì bỗng tiếng xe chạy làm cho tôi bừng tỉnh.

Thẳng được bộ quần áo vào tươm tất, và cho xe ra đến cổng thì chiếc xe màu xanh của Bạch-Tần đã biến đâu mất trong đêm tối. Lái xe tôi quán rượu Mân-côi, tôi cũng chẳng thấy tăm dạng cô nàng. Không còn biết làm thế nào hơn tôi đành quay xe, trở về nhà. Khi tôi vào tới ngang dãy biệt-thự, thì Hải-lan đã đứng ở trên lầu, gọi tôi. Tiếp đó cô chạy xuống, mặt buồn rầu rầu, đầy vẻ thất-vọng. Tôi cố còn tìm ra một lời nào, để an-úy cô và lui-thủi đi theo cô, vào ngồi ở khách-sảnh. Tuy chúng tôi, không ai bảo ai, mà đều mặc nhiên cùng nhau ngồi đợi Bạch-Tần. Mãi tới lúc trăng tà, sao lặn, cũng chẳng thấy bóng vía nàng đâu. Hải-lan cứ ngồi ngáp dài ở ghế. Tôi bèn khuyên cô nên đi ngủ, nhưng cô không nghe và cứ nhất định để cái bộ mặt xanh lợt, với cặp mắt mệt-mỏi kia, cho người chủ thân-yêu chính mắt trông thấy, cho nó cảm cảnh! Nhưng khổ thay, khi trời đã sáng tỏ, Bạch-Tần vẫn không về. Một lúc sau, Hải-lan hắt hơi liền, hai ba cái. Tôi biết ngay là cô bị cảm hàn rồi, nên tôi phải cố nài ép cô,

phải đi nằm. Lúc đó, đã quá sáu giờ.

Cho mãi tới trưa, Bạch-Tần mới dẫn thân trở về, và mới thấy Hải-lan đương sốt mê-mán. Nàng liền vội-vàng cho đi mời thầy thuốc và lấy thuốc về cho Hải-lan uống. Quả tình, nàng đã tỏ ra rất đổi nhiệt-tâm, đổi với sự chạy chữa và thuốc thang cho cô tớ gái.

Mãi cho tới khi tôi tỉnh giấc mới hay các chuyện trên đây, do người quản-gia kể lại. Tôi những muốn nói cho Bạch-Tần rõ cái căn-nguyên bệnh-hoạn của Hải-lan, nhưng nàng đã không cho tôi một cơ-hội thuận-tiện nào, để nói cả. Một phần, nàng hết sức lạnh-nhạt với tôi, một phần nữa, cơ-hồ như nàng cố-tình lánh-ẩn, không cho tôi giáp mặt.

Thầy thuốc, sau khi khám bệnh cho Hải-lan, có bảo, bệnh tình của cô khá nghiêm-trọng, cần phải tiêu-tâm săn sóc. Tôi thấy phải nói nhiều điều với Bạch-Tần, nên tôi nhất-định viết thư cho nàng. Trong thư, tôi sẽ nói hết, nói hết. Bức thư dài tới mười mấy trang giấy. Tôi

kể đủ cả thân-thể, sự-nghiệp cùng là các việc đã trải qua của tôi, và, sau hết, là sự luyện-ái giữa Hải-lan với tôi; tôi nói trắng hẳn ra, tôi đã yêu Hải-lan như thế nào, và về phần Hải-lan, cô đã đem hết cả tâm-hồn, lẫn thể-xác ký-thác vào tay tôi. Chúng tôi chỉ chờ đợi sự lành-mạnh của nàng và tâm-cảnh của nàng, từ chỗ hắc-ám trở về nơi quang-minh, là, lập-tức, chúng tôi sẽ cùng nhau ly-khai hẳn nơi đây. Tuy tôi đã đảm-nhiệm cái chức-trách chữa bệnh cho nàng, nhưng tự bấy, nhân nay, chẳng có mây-may hiệu-quả. Hải-lan cam-tâm hy-sinh cả cuộc tình-duyên của mình, nên cô nhất-quyết không chịu rời bỏ nàng, trước khi nàng được bình phục hẳn, để sống một cuộc sống an lạc theo cái nền-nếp và cái địa-vị của gia-đình nàng. Tôi tâm-thành yêu-cầu nàng, lấy từ-tâm và độ-lượng thương lại Hải-lan, Hải-lan đã vì nàng mà nay lâm phải trọng bệnh, vậy nàng phải cải-tiến cách sinh-hoạt đi, để an-úy Hải-lan; giảm bớt, nàng sẽ tự ý đến điều-dưỡng tại y-viện của y-sư Xa-lap-Mỹ để y-sư chẩn-đoán và y-sư chẩn-đoán và tri-liệu cho

nàng. Ngoài ra, thiết không còn cách nào tiện-lợi hơn vì chỉ có thể, Hải-lan mới khỏi ngày, đêm, gian nan, khổ-cực vì nàng; thiên vạn, xin nàng hãy nghĩ lại, mà đừng bỏ một người bấy nay chỉ biết ái-đổi và phục-thị nàng. Mấy lời cầu-khẩn đó kết-thúc bức thư của tôi.

Viết xong bức thư, thì cũng đã khuya rồi, nên tôi đi ngủ và định ninh rằng, đến mai tôi sẽ giao nó cho dung-nhân để họ đưa cho Bạch-Tần. Nhưng khi trở dậy, tôi đem thư ra đọc lại từ đầu chí cuối, mặt tôi bỗng nóng lên bừng-bừng. Không, không, dầu sao đi nữa, tôi cũng không thể nào nói trắng ra như vậy, với con bệnh mà tôi đương giữ cái trọng-trách y-trị. Lời lẽ trong thư đã ra ngoài hẳn ý-trí của tôi. Một khi Bạch-Tần đọc xong bức thư với tất cả sự bực-lộ phũ-phàng đó, sao cho khỏi không xảy ra một sự phản-ứng khốc-hại mà cái hậu quả là Bạch-Tần sẽ coi tôi là một kẻ cừu-dịch. Và rồi, đối với y-sư Xa-lạp-Mỹ, tôi sẽ ăn làm sao, nói làm sao? Sự tai hại, không những, không thể tránh-lượng được, mà rồi ra,

không còn phương-kế gì để cứu vãn nữa.

Cũng may mà tôi chưa giao thư cho người nhà. Tôi không ngần-ngại ngồi vào bàn, tả một bức thư khác. Nó hết sức đơn-giản và chỉ vồn-vẹn có mấy lời sau đây :

« Kính gửi cô Bạch-Tần,

Mấy hôm nay, tôi chỉ mong có dịp để hầu chuyện cô, nhưng cô đã không cho tôi một cơ-hội thuận-tiện nào. Tôi chỉ định-ninh thưa để cô rõ, sở dĩ Hải-lan lâm-bệnh, là vì quá yêu cô, ấy thế mà, bao ngày nay, cô đã quá lạnh-nhạt với Hải-lan, để cho đến nỗi Hải-lan bị thích-kích một cách quá đáng. Thêm vào đó, Hải-lan đã thức trắng cả một đêm hôm qua, để ngồi chờ cô, và nhân thế, đã bị cảm-hàn. Cả nhục-thể lẫn tinh-thần đều bị đã kích, cho dầu người là sắc, cũng phải quy-đảo, chứ nói chi Hải-lan, một cô gái kiều-nhược. Tôi hy-vọng, cô sẽ thể-lượng cho Hải-lan, mà thương lại Hải-lan, để khỏi cô-phụ tấm lòng của Hải-lan, thủy-chung, vẫn một niềm ái-kính cô. »

Viết xong, tôi liền trao cho dung-nhân để đưa tận tay Bạch-Tần, nhưng, nàng tuyệt nhiên không trả lời tôi.

Sau đó, tôi đi thăm Hải-lan. Nhiệt-độ của cô rất cao, cô nằm thềm-thiếp trên giường. Bạch-Tần ngồi ở một bên, nhưng, khi thấy tôi vào, liền đứng dậy, đi ra ngoài để tránh mặt tôi. Tôi cũng chẳng thốt ra được lời gì với Hải-lan và tôi lại trở xuống ngay. Đến chiều, tôi gọi lên cho Hải-lan mấy đóa hoa tươi.

Tuy-nhiên, Bạch-Tần dường như đã cải-biến thái-độ. Nàng không đi chơi nữa, và luôn luôn ở nhà để săn-sóc Hải-lan. Hỏi thăm dung-nhân, tôi được biết Bạch-Tần rất tận-tâm với Hải-lan. Về phần thuốc thang, cũng là sự ăn uống, Hải-lan đã được Bạch-Tần liệu-lý cho hết sức chu-đáo và khoa-học.

Cứ xem như vậy, tấm nhiệt-tình trước đây của Hải-lan đã làm cho Bạch-Tần cảm-động, mà, bức thư của tôi cũng đã ảnh-hưởng một phần lớn, đối với thái-độ của nàng, tuy nàng vẫn không hồi-âm cho tôi. Tôi thấy rất đổi an tâm.

Đăm bữa sau, Hải-lan đã được vô-sự và độ chừng đến ngày thứ chín, thì cô đã trở dậy, bệnh-trang thuyên-dũ hẳn. Khi tôi lên thăm cô, cô, quả đã khỏi hẳn, chỉ vẻ mặt còn hơi xanh và thể-lực chưa được kiện-toàn như xưa.

Về phần Bạch-Tần, trong những ngày bệnh-hoạn của Hải-lan, nàng đã sinh-hoạt một cách rất chính-thường, nhưng, từ lúc Hải-lan khỏi bệnh thì nàng lại uống rượu và nằm dài ở giường chẳng hề nói năng, trò chuyện gì với Hải-lan cả.

(Còn tiếp)

ĐÍNH CHÍNH

Trong Phổ Thông số 30, bài « những đêm cầu cơ tại nhà Victor Hugo », dòng đầu, trang 10 :

Từ đêm 11-9-1853, Victor Hugo cầu cơ... mà thợ nhà in đã sắp nhầm là : từ đêm 11-9-1953 Victor Hugo...

Truyện ngắn « xem tướng để lấy vợ », trang 65, ở dòng « viết tại Saigon tháng 7, 1935, tranh vẽ của J. Goecce » nhầm là : tháng 7, 1955.

Vậy xin cáo lỗi, và mong quý bạn sửa lại giùm. Đa tạ.
P. T.

T h o

LÊN RUỘT

★ **DIỆU-HUYỀN** ★

Dạo mát bờ sông

Đêm qua dạo mát bờ sông,
Gặp ba bốn cặp, mỗi ông một bà
Ôm nhau dưới bóng trăng tà
Tủ ti tủ.tủ mỗi bà một ông!

Một bà mặc áo ni-lông
Gác vai, dựa má, kề hông, đậm đà!
Còn ông cũng rất mạn mà
Một tay ôm xiết kê bà vô hông!

Một nàng phất-phới áo bông,
Miệng cười toe-toét cùng ông xoi quà.
Ông cầm miếng bánh đút bà,
Bà đưa miếng kẹo kê-cà đút ông.

Một chàng mái tóc uốn cong,
Cũng đi hứng gió, nhìn sông, la-cà,
Trên lưng một chiếc vết-pà,
Áo quần mỏng đánh, một bà ôm ông!

Nào ai dạo mát bờ sông
Thử dòm đây đó mấy ông mấy bà!
Lãng-nhãng đủ đờn đủ ã,
Thì-thầm trong tối, thật là đời phong.

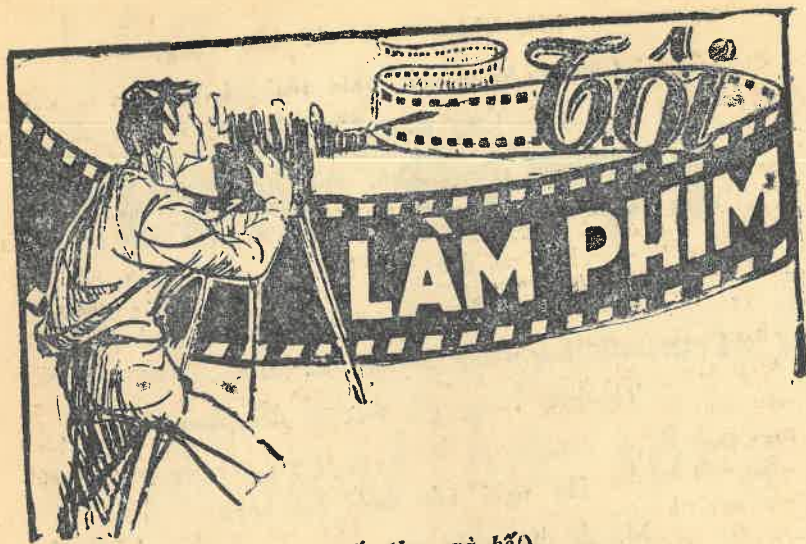
Họ ngồi núp dưới bụi bông,
Mà đi đâu vắng mấy ông mà-tà?
Chạy quanh Xóm-giá, Xóm-gà
Rường quơ những lũ Tú-Bà Tú-Ông?

Thì đây rải-rác bờ sông,
Nhờn-nhờ mấy đống Tú-Ông Tú-Bà!
Sao không quét sạch dâm tà?
Sao không bắt trộm cả bà lẫn ông?

★

Để cho sạch sẽ bờ sông!

Diệu Huyền



(Tiếp theo và hết)

Trong các nghệ sĩ Cải lương đã bước vào làng Điện Ảnh, có lẽ Bác Tư C., Bác Ba C. H.M. là những người đầu tiên đã hiện lên màn bạc.

Nói đến Bác Tư, tôi vẫn nhớ đến anh chàng đẹp trai cách đây gần 30 năm trong vở tuồng: Em Muốn Tự-Do... với diễn xuất độc đáo, tân tiến nhất.

Trong cuốn phim Trai Thời Loạn, bác Tư đóng vai người cha, một người cha quên buồn nước non và gia đình trong chén rượu. Người con xông pha ra biên cương để gìn giữ bờ cõi. Khi chàng đã cụt một chân thì được phép giải ngũ. Về đến

làng, phụ thân khăn khăn không chịu nhìn chàng là con, vì con của ông ta không bao giờ trốn quân-dịch hoặc bỏ mặt trận mà về ngang như vậy. Không... con ta còn ở tận ngoài biên cương. Nhưng khi người con nhắc đến cái chân. Con nay còn chỉ có một chân... thì người cha liền hiểu và... khóc cái chết khí của mình qua người con duy nhất đã ra người tàn phế.

Cách diễn xuất của các nghệ sĩ rất linh động và mãi tới bây giờ tôi vẫn nhớ những buổi quay, đượm vui buồn ấy.

Bác Tư vẫn áp dụng triết để

câu «Nam Vô Tửu như Kỳ vô Phong» nhưng có một thiện chí sắt đá, cầu tiến hơn người, một quan niệm nghệ thuật vô song.

Tôi nhớ trong một màn chỉ lấy có một plan mà phải mất một đêm tròn.

Đó là plan chứa đựng câu: «Rượu đâu ta muốn uống thêm.»

Màn này trình bày người cha sàu con, sàu gia đình, đến viếng người bạn, hai đảng cùng đập chai một mách, rồi bí-tí người cha ngã vật xuống giường, miệng cứ đòi uống rượu thêm... để say thêm, để quên... chiến tranh tàn ác! Để quên các cảnh máu đổ thịt rơi!

Bác Tư nói cần phải có thứ rượu tằm Hóc. Môn thì đóng mới thật. Chúng tôi xách về một chai thượng hảo hạng, chiết lần vào chiếc nhạo. Mà màn đó Bác Tư đóng hay thật. Cứ mỗi lần hỏng, lại phải làm chêm rượu thêm nên chưa hết nửa đêm đã lừng lừng chai rượu...

Plan ấy trình bày, sau khi người cha uống chén rượu cuối cùng ngã vật ra để rơi chén xuống sàn. Chính vì cái «để rơi» không được tự nhiên (cái để rơi của một người đã say như)

nên phải quay đi quay lại nhiều lần. Cuối cùng bác Tư nổi dóa, nói:

— Thì tại sao lại không uống cho say ngủ đi, rồi đóng thì tuyệt và đúng sự thật không?

Xét ra cũng không thể quay hơn, đạo diễn chấp thuận, Bác Tư đánh bạo làm nốt chỗ còn với một nốc cạn; nằm tỉnh dương để cho rượu ngấm và... bác đã say túy lúy, hay hết chỗ nói.

Phải nhận rằng trong plan này chúng tôi phí mất 4 chiếc chén trà Giang tây, vì cứ mỗi lần để rót xuống là chén vỡ hai hoặc mề sức. Bấm bụng chịu chớ sao, tìm đâu ra chén hồi 2 giờ khuya này!

Sau khi rượu ngấm Bác Tư, máy bắt đầu t hu tiếng và hình. Bác Tư với cái giọng kè nè: Rượu đâu?... Ta.. muuuuoon uoong theeemmm! bác ngã vật xuống, cái chén rơi rất tự nhiên và chúng tôi lúc đó chỉ còn nghe tiếng ngáy pho pho (tiếng ngáy thật sự) của bác Tư... Bác thợ quay nhích đèn lại gần «làm» một gros-plan của Bác Tư mắt nhắm gà vịt, cái bộ râu tua tủa lên xuống theo nhịp thở,

đẹp vô kể. Có lẽ là một GP không tiền khoáng hậu, từ khi bác thợ quay biết quay phim.

Nói đến râu, lại nhớ đến tóc. Tóc và râu của Bác - Tư vẫn chịu khó dưỡng và theo giới từng ngày từng giờ. Vì cuốn phim quay lâu, mà tóc và râu cứ ra dài mỗi ngày làm cho Bác ngứa ngáy khó chịu, cứ gặp mặt ở đâu, là xuống một câu vọng cổ cười nôm ruột:

« Than ôi, râu với tóc có tiền không được cắt... »

Cái nổi khổ của tài-tử xi-nê là vậy, muốn cho thật giống mà không lòi đuôi hóa-trang thì tài-tử phải chịu cực... hình!

Một màn khác trình bày Bác Tư qua một chiếc cầu khỉ, khi đến giữa cầu bác « phải » té một cái và đánh rơi chai rượu xuống nước. Tập đi tập lại, lần cuối cùng bác té thật hay nhưng chai rượu lại chìm lìm không chịu nổi lên mặt nước như đã dự-tính. Bác Tư ngóng cổ xem... điệu-bộ này thật một trăm phần trăm... Quay xong chúng tôi hỏi tại sao bác tự-nhiên quá như vậy, bác mỉm cười trả lời:

— Rượu trong chai là rượu

đậu nành, qua mới mua hồi hôm... ngon lắm ngheo!
« chậ »!!! Tương đóng xong đem ra « tu » chơi, té ra: Rượu lại đi theo nước!...

Chúng tôi cười như nắc-nẻ. Bác nghiêm-chỉnh nói:

— Bộ để kiểm rượu đậu nành làm hả?

Thường các nghệ-sĩ sân-khấu qua làng điện-ảnh, vẫn luôn luôn giữ hoặc là điệu-bộ hay cách xưng ngôn của mình. Nên lắm khi giọng nói có vẻ « sân-khấu » không được tự-nhiên, tuy-nhiên, thết rồi họ cũng bỏ được cái tật ấy 1 phần nào.

Bác Ba C. trong phim Trai-Thời-Loạn có một màn đóng hay quá và tự-nhiên hết sức. Màn đó trình bày bác Ba đang nướng khô mực để nhậu, bác lấy mực ở lò than hồng ra, vừa thổi vừa thổi vừa sợ nóng G.P mấy ngón tay « nghệ-thuật » tỏ ra sự thỏa-thích, sự sợ nóng rứt rề, táo-bạo, bác Ba diễn-tả thật không khác mấy ngón tay trong tuồng « le Troisième Homme », Bác bỏ lửng một câu rất tự-nhiên:

— Hề! mực này ngon đa!

(câu này không ở trong tuồng) hay quá! Chúng tôi phục lẫn và bỗng nhiên thích cái « jeu » rất « điện-ảnh » của bác. Viết đến đây, nhớ lại người nghệ-sĩ quá cổ, tôi không khỏi cảm-động, vì hình-ảnh của Bác vẫn còn lớn-vồn trong trí-nhớ của chúng tôi.

Còn biết bao-nhiều nghệ-sĩ khác, đã một thời ghé chân vào ngưỡng cửa Điện-Ảnh, Anh Bảy X, Ba N., MC. v.v... Đặc biệt nhất là anh Bảy X ở ngoài thì chuyên đóng hài-kịch, mà vào phim-trường lại trở nên nghiêm-trang, đóng những vai kếp-độc. Anh có một diễn-xuất tài-tình, chịu khó trau dồi nghệ-thuật và cách xưng ngôn... Tuy nhiên, khi quay xong màn nào nghỉ giải-lao, chúng tôi đều nhờ anh Bảy để cười rú cười rươi quên cả mệt, quên cả cực. Anh Bảy nói:

— Ở đời ít khi muốn mà được! Như tui muốn đóng một vai chọc cười lại bắt tôi đóng vai Quận-Trưởng, cả đời không đánh giặc, cầm súng, đi quân-dịch mà lại làm quan Tư... rồi lấy vợ bị cấm sùng... thật là

oái-oăm, làm tui đi học hỏi muốn rả hơi. Cái nghề làm quan Tư còn dễ vì có mấy đã từng đi Ất Ê ĐON ĐỒ rồi, chớ cái thứ làm chổng mà bị cấm sùng thiệt hết chỗ nói, không có một ma nào chịu về tui thử coi nó ra làm sao!

Tui tui cười muốn chết!

Thiên hồi-ký này, tôi xin tạm ngưng nơi đây để bắt tay tiếp-tục phụng-sự nghệ-thuật.

Tôi ước mong rằng các bạn qua các câu chuyện vui có buồn có, thông-cảm chúng tôi, đoán hiểu đời sống của các tài-tử và chuyên-viên điện-ảnh, một nghề mới, một nghệ-thuật mà chúng tôi đang cố-gắng phụng-sự với tất cả thiện-chí, với tất cả tinh-thần thương, với tất cả tinh-thần phục-vụ.

Dù có thất-bại cũng không nao, dù có thắng-lợi cũng không kiêu, dù có tạm ngưng cũng chỉ để cố-động lực-lượng, kiểm-điểm ưu-khuyết để mạnh tiến.

Chúng tôi thành-thật cảm ơn quý bạn đã theo dõi chúng tôi đến giai-đoạn này. Chúng tôi xin hẹn lại gặp các bạn trong tương lai...

Viết xong ngày 20-2-1960

CHUYỆN

CÀ

KÊ

TRỌNG - TẤU và BÀ - TÈO

* KHỎE NHƯ THẦN

Có một tờ báo đang truyện « Hạng-Võ Việt-Nam » đã nói rằng : « Cụ PHAN-NGÀ thời Quang-Trung Hoàng-Đế đã đấu vật với **đô vật** vô địch Nghệ-An. Truyện ấy không lạ, lạ là ở cái thể trung-bình tấn vững như núi Thái Sơn (sic) của cụ làm cho **đô vật** vô địch Nghệ-An tưởng mình là châu chấu trước con voi. Và hơn nữa là một mình cụ đã đập vụn, nát như bụi (sic) cả 5 mẫu bông trong một thời gian kỷ lục là từ sáng sớm tới 12 giờ trưa.

* THỨ NÀO HƠN

Sức mạnh là một truyện,

nhưng chịu đựng dẻo dai lại là truyện khác. Bởi vậy mới có câu : « Trường đồ tri mã lực » (đường dài biết sức ngựa) vậy con ngựa khỏe (theo nghĩa mạnh) và con ngựa giai, con nào hơn. Nếu vẫn tức là người, thì người ta sẽ mừng tượng cái mã lực trường đồ của nhà thơ « chúa chỏm » Trần-kể-Xương ra sao khi đọc những vần này của ông.

Khi xưa Lựu muốn lấy ông,

*Ông chê Lựu bé Lựu không
biết gì.*

Bây giờ Lựu đã đến thì

*Ông muốn lấy Lựu, Lựu chê
ông già*

Ông già ông khác người ta

CHUYỆN CÀ KÊ

*Những cái li lắc ông ma bằng
mười
(Tú-Xương)*

* CHÚA CHỎM

Thi-sĩ Tú - Xương nợ như chúa chỏm ? Vậy chúa chỏm là ai ? có thật không ? **Chúa Chỏm** tức là vua **Lê-trang-Tông**, thời **Hậu-Lê**, con út của vua **Chiêu-Tông** và tên húy là **DUY-NINH**. Ông là vua khởi đầu triều **Hậu-Lê**. Khi **MẠC-ĐẶNG-DUNG** thoán đoạt ngôi vua, cự thần nhà Lê trốn tránh đi rất nhiều, trong số đó có quan **Hữu-Vệ Điện-Tiền Tướng Quân NGUYỄN - KIM** trốn sang **Ai-Lao**, được vua nước này tên **SẠ-ĐẦU** cho đến ngụ tại **Sầm-Châu**. Ở đây, ông **Nguyễn-Kim** tìm được **Duy-Ninh** bèn lập lên làm vua. Khi vua **Trang-Tông** chưa lên làm vua vẫn gọi là **Chúa Chỏm** và vì nợ nần quá xá nên đã có câu : « *Nợ như chúa Chỏm* » — Vậy các nhà văn nào có nợ như **Chúa Chỏm** nên lấy đó làm điều hãnh diện vì hai lẽ : một là mình cũng đáng vì **Thiên-tử** lắm, hai là biết đâu sẽ chẳng gặp một **Nguyễn-Kim**

để đưa lên ngai Vàng... Hay là sẽ trúng số độc - đắc để ngồi trên một đồng vàng !

* CÁI RỪNG MÌNH

Trong khi mình đang mong trúng số độc-đắc thì lại được tin **Động đất ở Argadir** « có lẽ thấy loài người chém giết nhau quá ón nên bà **Đất** đã rùng mình, mà một khi bà **Đất** rùng mình thì ghê - gớm lắm như « **chị** ». **Diệu-Huyền** nhà ta đã nói trong bài « **Động đất** » ở **Phổ-Thông**.

Bà **Đất** rùng mình ở thành phố **Agadir**, của **Maroc**, làm cho cả chục ngàn người chết. Có người sống sót lù lù dưới đất chổng gậy chui lên tường đầu là tận thế. Có người phải ăn cỏ cho đỡ đói v.v... Ông **Tú** giảng khoa-học cho Bà **Tú** nghe, nhưng tôi thì tôi đoán rằng tại bà **Thần Đất** nổi ghen vì bà thấy loài người lăm-le lên **Cung Trăng** để o-mèo **Hàng-Nga Tiên-nữ**. Có phải không, Bà **Tú** hỏi ông **Tú** xem !

* VẾT RẠN

Nhân tai họa khủng khiếp nói trên, các nhà địa-chất-học

Sách Báo mới

★ **MAU ĐI EM, ngày tháng có đâu nhiều.**

Nhạc-phẩm tháng 6-59. Nhạc và lời của THANH-BÌNH. Ngoài bìa có hình của TRANG-THIÊN-KIM, Giá 5 đồng.

★ **NHÀ VĂN HIỆN-ĐẠI.** Quyển nhất và quyển hai. Của VŨ-NGỌC-PHAN. Nhà xuất-bản THẮNG-TRƯỜNG, Saigon 1960.

Sách này, tác giả, Vũ-ngọc-Phan, đã xuất-bản lần đầu tiên ở Hà-nội năm 1941. Nay, chính em ruột của ông, bạn Vũ-minh-Thiếu, tái bản ở Saigon. Bộ sách phê-bình văn-học rất có giá-trị này gồm có 5 quyển, nay mới ra được 2 quyển, còn 3 quyển sẽ tiếp tục tái bản.

QUYỂN I viết về «các nhà văn hồi mới có chữ quốc-ngữ»

1) Trương-vĩnh-Ký. 2) Nhóm Đông-Dương tạp-chí. (Nguyễn-văn-Vĩnh, Phan-kê-Bính, Nguyễn-Đỗ-Mục). 3) Nhóm Nam-Phong tạp-chí (Phạm-Quỳnh, Nguyễn-bá-Học, Phạm-duy-Tồn, Nguyễn-hữu-Tiến, Nguyễn-trọng-Thuật, Đông-Hồ, Trương-Phổ). Quyển I, dày 192 trang.

QUYỂN II, nói đến «các nhà văn đi tiên phong». Biên-khảo : Trần-trọng-Kim, Bùi-Kỳ, Lê-Dur, Phan-Khôi, Nguyễn-văn-Ngọc, Nguyễn-quang-Oánh, Nguyễn-văn-Tổ, Đào-duy-Anh.

Tiểu-thuyết : Hoàng-ngọc-Phách, Hồ-biểu-Chánh.

Thơ : Nguyễn-khắc-Hiếu, Đoàn-như-Khuê, Dương-Bá-Trạc, Trần-tuấn-Khải.

Quyển II dày 440 trang. Cả hai quyển đều in rất đẹp. Giấy tốt, chữ rõ.

★ **BẠN DÂN.** Nguyệt-san của Công-An Cảnh-Sát Việt-Nam Cộng-Hòa. Giám-đọc Chủ-bút : NGUYỄN-VĂN-HAY. Quản-lý : TRUÔNG-KIM-CANG. Tổng-thư-ký : NGUYỄN-VĂN-LOÁT. Số 1 đã ra ngày 15-3-1960.

Nhiều bài có giá trị. Tuy là tạp san của Cảnh-Sát Công-An, nhưng có nhiều bài về văn nghệ, như «Nàng Kiều bị bắt cóc lúc nào ?» của Thái-văn-Kiểm, «Một vụ án tình sau bức màn sắt» của Duy-Thanh, «Con chó Tess» của Phi-Sơn và Tôn-Ngô, v.v... «Lời phi-lộ» của ông Nguyễn-văn-Hay viết rất lưu loát,., văn hay, ý đẹp. Ấn-loát mỹ-thuật. 50 trang — Giá 10 đồng.

★ **HƯƠNG QUÊ,** tuần san văn-hóa xã-hội

Bộ mới, số 1, ra ngày 19-3-1960. Chủ-nhiệm HỒ-BÁ-CAO. Chủ-bút : NGUYỄN-NGỌC-BẢO. Giám-Độc Trị-sự : ĐÀO-ĐÌNH-TÍNH. Tổng-thư-ký : LÊ-TRANG-KIỀU.

Với sự cộng-tác của nhiều ký giả có tài năng : Phạm-Hữu, Trần-việt-Sơn, Hòa-Ngọc, Bích-Hợp, Giảng-Kiều, Phạm-cao-Củng, Thái-Linh, Doãn-quốc-Sỹ, Thái-văn-Kiểm, v.v... Nhiều bài hay. 36 trang. Giá 5 đồng.

★ **THƠ LAM SƠN,** của LAM-SƠN.

Thi-sĩ Lam-Sơn LÊ-TẤN-LỢI, chánh sự vụ Bộ kinh-tế, là một bậc tài hoa khả-ái. Một nhà trí thức tân học có rất nhiều khả năng, một thanh-niên hoạt bát, một thi nhân hào hoa phong nhã.

Tập «thơ Lam-Sơn» có 61 bài, gồm nhiều loại : Thơ hùng, Thơ phiêu-linh, Thơ sống, Thơ vui, Thơ tình cảm. Mỗi loại đều có một sắc thái riêng biệt, gọi được cho người đọc một cảm giác thanh-thú, nhẹ nhàng.

In rất đẹp — 136 trang lớn — 50 đồng.

★ **LỊCH-SỬ CẬN-ĐẠI DANH NHÂN THI TẬP.**

của Đông-y-sĩ ĐỖ-PHONG-THUẦN

Gồm trên 50 bài thơ bát cú Đường-luật, luận về các nhân vật

Lịch sử Việt-Nam Cận đại : Quang-Trung, Ngọc-Hân Công-chúa.
Gia-Long, Châu-văn-Tiếp. Đỗ-thành-Nhân, Tôn-thọ-Tường, Phan
đình-Phùng, Phan-châu-Trinh, Hồ-văn-Ngà, v.v..

98 trang — Giá 20 đồng.

★ **MÂY**, Thi phẩm của **VŨ-HOÀNG-CHƯƠNG** tác giả tái
bản. Chia làm hai phần : **THƠ SAY** có 32 bài, và **MÂY** 25 bài.

Thơ say và *Mây* là hai thi phẩm đã ấn hành năm 1940 (*Thơ
say*) và 1943 (*Mây*), nay tác giả tái bản, in chung vào một tập,
dưới một hình thức rộng lớn và trình bày rất trang nhã. Nền
và bìa do Thi-sĩ Đinh-Hùng minh họa với một nghệ thuật vô
cùng tế nhị.

Cùng một lúc, chúng tôi lại nhận được cả tập thơ «**HOA-
ĐĂNG**» cùng một tác giả, do Văn hữu Á-Châu xuất bản năm 1959.
Bìa và nền cũng do nét họa tài tình của Thi-sĩ Đinh-Hùng tô
điểm.

Thơ của **VŨ-HOÀNG-CHƯƠNG**, tôi tưởng không cần
phải giới thiệu nhiều với bạn đọc *Phổ-Thông* : danh tiếng lừng lẫy
của thi - sĩ họ Vũ đã có từ 1940, đủ đảm bảo giá trị đặc biệt của
Thi phẩm «**HOA-ĐĂNG**» mới ra đời, và «*Thơ say — Mây*»
vừa tái bản. Ông là một trong số Thi sĩ hiếm hoi của thời Tiền
chiến ở đất Bắc có chân tài, có thực học, sống sót ngày nay dưới
trời Nam quạnh quẽ, nhưng mặc dầu ở giữa một thể hệ cuồng
loạn đảo điên, vẫn còn giữ được phong-độ của Thơ thuần túy,
của Thơ chân chính, thanh cao, không bị ảnh hưởng nhất thời
bởi các triệu chứng giả tạo và bệnh hoạn của một «huyền bí»
quá dễ dãi, mơ hồ.

Thơ của Vũ-hoàng-Chương thật đẹp, điêu khắc tế nhị như một
mỹ-phẩm nghệ thuật bằng ngà, chạm trở tinh vi. *Thơ say* nhưng
không cuồng-loạn, không ê-chề, say nhẹ nhàng, êm dịu, như một
trái tim dậy men trong ngày ngắt của tình yêu. *Thơ mây* là một
bức tranh thêu với màu sắc biến chuyển muôn hình của một nền
trời hoa mộng. *Hoa đăng* cũng thế, vang dội khúc ca diễm tuyệt
của ánh sáng muôn màu, của mùa xuân vĩnh viễn.



Truyện dài của cô **VÂN - NGA**

(Tiếp theo P. T. số 30)

TÌNH yêu ở người đàn
bà vẫn hay khấn khít và
đơn hậu, nhất là đối với mối tình
đầu, như là một người chưa từng
biết uống rượu bỗng nhấp phải
một thứ men say để chịu càng
uống càng khao khát, càng say
mê mẩn, càng tin tưởng rằng đời
không chi tươi đẹp bằng chung
rượu tình. Tôi chẳng qua nhi nữ
thường tình, đã dâng trọn tâm
hồn cho người yêu lý tưởng, xem
chàng là trọn cuộc sống tôi, là
tất cả tôi, và sự có mặt chàng gần
bên tôi cũng cần bằng hơi thở

vậy. Sự yêu mến chưa vừa, thoát
phải cảnh chia lìa, ai mà không
đau khổ tưởng chừng sắp chết !

Nếu không gánh nặng gia đình,
mẹ yếu em thơ, tôi đã không
ngần ngại gì chẳng đi theo chàng,
như đôi chim liền cánh, dù là
phải đến chân trời góc bể nào,
dù phải qua bao giông tố bão
bùng, tôi cũng chỉ xin được cùng
chàng chia cay sót đắng... Hay
bây giờ ước gì có phép lạ nào
biến chàng thành chú bé tí hon
trong chuyện thần tiên để chàng
sẽ không rời tôi nửa bước và tôi
sẽ cất dấu chàng, che chở cho
chàng để không ai làm hại đến
được.

Tôi dòm qua Thanh thấy chàng
đăm đăm nhìn tôi, nhưng trong
cặp mắt sáng ấy có phảng phất
một vẻ cương quyết khiến tôi
đau quặn nơi lòng. Chàng cũng
đã khổ sở lắm khi nói đến sự biệt
ly, nhưng chàng là trai thời loạn
còn bao nhiêu trách nhiệm trên
vai, không thể vì sự ủy mị của
khách má hồng mà bỏ rơi chí khí.
Tôi tự thẹn lấy mình vì đã có
những tư tưởng ích kỷ, tôi không
có quyền bịn rịn, ràng buộc
Thanh, làm cho chàng không thể
thành thơ cất bước ra đi.

Tôi cười qua ngán - lẹ, đã là
cùng chàng :

— Anh đi gấp rút như vậy, làm sao em lo kịp đồ ăn để bỏ theo đường ?

Thanh hiểu lòng tôi, mỉm cười để cảm ơn :

— Khởi em à. Các anh đi đến đâu, tìm ăn đến đó.

Tôi vừa muốn nói nữa bỗng nghe có nhiều tiếng gọi ới ới bên sông. Thanh và tôi nhìn qua, thấy có nhiều người chạy vội vàng. Biết có biến, tôi vội kêu hỏi :

— Anh Ngà, cái gì vậy ?

Người thanh niên gần xóm tôi nhìn qua và trả lời :

— Tây tới !

— Trời chúng đi ngã nào ?

— Tụi nó ở Thất-Lát qua.

Chị nên ra đồng trốn đi.

Thanh kéo tay tôi chạy vào trong nhà. Các bạn gái của tôi cùng các em tôi nghe tin dữ sợ nhao nháo.

Thanh và các bạn chàng liền sắp đặt cho chúng tôi ra đồng trốn, người nào có phận nấy, vừa trông coi đồ đạc cần thiết vừa bảo vệ trẻ nít. Khi chúng tôi qua khỏi vườn dừa, nghe có lát đất vài tiếng súng bắn ở xa xa. Thanh liền bảo :

— Giặc còn xa, bà con đừng chộn rộn, người nào núp đầu đó

cho kín đáo chờ tin. Anh em chúng tôi trở lại nghe ngóng tình hình rồi sẽ cho hay coi là phải tản-cư luôn hay thế nào.

Thanh vừa trở bước, tôi liền gọi :

— Anh ơi, trở lại chốn nguy hiểm làm chi nữa, hễ mình thấy thiên hạ chạy đâu, mình chạy đó cũng được rồi.

— Em đừng lo, anh đại gì để bị hại đâu.

Thanh cùng vài bạn biến mình trong các lùm cây. Chúng tôi chờ sốt cả ruột, ngồi đứng không yên. Súng giặc nổ càng lúc càng gần, chúng tôi có thể đoán biết được hiện giờ chúng đã đến nhà ai rồi. Vài bực khói đen tuông ngàn ngụt lên khỏi rừng cây sau xóm nhà khiến chúng tôi nặng trĩu một mối thương tiếc bên lòng.

Đứa em trai thứ bảy của tôi mếu máo hỏi tôi :

— Tây có đốt nhà mình không hả chị ? Nhà cháy rồi, mình ở nơi đâu ?

Tôi thở dài, nhìn về hướng nhà tôi cách chỗ cháy độ ngàn thước, không trả lời. Tiếng súng của giặc không còn nghe nữa, và một lúc sau Thanh trở ra

đồng tìm chúng tôi.

— Tây chỉ đi tới trại ruộng ông Cả Thiếm mà thôi.

— Ông Cả là bà con mình, không biết cả nhà có sao không ?

— Tụi nó bắn chết vợ chồng Tư Thường, con và dâu của ông !

Giặc hay bắn giết thường dân quá lắm. Những ngày gần đây, ngày nào cũng nghe nói có người bị giết, nhưng chúng tôi không ngờ cái tai họa ấy đến làng chúng tôi mau như thế, và rồi đây mai kia một họ, dân làng tôi còn những ai sẽ là nạn nhân của chúng ?

Chúng tôi vào nhà lo cơm nước buổi tối cho mấy anh ăn uống xong thì ra đi. Trước đã dự định sẵn là các anh dùng chiếc ghe bốn chèo của nhà tôi để đi cho chóng, nhưng bây giờ bọn anh Thanh không nữa mượn ghe ấy vì phải để phòng hồ cho giữ đình chúng tôi tản cư. Chàng cùng các bạn định đi bộ, tôi liền bảo với má tôi cho mượn chiếc ghe lão đã kéo úp trên kho. Ghe ấy trông mui vào và đầy xuống nước thì cũng tạm đi được miễn là phải có người năng tát nước. Tôi đem đi dưới ghe một khạp nhỏ đầy gạo, một thùng thiếc

nước mưa và củi, mắm...v.v.. để dùng vào việc nấu nướng không thiếu món chi.

Thanh cảm động nắm tay tôi lại và bảo :

— Em lo chu tất như vậy, làm sao mà anh quên em được.

— Anh ơi, em ở nhà khổ lắm, anh ráng mau về.

— Xa em anh vẫn nhớ đến em, và nguyện cố gắng để xứng với lòng chờ đợi của em. Em đừng quá ưu phiền và phải giữ lấy sức khoẻ để mà lo toan việc nhà. Em cũng thừa biết rằng anh nào muốn xa em, nhưng anh không thể ở mãi đây được.

— Và em nữa, khi anh trở về biết em còn ở đây chẳng ?

Tôi vừa nói vừa gục đầu vào ngực chàng, kéo áo chàng lau nước mắt. Tôi cố cầm lòng lắm mới không khóc ra thành tiếng. Thanh vỗ về tôi :

— Anh cầu xin Trời, Phật phù hộ cho em, cho cả gia đình. Còn việc nhà, nếu xảy ra việc gì khó khăn, em nên tìm đến gia đình bên anh, chắc ba má anh thương yêu, giúp đỡ em được.

Tôi lấy ra một trăm đồng bạc nhỏ ở trong ống tiền tôi vừa đập.

ra khi nãy mà trao cho Thanh :

— Đây là số tiền mượn em để dành bấy lâu, anh cầm lấy mà đi đường.

— Anh cũng có đủ dùng, em cứ để dành xài đi.

Tôi nhét số bạc vào túi áo chàng :

— Em đâu có cần tới nó bằng mấy anh.

Khi ấy, con nước đã lớn. Các bạn của Thanh lần lượt xuống ghe. Thanh xiết chặt tay tôi :

— Em ơi, anh đi nha em.

— Khoan một chút nữa đã anh.

Thời gian qua sao nhanh quá. Tôi cầm cọng giữ chàng ở náng

lại bên tôi ba lần mà gỡ chỉ là trong một giây khắc mà thôi. Sau cùng, chúng tôi bị rịn lia tay, chàng xuống ghe, mắt không rời tôi. Ghe từ từ tách bến, tôi giờ tay vẫy chàng, miệng nắc lên câu từ già :

— Anh đi đường được mạnh giỏi.

— Còn em, em ở nhà bình an nhé.

Tôi nhìn theo chàng mãi đến khi bóng chàng khuất hẳn trong đêm tối mà tôi ngẩn ngơ cả lòng. Không biết đến bao lâu, em Năm tôi mới kéo tay tôi và bảo :

— Trời khuya rồi, vào trong đi nghỉ đi chị ạ. (còn nữa)

Kính Quý Phật-Tử

Muốn nghiên-cứu chân lý cao thâm của Phật Giáo
Muốn học tập đúng đường lối của Phật dạy
Muốn biết tin-tức Phật-giáo nước nhà và thế-giới.

HÃY XEM Liên-Hoa Nguyệt-San

Chủ nhiệm : Thượng-tọa THÍCH ĐÓN HẬU

với sự cộng-tác của quý Tăng-sĩ du-học ở hải-ngoại :
Nhật, Ấn, Pháp, Anh và một số giảng-sư, cư-sĩ thâm hiểu
Phật-Pháp ở Trung-phần



Có phát-hành tại chùa Xá-lợi, chùa Ấn-quang Sài-gòn và các
chùa Phật-giáo cùng các nhà sách lớn khắp các tỉnh miền Trung

Thư từ xin gởi về :

Tổng thư ký : Thầy THÍCH-ĐỨC-TÂM

Số 66, Đường Chi-Lãng
(Hộp thư 24) — HUẾ

Bạn Đọc Việt (tiếp theo trang 4)

«— Lòng kia có phải CỦA Nagasena không ?

«— Không.

«— Da, thịt, xương, gan, ruột kia có phải CỦA Nagasena không ?
v.v...

Nếu quả thật vua Milinda đã đặt những câu hỏi như trên, trong đó chữ CỦA thủ một vai tuồng then chốt, thì theo phép tỷ-luận; Đức Nagasena không được, trong tỷ-dụ đối chiếu, hỏi lại Vua Milinda :

«— Gọng xe có phải LÀ xe không ?

«— Phải vì xe LÀ xe không ?

Được hỏi lại như thế, chỉ khi nào Vua Milinda đã hỏi : «Tóc, lông, da, thịt, xương, gan, ruột kia có phải LÀ Nagasena không ?» «Đàng này, vua Milinda hỏi : phải CỦA Nagasena không ?

Nhưng, sự thực, Vua Milinda đã dùng chữ CỦA hay chữ LÀ ? Ông Thẩm-thệ-Hà quả quyết nhà vua đã dùng chữ thứ nhất. Chúng tôi tin rằng nhà vua đã dùng chữ thứ nhì, căn cứ trên những tài liệu tham khảo sau đây :

1.— Na-Tiên Tỷ-Kheo Kinh (bản dịch ra Việt-văn của Đoàn-trung-Còn, trang 25-26) :

«... Nếu Ngài nói rằng : «Các Thầy Tỷ-kheo kêu tôi là Na-tiên», thì Na-tiên đó là ai ? Bạch-Ngài, xin Ngài giải cho. Hay tóc trên đầu là Na-tiên ?

«— Không phải đầu, Bệ-hạ.

«— Hay là lông, móng, răng, da, thịt, v.v... ?

«— Cũng không phải. v.v...

2.— Les questions de Milinda (bản dịch từ chữ Pali ra Pháp-văn của Lois Finot, trang 58) :

«... Quand tu dis : «Mes confrères m'appellent Nagasena», quel EST ce Nagasena dont tu parles ? Est-ce les cheveux qui SONT Nagasena ?

«— Non, Maharaja.

«— EST-CE les poils, les ongles, les dents, la peau, etc...

«— Non, Maharaja.

etc...

3.— *Na-Tiên Ty-kheo Kinh* (bản Hán-văn trong bộ Đại-Tạng Đại Chánh Tân tu, tập thứ 32, trang 1670) :

«... Vương vấn Na-tiên : Thày VI Na-tiên già? Đâu VI Na-tiên da ?

«— *Bất VI Na-tiên.*

«— *Wương phục ngôn : Nhĩ, tỷ, khâu, VI Na-tiên da ?*

«— *Bất VI Na-tiên.*

v.v...

Cứ như trên thì không có chỗ nào nhà vua dùng chữ CỬA cả, mà đều dùng chữ LÀ — chữ VI ở đây chỉ có nghĩa là LÀ.

Vậy rõ ràng Đức Nagasena không phạm phép tỷ-luận và không có ngụy biện, phi trường hợp Ông Thâm-thệ-Hà có một tài liệu đáng tin khác mà chúng tôi chưa được hân hạnh xem thấy.

Trong khi chờ đợi sự chứng minh của Ông Thâm-Thệ-Hà, chúng tôi giữ vững sự tin tưởng của chúng tôi, chẳng những vì những bằng cứ vừa kể, mà còn vì mạch lạc của câu truyện giữa Vua Milinda và Đại-đức Nagasena. Hai đảng tranh luận về thuyết Vô-ngã. Nếu nhà vua quả có hỏi : tóc kia có phải CỬA Nagasena không ?, thì câu chuyện đã lạc hướng rồi. Đức Nagasena đã bảo không có Nagasena, mà còn hỏi phải CỬA Nagasena thế nào được?...

PHỔ-THÔNG vẫn ra mỗi tháng 2 kỳ

Thẻ theo ý kiến của đại đa-số bạn đọc, Phổ-Thông sẽ không ra mỗi tháng 3 kỳ, và vẫn tiếp tục ra hai kỳ, đúng những ngày 1 và 15 như thường lệ. Vậy xin bá cáo đề bạn đọc thân mến được rõ.

ĐÁP BẠN BỐN PHƯƠNG

* BẠN TRẦN-AN-CÁT — HUẾ

1) Bài Thơ của Vua Trần-đề Quý-khoách (Trùng-Quang) tiễn đưa Nguyễn-Biểu lúc vua ở Hóa-Châu phái ông này ra Nghệ-An để cầu với Tướng nhà Minh là Trương-phụ, phong cho Vua, (1413) :

Mấy vần thơ cũ ngợi hoàng-hoa,
Trịnh-trọng rày nhân dựng khúc ca.
Chiếu phượng mười hàng to cận-kê,
Vô câu ngàn dặm tuyết xông-pha.
Tang đồng đã bấm lòng khi trẻ,
Khương-quế thêm cay tỉnh tuổi già,
Việc nước một vai công ngõ vẹn,
Gác lán danh tiếng đợi lâu xa.

Bài thơ của Nguyễn-Biểu họa lại :

Tiếng ngọc từ vàng trước bệ hoa,
Ngóng tai đồng-vọng thuở thi-ca.
Đường mây vô kỷ lần lần trải.
Ái-tuyết cờ mao thức-thức pha.
Há một cung tên lòng chí trẻ,
Bội mười vàng sắt đức gan già.
Hổ mình và thiếu tài chuyên đổi,
Dịch lộ ba ngàn dám ngại xa.

2) Những chữ Pháp : Xà-phòng, cà-phê, phim, radio, và hàng nghìn chữ nữa có thể được coi như là đã Việt-nam-hóa vì đã được thông-dụng từ lâu, và tiếng Việt không có chữ khác để thay thế những tiếng Pháp kia. Cũng không thể dịch cách nào được.

3) Máy vô-tuyến-điện dùng trong nhà là MÁY THẤU-THANH (Poste récepteur), chỉ thu thanh thôi, không thể gọi là MÁY PHÁT-THANH được (Poste émetteur).

4) Vàng, có nhiều người Việt-nam nói chữ V trong tiếng Pháp : Vendredi, Vingt, Je Vais, je Viens, v.v... thì được, mà nói tiếng Việt thì Giui-Giê, đi Dê, như Giây..., đó là tại thói quen, không sửa giọng, chớ không phải là không nói được.

* **BẢN THANH - HUYỀN. HỘP THƠ SỐ 41 NHA - TRANG**

— Thế-Hệ = một thời-gian trải qua từ lúc thiếu-niên đến lão-thành. (Une génération). Một lớp người đồng lứa.

— Thế-kỷ = một phân-chia niên-kỷ gồm mỗi kho-ăn-cách 100 năm ; (un Siècle)

— Cao 1 thước 63 mà chỉ cân nặng được 48 kí thì triệu-chứng sức khỏe không được dồi-dào. (Ít nhất, muốn cho sức khỏe được cân-đối, phải cân nặng 60 kí. nếu cao 1m63.

— Nói về nguyên-thủy của **DƯƠNG - LỊCH** và **ÂM - LỊCH** hiện đang áp - dụng, thì phải chia ra 3 thứ Lịch : **DƯƠNG - LỊCH** (hoặc Nhật - Lịch — *Calendriers solaires*), **ÂM-LỊCH** (hoặc Nguyệt-Lịch — *Calendriers lunaires*), và **ÂM-DƯƠNG-LỊCH** (*calendriers luni-solaires*).

A. — **DƯƠNG-LỊCH** hiện được thông-dụng khắp nơi trên Trái-Đất, là căn cứ trên cuộc tuần-hoàn của quả Địa-cầu chung quanh Mặt Trời (thái-dương), tức là **365 NGÀY** và **6 GIỜ**, hơn hay kém vài phút thôi.

Hiện giờ thì dương-lịch được thông-dụng theo một quy-tắc chung như nhau, nhưng trước đây Dương-Lịch đã biến đổi hai ba lần, xê xích nhau chỉ mấy ngày hay mấy giờ thôi.

1. — **Lịch julien** (cũng gọi là lịch xưa) do Hoàng-đế La-Mã **JULES CÉSAR** (vì tên Vua có chữ Jules nên gọi là lịch julien) đặt ra từ năm **45** trước chúa Giê-su. Lịch này được thông-dụng khắp các nơi ở Âu-châu và Tây-Á cho đến **CUỐI THẾ KỶ XVI**, nói đúng hơn là đến năm **1582**. Riêng nước **NGA**, còn dùng mãi đến năm **1918**, và nước **HY LẠP**, dùng cho đến năm **1923**. Dương-lịch julien tính một năm **365 NGÀY 1/4**. Cứ ba năm liên tiếp 365 ngày rồi đến một năm nhuận 366 ngày (Thêm một ngày vào tháng Hai).

2. — **Lịch grégorien** (cũng gọi là Lịch Mới) Gần cuối thế kỷ XVI các nhà văn Thiên-văn học La-Mã xét lại thấy rằng căn cứ theo tiết-xuân-phân (Equinoxe de Printemps) thì trái đất xoay chung quanh mặt trời không phải là 365 ngày 6 giờ, mà **365 ngày 5 giờ 48 phút 45 giây 985**, mới thật là đúng theo xuân-tiết. Vì vậy cứ tính theo Lịch julien của César thì dồn dập từ xưa đến năm **582** Lịch ấy tính quá lỗ 10 ngày. Giáo-Hoàng **GRÉGOIRE XIII** liền sửa đổi Lịch của César cho đúng với xuân tiết, nên quyết định ngày **5**.

tháng **10** năm **1582** đổi thành ngày **15** tháng **10**, nghĩa là năm 1582 phải rút ngắn lại 10 ngày. Thế là Lịch mới này được gọi là lịch **Grégorien** (lấy tên của Giáo Hoàng Grégoire XIII) và bắt đầu từ ngày **15** tháng **10** năm **582**. Nhưng có hai nước không theo Lịch mới, Hy-Lạp và Nga, nhất định giữ theo Lịch cũ của Jules César. Nghĩa là trong lúc các nước theo Thiên-chúa-giáo ở Âu-Châu đều sửa lại theo Lịch mới ngày 15 tháng 10 năm 1582, thì riêng Hy-Lạp và Nga vẫn giữ theo Lịch cũ, là 5 tháng 10. Nhưng rồi tháng 10 năm **1918**, Nga bỏ lịch cũ, sửa lại theo Lịch mới. Mãi đến năm **1923** Hy-Lạp mới sửa Lịch cũ lại theo lịch mới. Cho đến ngày nay, Dương Lịch mà chúng ta hiện đang dùng, là Dương-Lịch **grégorien**, được thông dụng khắp thế giới, kh ông còn sửa đổi gì nữa. Theo Lịch này, cứ 4 năm thì có 1 năm nhuận, nghĩa là năm ấy tháng Hai có 29 ngày, còn 3 năm không nhuận thì tháng Hai (Février) chỉ có 28 ngày. Theo Dương-Lịch hiện nay mỗi năm Lịch là **365** ngày **5** giờ **49** phút **12** giây, tức là chỉ sai với Năm của tiết Xuân (Année tropique) không đến nửa phút. (Năm của Tiết Xuân là 365 ngày 5 giờ 48 phút, 45 giây 985). Phải 4.000 năm mới sai một ngày.

B. **ÂM-LỊCH** chỉ tính theo mặt trăng chứ không tính theo mặt trời.

10) Lịch La-Mã trước Jules César. Mỗi năm chỉ tính có 304 ngày.

20) Lịch Macédonien cũng 12 tháng mỗi tháng 29 ngày, hoặc 30 ngày.

30) Lịch Hy-Lạp, 354 ngày.

40) Lịch Ba-Từ, 365 ngày.

50) Lịch Hồi-giáo, 360 ngày.

C. **ÂM-DƯƠNG-LỊCH**, tức là Lịch Tàu, Nhật, Việt-Nam. Lịch này người ta gọi «*Âm-Lịch*» là hoàn toàn sai lầm. Vì chỉ có lịch Tàu là tính theo đúng với cuộc tuần hoàn của Trái Đất chung quanh Mặt trời và của Mặt Trăng chung quanh Trái Đất, theo đúng kinh tuyến Bắc-kinh. Quyển lịch Tàu đầu tiên được xuất-bản tại Bắc-Kinh năm **1644**. Mỗi năm 12 tháng lấy theo 12 con Trăng, tức là 360 ngày. Tuy nhiên có tháng đủ là 30 ngày, tháng thiếu 29 ngày. Có năm phải tính 13 tháng (tháng nhuận) cho hợp với vị trí Mặt Trời, và theo mỗi Niên-kỷ là 60 năm. Năm 1923 là khởi tiếp Niên-kỷ 77.

XỔ SỐ KIẾN - THIẾT

LOẠI ĐẶC - BIỆT

Thanh - niên bảo - vệ hương - thôn

Phát - hành 4 kỳ :

Loại I	mở ngày	10-5-1960
— II	—	24-5-1960
— III	—	7-6-1960
— IV	—	21-6-1960

Mỗi vé giá 10^đ

K. D. số 106 — Saigon, ngày 23-3-1960
In tại nhà in TẤN-PHÁT—283 Gia-Long — Saigon

Kỳ sau : (PHỔ - THÔNG số 33)

Đặc-biệt về LỄ PHẬT-ĐẢN (8 tháng 4 Á-L)
và LỄ LAO-ĐỘNG (1-5-1960)

◆◆◆ ★ ◆◆◆

- ★ Minh ơi ! Lịch-sử ngày 1-5
trên thế-giới như thế nào ? Diệu-Huyền
- ★ Ngày 1-5 của Lao-động Việt-Nam Trần-quốc-Bửu
chủ-tịch Tổng-Liên-đoàn
Lao-Công Việt-Nam
- ★ Sư-cụ Đồ-tháp-Thuận, Đại-diện
Vua Lê-dại-Hành, tiếp Đại-sứ Tàu Lý-Giác . . . Mạnh-Tường
- ★ Thông-diệp của Phật và Trái bom Nguyên-tử . Giáo-sư Zutshi
(Tân Đê Li, Ấn-Độ)
- ★ Ý-nghĩa lá cờ Phật-giáo Tân-Son
- ★ Hoàng-tử Siddharta (thơ) Nguyễn-Vỹ
Dịch ra thơ Anh-văn : Siddharta
Sautama's adventures G.S. Đặng-công-Thắng
Giám đốc The Polyglote House
- ★ Văn-minh Phật-giáo Bác-sĩ André Migot (Paris)
- ★ Đức Nagasena nguy hiểm hay không ? Thâm-thệ-Hà.
- ★ Tung-tích mơ-hồ (Thơ) . . . Bà Trương-Phổ (Nha-Trang)
Ngày xuất-thế (Thơ) Cô Cầm-Thủy (Huế)
- ★ Đệ-nhi Thế-chiến giữa
Thơ mới và « Thơ Tự-Do » Phương-Hải

Bài đăng PHỔ-THÔNG luôn luôn là những bài được
chọn-lọc.

Phổ.Thông có một số độc-giả khá đông ở Pháp, Ý,
Đức, Anh, Ấn, Mỹ, Úc, Nhật, Phi-luật-Tân, Xiêm,
và Nam-Dương.